

**ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**KHOA KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**NGUYỄN THỊ THANH LY**

**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP  
TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
*Chuyên ngành: Cử nhân Quản lý giáo dục*  
**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**  
**TH.S LƯƠNG NGỌC HẢI**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2019- 2020**

**ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**KHOA KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**NGUYỄN THỊ THANH LY**

**THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP**  
**TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
*Chuyên ngành: Cử nhân Quản lý giáo dục*  
**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**  
**TH.S LƯƠNG NGỌC HẢI**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2019- 2020**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là luận văn tốt nghiệp của riêng tôi, được thực hiện do yêu cầu học tập. Các số liệu và kết quả nghiên cứu được sử dụng trong bài báo cáo này là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được thu thập trong quá trình nghiên cứu.

**Nguyễn Thị Thanh Ly**

## **LỜI CẢM ƠN**

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh cùng với các thầy/ cô của Khoa Khoa học Giáo dục đã quan tâm và tạo điều kiện cho em thực hiện đề tài, tìm kiếm nguồn tư liệu, tài liệu cho luận văn.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến ThS. Lương Ngọc Hải – người đã nhiệt tình hướng dẫn và hết lòng giúp đỡ em trong suốt thời gian thực hiện luận văn.

Nhân đây em cũng trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu, quý Thầy/Cô và các bạn học sinh tại các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ em trong suốt quá trình tìm hiểu thực tế tại quý trường.

Cuối cùng, em xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn chân thành đối với người thân, gia đình, bạn bè đã động viên và tạo điều kiện, giúp đỡ hỗ trợ em trong suốt quá trình học tập và hoàn thiện luận văn.

TP.HCM, ngày 03 tháng 07 năm 2020

**Nguyễn Thị Thanh Ly**

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| LỜI CAM ĐOAN .....  | 2  |
| LỜI CẢM ƠN .....  | 3  |
| DANH MỤC CÁC BẢNG.....  | 8  |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....  | 10 |
| MỞ ĐẦU.....   | 1  |
| 1. Lý do chọn đề tài .....  | 1  |
| 2. Mục tiêu đề tài .....  | 2  |
| 3. Cách tiếp cận .....  | 2  |
| 4. Phương pháp nghiên cứu.....  | 3  |
| 5. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....   | 4  |
| 5.1. Khách thể nghiên cứu .....   | 4  |
| 5.2. Đối tượng nghiên cứu .....   | 4  |
| 6. Giả thuyết khoa học .....  | 4  |
| 7. Nhiệm vụ nghiên cứu .....  | 4  |
| 8. Phạm vi đề tài .....   | 4  |
| 9. Bố cục đề tài.....   | 5  |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<br>HƯỚNG NGHIỆP TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG..... | 6  |
| 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....   | 6  |
| 1.1.1. Trên thế giới.....   | 6  |
| 1.1.2. Ở Việt Nam.....  | 7  |
| 1.2. Lý luận về hướng nghiệp và hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung<br>học phổ thông.....  | 10 |
| 1.2.1. Một số khái niệm cơ bản .....  | 10 |
| 1.2.1.1. Hướng nghiệp .....   | 10 |
| 1.2.1.2. Giáo dục hướng nghiệp: .....   | 11 |
| 1.2.2. Ý nghĩa của hoạt động giáo dục hướng nghiệp .....  | 11 |
| 1.2.2.1. Ý nghĩa giáo dục.....  | 11 |
| 1.2.2.2. Ý nghĩa kinh tế .....  | 12 |
| 1.2.2.3. Ý nghĩa chính trị.....   | 12 |
| 1.2.2.4. Ý nghĩa xã hội .....   | 13 |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>1.2.3. Mục đích của công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông</b>   | <b>13</b> |
| <b>1.2.4. Chức năng của công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông</b>  | <b>13</b> |
| <b>1.2.5. Nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông</b>  | <b>14</b> |
| <b>1.2.6. Nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở trường phổ thông</b>  | <b>15</b> |
| <b>1.2.7. Các hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông</b>   | <b>18</b> |
| 1.2.7.1. Hướng nghiệp thông qua các môn học  | 18        |
| 1.2.7.2. Hướng nghiệp thông qua dạy nghề phổ thông, lao động kỹ thuật và lao động sản xuất   | 19        |
| 1.2.7.3. Hướng nghiệp bằng hình thức giới thiệu các ngành, nghề và hướng dẫn chọn nghề thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp             | 20        |
| 1.2.7.4. Hướng nghiệp qua các hoạt động tham quan, ngoại khóa, các hoạt động tư vấn nghề nghiệp, hướng dẫn từ gia đình và các tổ chức xã hội | 20        |
| <b>1.2.8. Một số phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông</b>  | <b>21</b> |
| <b>1.2.9. Tính chất hướng nghiệp của nhà trường phổ thông Việt Nam</b>   | <b>22</b> |
| <b>1.3. Lý luận về quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông</b>  | <b>22</b> |
| <b>1.3.1. Các khái niệm cơ bản</b>   | <b>22</b> |
| 1.3.1.1. Quản lý   | 22        |
| 1.3.1.2. Quản lý giáo dục  | 23        |
| 1.3.1.3. Quản lý nhà trường  | 24        |
| 1.3.1.4. Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp   | 25        |
| <b>1.3.2. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp</b>   | <b>26</b> |
| <b>1.3.3. Các chức năng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp</b>  | <b>28</b> |
| 1.3.3.1. Chức năng kế hoạch hóa  | 28        |
| 1.3.3.2. Chức năng tổ chức   | 29        |
| 1.3.3.3. Chức năng chỉ đạo   | 29        |
| 1.3.3.4. Chức năng kiểm tra  | 30        |

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....31**

**2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và tình hình phát triển văn hóa, giáo dục ở quận 1, TP. Hồ Chí Minh .....31**

**2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....31**

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên .....31

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội .....32

**2.1.2. Tình hình phát triển văn hóa, giáo dục .....32**

**2.2. Vài nét về đối tượng khảo sát.....33**

**2.3. Mô tả về cách thức nghiên cứu đề tài.....35**

**2.3.1. Công cụ nghiên cứu .....35**

**2.3.2. Cách tính điểm.....36**

**2.3.3. Xử lý số liệu.....37**

**2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh .....37**

**2.4.1. Thực trạng nhận thức của học sinh, giáo viên về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp của học sinh .....37**

**2.4.2. Thực trạng quản lý việc thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh .....40**

**2.4.3. Thực trạng xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh: .....45**

**2.4.4. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh.....48**

**2.4.5. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh: .....52**

**2.4.6. Thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh.....56**

**2.4.7. Những thuận lợi, khó khăn của lãnh đạo các trường trong công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp .....59**

2.4.7.1. Thuận lợi .....59

|   |           |
|---|-----------|
| 2.4.7.2. Khó khăn: .....  | 60        |
| <b>2.5. Cơ sở đề xuất giải pháp .....</b>   | <b>64</b> |
| <i>2.5.1. Cơ sở pháp lý.....</i>  | <i>64</i> |
| <i>2.5.2. Cơ sở lý luận .....</i>   | <i>65</i> |
| <i>2.5.3. Cơ sở thực tiễn .....</i>   | <i>65</i> |
| <i>2.5.4. Các biện pháp tăng cường quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ....</i>       | <i>65</i> |
| 2.5.4.1. Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông .....     | 65        |
| 2.5.4.2. Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm công tác GDHN .....                  | 67        |
| 2.5.4.3. Tăng cường đầu tư về tài chính, CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác GDHN ..... | 69        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>   | <b>71</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>  | <b>74</b> |
| <b>PHỤ LỤC .....</b>  | <b>76</b> |
| PHỤ LỤC 1: Phiếu khảo sát dành cho cán bộ quản lý .....                                   | 76        |
| PHỤ LỤC 2: Phiếu khảo sát dành cho giáo viên.....   | 86        |
| PHỤ LỤC 3: Phiếu khảo sát dành cho học sinh .....   | 95        |
| PHỤ LỤC 4: Bảng và biểu đồ số liệu khảo sát.....  | 101       |



## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

|   |     |
|---|-----|
| Bảng 1: Bảng tổng hợp số liệu về đối tượng khảo sát.....  | 34  |
| Bảng 2: Thống kê tình hình cán bộ QL, giáo viên được khảo sát.....  | 34  |
| Bảng 3: Cách tính điểm các câu của thang đo mức độ thực hiện.....   | 37  |
| Bảng 4: Cách tính điểm các câu của thang đo kết quả thực hiện.....  | 37  |
| Bảng 5: Cách tính điểm các câu của thang đo mức độ gây khó khăn .....   | 37  |
| Bảng 6: Đánh giá của GV về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.....                     | 38  |
| Bảng 7: Thái độ và ý thức tham gia của học sinh THPT về HĐGDHN.....   | 39  |
| Bảng 8: Mức độ thực hiện và kết quả thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp.....            | 40  |
| Bảng 9: Nhận thức của học sinh về tiêu chí lựa chọn ngành, nghề để học sau khi tốt nghiệp THPT.....                 | 43  |
| Bảng 10: Mức độ và kết quả thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp.....  | 45  |
| Bảng 11: Mức độ thực hiện và kết quả thực hiện công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp.....      | 48  |
| Bảng 12: Mức độ và kết quả công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục hướng nghiệp.....                                    | 52  |
| Bảng 13: Mức độ và kết quả công tác chỉ đạo kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp.....                 | 56  |
| Bảng 14: Mức độ gây khó khăn trong công tác quản lý hoạt động GDHN.....   | 60  |
| Bảng 15: Đánh giá của CBQL và GV về hình thức tổ chức HĐ GDHN tại trường THPT đang công tác.....                    | 101 |
| Bảng 16: Đánh giá của CBQL và GV về lực lượng tham gia giáo dục hướng nghiệp tại trường THPT đang công tác.....     | 101 |
| Bảng 17: Đánh giá của học sinh về mức độ và hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp tổ chức HĐ GDHN.....          | 103 |
| Bảng 18: Đánh giá của học sinh về vấn đề cung cấp thông tin tuyển sinh Đại học, Cao đẳng năm 2020 của Bộ GD&ĐT..... | 106 |

## **DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ**

|   |     |
|---|-----|
| Biểu đồ 1: Ý kiến chọn ngành/ nghề sau khi tốt nghiệp THPT của học sinh.....  | 42  |
| Biểu đồ 2: Loại kế hoạch HDGD HN.....   | 47  |
| Biểu đồ 3: Số lượng GV được tập huấn, hướng dẫn thực hiện hoạt động GDHN.....   | 51  |
| Biểu đồ 4: Đánh giá của GV về việc thành lập Ban hướng nghiệp tại trường THPT đang công tác.....                          | 102 |
| Biểu đồ 5: Đánh giá của giáo viên về hình thức kiểm tra, đánh giá HĐ GDHN.....  | 102 |
| Biểu đồ 6: Đánh giá của học sinh về hình thức kiểm tra, đánh giá HĐ GDHN.....   | 103 |
| Biểu đồ 7: Đánh giá của học sinh hiệu quả tổ chức HĐ GDHN.....  | 104 |
| Biểu đồ 8: Đánh giá của học sinh về nguồn tài liệu HĐ GDHN ở thư viện trường...   | 105 |
| Biểu đồ 9: Đánh giá của học sinh về phòng thông tin hướng nghiệp và nguồn tài liệu phục vụ cho công tác hướng nghiệp..... | 105 |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|         |                       |
|---------|-----------------------|
| CD      | Cao đẳng              |
| CNH     | Công nghiệp hóa       |
| CSGD    | Cơ sở giáo dục        |
| CTHN    | Công tác hướng nghiệp |
| DN      | Dạy nghề              |
| ĐH      | Đại học               |
| GDHN    | Giáo dục hướng nghiệp |
| GD & ĐT | Giáo dục và đào tạo   |
| GV      | Giáo viên             |
| HĐH     | Hiện đại hóa          |
| HSPT    | Học sinh phổ thông    |
| KTHN    | Kỹ thuật hướng nghiệp |
| QLGD    | Quản lý giáo dục      |
| TC      | Trung cấp             |
| THPT    | Trung học phổ thông   |

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, nguồn lực con người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Chính vì thế những năm vừa qua, giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học đã được quan tâm và quán triệt trong các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020 đã xác định rõ: *“phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ... là một trong 3 khâu đột phá”*. Do đó hoạt động GDHN chính thức được đưa vào chương trình và kế hoạch giáo dục phổ thông nhằm giúp học sinh định hướng được việc chọn cho mình một nghề nghiệp phù hợp với năng lực của bản thân, cũng như phù hợp với nhu cầu nhân lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những năm qua, thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước các trường THPT trên địa bàn quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều cố gắng để đẩy mạnh công tác GDHN. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động GDHN ở các trường này trong thời gian qua còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội, nhiều học sinh chưa được định hướng tốt để chủ động chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường chưa hiệu quả, cán bộ quản lý chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác giáo dục hướng nghiệp cũng như chưa có những biện pháp quản lý hướng nghiệp phù hợp với các quy luật khách quan. Để thực hiện tốt quản lý hoạt động GDHN cần có sự quan tâm đúng mức của các cấp QLGD đối với công tác GDHN trong nhà trường, đặc biệt là những nhà quản lý trực tiếp chỉ đạo thực hiện công tác GDHN ở các trường THPT của quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ thực tiễn giáo dục hiện nay cũng như thực tế hoạt động hướng nghiệp tại các trường THPT nói chung và các trường THPT trên địa bàn quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, tôi nhận thấy việc tìm hiểu, nghiên cứu và khảo sát thực trạng quản lý hoạt động hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1, Thành phố Hồ Chí

Minh là việc làm vô cùng cần thiết, tạo cơ sở để đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần thay đổi diện mạo mới trong quá trình quản lý hoạt động hướng nghiệp cho học sinh THPT.

Với lý do trên, tôi chọn đề tài: *“Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh”* làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

## **2. Mục tiêu đề tài**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực trạng, đề tài đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

## **3. Cách tiếp cận**

Đề tài lựa chọn 3 cách tiếp cận chính gồm: hệ thống cấu trúc, thực tiễn và lịch sử - logic.

- Quan điểm hệ thống cấu trúc:

+ Vận dụng quan điểm hệ thống cấu trúc trong công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương Quận 1, TP. Hồ Chí Minh bao gồm những yếu tố như: hoạt động quản lý, nhiệm vụ của các cấp quản lý, sự phối hợp của môi trường giáo dục (gia đình - nhà trường – xã hội) bằng 5 chủ thể (như: nhu cầu nhân lực của các ngành Kinh tế - xã hội, nhà trường đào tạo nghề, nhà trường hướng nghiệp, gia đình hướng nghiệp và học sinh tự hướng nghiệp).

+ Vấn đề được nghiên cứu một cách toàn diện, khách quan: quản lý hoạt động GDHN cho học sinh ở hai trường THPT được khảo sát trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh phải được xem xét trong mối quan hệ với các hoạt động khác của nhà trường; với việc thực hiện đồng bộ bốn con đường giáo dục hướng nghiệp, việc giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT cũng như việc bồi dưỡng đội ngũ tham gia làm công tác hướng nghiệp ở trường các THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương quận 1, TP. Hồ Chí Minh so với mục tiêu đề ra.

- Quan điểm thực tiễn: qua điều tra, nghiên cứu thực tế, phân tích để phát hiện những tồn tại trong quá trình quản lý hoạt động GDHN cho học sinh tại các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương quận 1; trên cơ sở đó, đề xuất những biện

pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp của các trường trên.

- Quan điểm lịch sử logic: nghiên cứu và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục ở trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương dựa trên những điều kiện cụ thể của các trường, trong tình hình phát triển kinh tế - xã hội của quận 1,

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng nhóm phương pháp lý luận, thực tiễn, thống kê toán học hỗ trợ:

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: với phương pháp này, đề tài tiến hành thu thập các văn bản, tài liệu, bài viết, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan và tiến hành phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát từ đó xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ Phương pháp quan sát: tác giả tiến hành quan sát các loại hình hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh; công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp của hiệu trưởng, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp nhằm thu thập thông tin về thực trạng công tác quản lý hoạt động GDHN tại các trường THPT trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

+ Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Người nghiên cứu xây dựng ba loại phiếu hỏi: phiếu một, dành cho cán bộ quản lý; phiếu hai dành cho giáo viên, các lực lượng tham gia trực tiếp công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường; phiếu ba dành cho học sinh Trung học phổ thông các trường THPT nhằm khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, quận 1 TP. Hồ Chí Minh.

+ Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến chuyên gia về tính khả thi của các biện pháp đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trung học phổ thông THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, quận 1 TP. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp thống kê toán học: sử dụng toán thống kê để xử lý số liệu trên phần mềm excel; sử dụng biểu bảng, sơ đồ, hình vẽ để minh họa trong quá trình nghiên cứu.

## **5. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **5.1. Khách thể nghiên cứu**

Hoạt động quản lý giáo dục hướng nghiệp ở trường Trung học phổ thông

### **5.2. Đối tượng nghiên cứu**

Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

## **6. Giả thuyết khoa học**

Thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đã đạt nhiều thành tựu như: chương trình giáo dục hướng nghiệp phổ thông đã được đưa vào chương trình giáo dục có tích hợp và lồng ghép với các bộ môn khác. Đồng thời còn hạn chế ở các mặt như: giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp chưa qua bồi dưỡng về mặt chuyên môn nghiệp vụ; công tác kiểm tra đánh giá chưa được quan tâm. Nguyên nhân do cán bộ quản lý chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác giáo dục hướng nghiệp, chưa có biện pháp quản lý hướng nghiệp trung học phổ thông phù hợp với những quy luật khách quan. Nếu có những biện pháp đúng đắn khả thi có thể nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

## **7. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động giáo dục hướng nghiệp và công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông.

- Tìm hiểu thực trạng hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

## **8. Phạm vi đề tài**

- Đối tượng:

- + Học sinh: 224 học sinh tại các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

+ Giáo viên: 17 giáo viên dạy tại trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

+ Cán bộ quản lý: 6 CBQL tại các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Nội dung: trong khả năng cho phép, đề tài tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng và đề xuất biện pháp quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trưng Vương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh theo chương trình giáo dục hướng nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thời gian: năm học 2019 – 2020

## **9. Bố cục đề tài**

- Phần mở đầu: nêu lý do chọn đề tài, mục tiêu đề tài, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, khách thể và đối tượng nghiên cứu, giả thuyết khoa học, nhiệm vụ của đề tài, phạm vi đề tài, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài và bố cục của đề tài.

- Phần nội dung nghiên cứu: được chia làm ba phần

+ Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT.

+ Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các trường THPT trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Phần kết luận nêu ra những kết quả đã đạt được.

- Phần tài liệu tham khảo: thống kê tài liệu tham khảo được sử dụng trong quá trình tiến hành nghiên cứu đề tài khóa luận tốt nghiệp.

- Phần phụ lục:

+ Phiếu khảo sát cán bộ quản lý;

+ Phiếu khảo sát giáo viên;

+ Phiếu khảo sát giáo viên và học sinh.



## CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

### 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

#### 1.1.1. Trên thế giới

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh có từ hàng trăm năm nay và ngày càng phát triển trên thế giới. Những vấn đề hướng dẫn chọn nghề được đặt ra một cách rộng rãi ở nhiều nước, vì đây là vấn đề mang tính cấp thiết là điều kiện để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho nền kinh tế các nước.

Tại **Australia**: Vấn đề GDHN và lập nghiệp ở các trường học không chỉ dạy lý thuyết đơn thuần, mà còn giúp học sinh phát triển những kỹ năng lao động, tri thức cần thiết và thái độ đúng đắn thông qua một chương trình học tập được kế hoạch hóa. Việc giáo dục này giúp cho học sinh biết tự quyết định về việc lựa chọn có tính HN, lập nghiệp trong và sau khi học ở trường để tham gia có hiệu quả vào đời sống lao động xã hội. [19,19]

Giáo dục hướng nghiệp của **vương quốc Anh**: học sinh của chương trình giai đoạn từ 11 đến 14 tuổi và giai đoạn từ 14 đến 16 tuổi có thể lựa chọn nghề nghiệp của mình theo bảng danh mục (ví dụ như của Ủy ban giáo dục hướng nghiệp Xcôtlen) và hoàn thành chương trình hướng nghiệp này họ sẽ nhận được một chứng chỉ để làm cơ sở cho việc nhận bằng quốc gia... Mục đích của giáo dục phổ thông là nhằm trang bị cho học sinh vốn kiến thức tiếp thu chương trình đào tạo hướng nghiệp và giáo dục đại học ở những giai đoạn sau. Tất cả các học sinh 16 tuổi đều phải có hai tuần thử việc ở các công ty địa phương như là một phần của chương trình hướng nghiệp chung. [7, 281]

Cải cách giáo dục **Pháp** đặc biệt chú trọng tới giảng dạy lao động và nghề nghiệp cho học sinh. Để phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh, nhà trường Pháp đặt giáo dục lao động, thủ công và nghề nghiệp bình đẳng với các loại hình hoạt động khác của nhà trường, đào tạo “tiền nghề nghiệp” là cơ sở của việc học tập liên tục về sau và chuẩn bị cho học sinh bước vào cuộc sống lao động. [14,263]

Vấn đề giáo dục hướng nghiệp ở **Nhật Bản** thì lại chú trọng đến việc hoàn thiện nội dung, hình thức dạy học kỹ thuật nhằm cung cấp tri thức, rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp và phát triển tư duy sáng tạo cho HSPT để đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong từng thời kỳ cụ thể. [22,18]

Đối với **Philippin**, “đào tạo nguồn nhân lực với trình độ tay nghề cần thiết để có thể lựa chọn nghề” là một trong những mục tiêu GDPT ở nước này. Chính vì thế ngay ở cấp II đã thực hiện giáo dục nghề nghiệp và học sinh phải đạt được những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cũng như tinh thần làm việc tối thiểu cần thiết để có thể chọn nghề. Sang cấp III tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như hướng nghiệp, dạy nghề. [19,20]

Còn ở **Thái Lan**: Công tác giáo dục nghề nghiệp gắn liền với hướng nghiệp nhằm mục đích là cung cấp cho học sinh những kỹ năng nghề nghiệp. Ngay từ Tiểu học đã trang bị cho HS những kiến thức cơ bản, kỹ năng tối thiểu của một số công việc nội trợ, nông nghiệp và nghề thủ công. Sang cấp II đẩy mạnh công tác GDHN gắn với một nghề trên cơ sở phù hợp với độ tuổi, sở thích, nhu cầu của mỗi HS. Đây là bước tiền đề cho học sinh vào cấp III. Đến cấp III, hoạt động GDHN gắn với HN nhằm cung cấp cho học sinh những kỹ năng nghề nghiệp nhất định. [19,20]

### **1.1.2. Ở Việt Nam**

Công tác giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam đã nhận được sự quan tâm của tất cả các cấp, ban ngành đoàn thể trong xã hội từ Trung ương đến địa phương cũng như các nhà quản lý giáo dục, các bậc cha mẹ học sinh và các em học sinh. Vì đây là vấn đề ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, do đó Đảng đã có nhiều văn kiện, Nghị quyết về giáo dục nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của việc GDHN và phân luồng HS các cấp nhằm góp phần giáo dục toàn diện, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho thời đại kinh tế và kỷ nguyên công nghệ. Những quan điểm của Đảng về GDHN đã được cụ thể hóa bằng những Nghị quyết, Luật của Quốc hội, Nghị định, Chỉ thị của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

Nghị quyết Trung Ương 2 khoá VIII đã đề ra nhiệm vụ của ngành Giáo Dục là cần mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp. Ở nghị quyết Trung Ương 6 khóa IX tiếp tục khẳng định lại những mục tiêu và yêu cầu về GD kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cũng có thông qua văn kiện xác định đổi mới toàn diện GD-ĐT, trong đó có yêu cầu dạy học phân ban và tự chọn ở cấp THPT trên cơ sở làm tốt công tác HN và phân luồng học sinh từ THCS.

Đặc biệt, Công tác hướng nghiệp được chính thức đưa vào trường phổ thông từ ngày 19/03/1981 theo quyết định 126/CP của Chính phủ về công tác hướng nghiệp trong

trường phổ thông và việc sử dụng hợp lý học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tốt nghiệp ra trường. Quyết định này nêu rõ vai trò, vị trí, nhiệm vụ công tác hướng nghiệp, phân công cụ thể chính quyền các cấp, các ngành kinh tế, văn hóa từ Trung Ương đến địa phương có nhiệm vụ tạo mọi điều kiện thuận lợi trực tiếp giúp đỡ các trường phổ thông trong việc đào tạo, sử dụng hợp lý và tiếp tục bồi dưỡng học sinh phổ thông sau khi ra trường. Thông tư 31/TT ngày 17/8/1981 của Bộ GD-ĐT có hướng dẫn thực hiện Quyết định 126/CP với những nội dung về vị trí, nhiệm vụ của công tác HN; bốn con đường thực hiện công tác HN cho HSPT. Trong các quan điểm chỉ đạo của chiến lược phát triển GD 2001 – 2010 do Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001, cũng có nêu rõ: “Thực hiện nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”. Luật GD 2005, ở Điều 27 có nêu “Mục tiêu GD phổ thông là chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc”, “GD THPT nhằm giúp cho HS có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và HN, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học lên ĐH, CĐ, TC, học nghề hoặc đi vào lao động cuộc sống”; ở Điều 28 cũng có ghi “... Nội dung giáo dục phổ thông đảm bảo tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống...”. Ở Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GD cũng đề cập đến nội dung hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục. Ngoài ra theo Chỉ thị 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 cũng đã đề cập về việc tăng cường GDHN cho học sinh. Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/6/2006 cũng đề cập về việc ban hành chương trình GD phổ thông và trong chương trình GD phổ thông cũng có chương trình chuẩn “Hoạt động GDHN”.

Vì giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận quan trọng của nền giáo dục phổ thông do đó vấn đề này đã được nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học giáo dục, có nhiều công trình nghiên cứu, tài liệu, bài báo khoa học bàn về hoạt động giáo dục hướng nghiệp và quản lý giáo dục hướng nghiệp.

Đối với hoạt động giáo dục hướng nghiệp có thể kể đến những công trình nghiên cứu tiêu biểu sau: Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Trọng Bảo (1985), “Giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp trường phổ thông”, hay đề tài “Nghiên

cứu một số giải pháp khả thi trong việc ứng dụng triển khai công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông cấp 2,3 ở thành phố Hồ Chí Minh – Tư vấn hướng nghiệp, Thực trạng và giải pháp” Nguyễn Toàn chủ nhiệm đề tài; đặc biệt, GS-TSKH Nguyễn Văn Hộ đã đã xây dựng luận chứng cho hệ thống hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất những hình thức phối hợp giữa nhà trường, các cơ sở đào tạo nghề, cơ sở sản xuất trong hướng nghiệp – dạy nghề cho học sinh phổ thông trong đề tài “Thiết lập và phát triển hệ thống hướng nghiệp cho học sinh Việt Nam”

Về công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cũng có những công trình khoa học tiêu biểu như: luận văn Thạc sĩ khoa học quản lý Trường ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh “Quản lý công tác HN cho HSPT bậc trung học tại các Trung tâm Giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Thực trạng và giải pháp” của tác giả Huỳnh Thị Tam Thanh (2003) đã xác định được các đầu việc quản lý của lãnh đạo các nhà trường trong công tác quản lý GDHN và đưa ra những biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả của công tác này, hay đề tài “Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn Hà Nội” – Luận Văn thạc sĩ Khoa học giáo dục – Viện Khoa học giáo dục Việt Nam của tác giả Lê Thị Thu Thu Trà (2016) đã xây dựng luận cứ khoa học và các giải pháp triển khai hệ thống quản lý GDHN ở các trường THPT góp phần bảo đảm và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động khu vực cả nước và địa phương, đáng chú ý là Luận văn Thạc sĩ khoa học Quản lý của tác giả Nguyễn Hữu Thiện (2004) “Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý hoạt động hướng nghiệp cho học sinh THPT tại thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất một số biện pháp” - Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh” đã tập trung phân tích các thực trạng về sự thiếu thông tin, sự thiếu hiểu biết của học sinh về các ngành, nghề trong xã hội dẫn đến việc chọn nghề nghiệp tương lai của các em học sinh không phù hợp và từ đó đề xuất giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý hoạt động hướng nghiệp.

Nhìn chung, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách toàn diện về công tác quản lý hoạt động GDHN ở các trường THPT quận 1, TP. Hồ Chí Minh một cách hoàn chỉnh.

## **1.2. Lý luận về hướng nghiệp và hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông**

### **1.2.1. Một số khái niệm cơ bản**

#### *1.2.1.1. Hướng nghiệp*

Khái niệm hướng nghiệp được đề cập trong những lĩnh vực khoa học khác nhau

Theo từ điển Bách Khoa toàn thư Việt Nam định nghĩa: “Hướng nghiệp là hệ thống các biện pháp giúp cho con người lựa chọn và xác định nghề nghiệp của bản thân trong cuộc sống tương lai trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu xã hội”

Trong tâm lý học, hướng nghiệp được coi như một quá trình chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng tâm lý đi vào lao động nghề nghiệp. Sự sẵn sàng tâm lý đó chính là tâm thế lao động, một trạng thái tâm lý tích cực trước hoạt động lao động. [22,22]

Xét trên cơ sở khoa học lao động, hướng nghiệp là hình thức giám định lao động có tính chất chuẩn đoán. Đó là quá trình xác lập sự phù hợp nghề của từng người cụ thể trên cơ sở xác định sự tương ứng giữa những đặc điểm tâm – sinh lý của họ với yêu cầu của một nghề nào đó đối với người lao động. [22,22]

Xét trên bình diện xã hội, hướng nghiệp nhằm góp phần phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn nhân lực, vốn quý của đất nước để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, mang lại phồn vinh cho đất nước. Hay hướng nghiệp được hiểu là một hệ thống tác động của xã hội về giáo dục, y học, xã hội học, kinh tế học, nhằm giúp cho thế hệ trẻ chọn được nghề nghiệp phù hợp với hứng thú, năng lực, nguyện vọng, sở trường của cá nhân, vừa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế quốc dân.

Những nhà giáo dục quan niệm hướng nghiệp là một hệ thống các biện pháp tác động của gia đình, nhà trường và xã hội. Trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm hướng dẫn và chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng đi vào lao động các ngành nghề, tại những nơi xã hội đang cần phát triển đồng thời phù hợp với hứng thú năng lực của cá nhân.

Theo điều 3 – Nghị định 75/2006/ NĐ – CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật giáo dục thì “Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp học sinh có kiến thức về nghề nghiệp

và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội”.

#### *1.2.1.2. Giáo dục hướng nghiệp:*

Giáo dục hướng nghiệp là một hệ thống các biện pháp giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội, nhằm dẫn dắt thế hệ trẻ đi vào thế giới nghề nghiệp, chuẩn bị cho học sinh sớm có ý thức chọn ngành, nghề; giúp cho các em có định hướng đúng trong việc lựa chọn nghề phù hợp nguyện vọng, sở trường của bản thân; đáp ứng nhu cầu nhân lực xã hội đang đặt ra. Đồng thời, giúp các em phát huy hết năng lực của mình với nghề đã chọn. [13,16]

Giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông là hình thức hoạt động của thầy và trò, có mục đích giáo dục học sinh trong việc chọn nghề, giúp các em tự quyết định nghề nghiệp tương lai trên cơ sở phân tích khoa học về năng lực, hứng thú của bản thân và nhu cầu nhân lực của các ngành sản xuất trong xã hội. Như vậy, hướng nghiệp trong trường phổ thông được thể hiện như một hệ thống tác động sư phạm nhằm làm cho các học sinh lựa chọn nghề một cách hợp lý. Với cách hiểu này, hướng nghiệp là nhiệm vụ của bất kỳ thành viên nào trong tập thể sư phạm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, cán bộ phụ trách Đội thiếu niên tiền phong, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... Vấn đề là phải có sự phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng loại cán bộ nói trên. [9,21]

GDHN không chỉ tác động vào nhận thức của cá nhân đối với nghề định chọn mà phải làm cho cá nhân đó hiểu rõ giá trị của nghề, hình thành sự hứng thú, say mê với nghề và tâm nguyện cống hiến cuộc đời mình cho nghề. GDHN chính là làm cho cá nhân tự nhận ra giá trị đích thực của nghề và tìm thấy hạnh phúc, tìm thấy niềm vui khi tận tâm cống hiến hết mình cho nghề đã chọn. Việc hành nghề phải là lẽ sống chứ không phải phương tiện kiếm sống. Giáo dục hướng nghiệp là quyền lợi của từng trẻ em, thế hệ trẻ cần được chọn nghề theo hứng thú, sở thích và GDHN phải giúp các em ngày càng nhận thức sâu sắc về nghĩa vụ lao động, nhu cầu nhân lực mà xã hội đặt ra. [21,34]

### ***1.2.2. Ý nghĩa của hoạt động giáo dục hướng nghiệp***

#### *1.2.2.1. Ý nghĩa giáo dục*

Giáo dục hướng nghiệp góp phần vào việc cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của trường phổ thông. Trong giai đoạn hiện nay, trường phổ thông phải đào tạo thế hệ trẻ thành

những người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể; học sinh được tiếp cận các môn học tích hợp nghề nghiệp và thông qua các giờ GDHN đã trang bị cho học sinh các kiến thức về ngành nghề trong xã hội, đặc biệt là được học các lớp dạy nghề phổ thông, góp phần định hướng chọn nghề tương lai cho học sinh. Tốt nghiệp trường phổ thông, học sinh phải có năng lực tham gia một nghề ở địa phương hoặc sẽ tiếp tục học để sau này làm tốt một nghề. Như vậy, quá trình hướng nghiệp trong nhà trường không dừng lại ở sự giáo dục ý thức lao động nghề nghiệp chung chung, mà phải hướng học sinh đi vào nghề nghiệp cụ thể. [9,26]

Hướng nghiệp sẽ giúp điều chỉnh xu hướng chọn nghề cho học sinh và xu thế phân công lao động. Do đó, giáo dục có ý nghĩa rất lớn, tác động đến quá trình hướng nghiệp, làm cho mỗi học sinh tự giác điều chỉnh hướng đi, hướng chọn nghề phù hợp với năng lực, sở trường bản thân và nhu cầu nghề nghiệp trong xã hội một cách tối ưu nhất.

#### *1.2.2.2. Ý nghĩa kinh tế*

Công tác giáo dục hướng nghiệp đưa thanh thiếu niên vào đúng vị trí lao động nghề nghiệp từ đó góp phần bố trí lại hợp lý nguồn lao động, đảm bảo sự phù hợp nghề, giúp người lao động phát huy được hết năng lực, sở trường; phát triển cao những hứng thú nghề nghiệp, làm nảy nở óc sáng tạo trong lao động; giảm tai nạn lao động; giảm sự chuyển nghề, đổi nghề; là phương tiện quản lý công tác kế hoạch hóa kinh tế, xã hội trên cơ sở khoa học.[9,27]

Để bảo đảm ý nghĩa kinh tế của hướng nghiệp, nhà trường phải gắn mục tiêu đào tạo với mục tiêu kinh tế xã hội của cả nước và của địa phương. Sự phân công lao động hợp lý sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Hướng nghiệp có vai trò lớn tạo nguồn nhân lực thích hợp cung cấp cho xã hội, hướng nghiệp tốt cũng đồng nghĩa với việc cung cấp nguồn nhân lực vừa cân đối vừa có chất lượng phục vụ kinh tế phát triển.

#### *1.2.2.3. Ý nghĩa chính trị*

Hướng nghiệp có tác dụng góp phần làm cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của trường phổ thông cho nên công tác hướng nghiệp có chức năng thực hiện đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, hiện thực hóa đường lối giáo dục trong đời sống xã hội. [9,27]

Hoạt động GDHN có hiệu quả sẽ tạo ra những thế hệ có phẩm chất và năng lực xây dựng đất nước, đồng thời có ý nghĩa về chiến lược con người, chiến lược kinh tế, chính hướng nghiệp đã tạo ra những con người lao động mới đáp ứng nhu cầu phát triển

của đất nước. Tóm lại, công tác hướng nghiệp có ý nghĩa lớn đối với sự triển khai chiến lược con người – một bộ phận của chiến lược kinh tế, khoa học và công nghệ.

#### *1.2.2.4. Ý nghĩa xã hội*

Hướng nghiệp có tác dụng giúp học sinh tự giác đi học nghề, tự đi tìm việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, giảm tệ nạn xã hội, giảm tội phạm và ổn định xã hội... Hướng nghiệp tốt sẽ tạo động lực và tạo cơ hội cho người học chọn nghề phù hợp, từ đó đem hết năng lực để phát triển ngành nghề đã chọn, sáng tạo trong công việc, chất lượng và hiệu quả được nâng cao, dẫn đến kinh tế phát triển vững chắc.

Giáo dục hướng nghiệp còn góp phần điều chỉnh sự phân công lao động xã hội, sử dụng nguồn nhân lực một cách tối ưu, đào tạo một đội ngũ đồng bộ những người lao động phù hợp với cơ cấu lao động xã hội ở từng thời kỳ, để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, tạo sự công bằng trong việc phân bổ lực lượng dân cư, tạo sự cân bằng nguồn nhân lực trong đời sống xã hội, khắc phục tình trạng một bộ phận thanh niên không có việc làm hoặc có việc làm không ổn định gây ra các hiện tượng tiêu cực trọng xã hội.

#### ***1.2.3. Mục đích của công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông***

Mục đích giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông là phát hiện và bồi dưỡng phẩm chất nhân cách nghề nghiệp cho học sinh, giúp cho các em hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề, hiểu được xu thế phát triển hệ thống nghề trong xã hội. Thông qua hoạt động giáo dục hướng nghiệp, giáo viên giúp học sinh điều chỉnh động cơ nghề nghiệp phù hợp với sự phát triển của xã hội, đồng thời phù hợp với năng lực và năng khiếu của cá nhân, hướng dẫn học sinh chọn nghề phù hợp với yêu cầu trên cơ sở đó các em định hướng đi vào lĩnh vực sản xuất mà xã hội đang có nhu cầu nhân lực.

#### ***1.2.4. Chức năng của công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông***

Trong công tác giáo dục, hướng nghiệp là quá trình chuẩn bị cho học sinh đi vào cuộc sống lao động nghề nghiệp. Trong quá trình này hình thành cho người học tâm lý sẵn sàng đi vào cuộc sống lao động sản xuất trong một nghề cụ thể. Sự sẵn sàng tâm lý đi vào lao động sản xuất là một khái niệm cơ bản trong lĩnh vực hướng nghiệp, là trạng thái tích cực của nhân cách cụ thể trước nghề nghiệp tương lai và là trạng thái tâm lý cần có của thanh niên, học sinh phấn khởi bước vào nghề, cống hiến được nhiều nhất



cho nghề, làm tăng năng suất lao động xã hội, đưa nền sản xuất nước nhà ra khỏi tình trạng trì trệ, thấp kém... Sự sẵn sàng tâm lý được thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau: sẵn sàng về đạo đức, về tri thức, về tình cảm, về tư tưởng. Vì vậy, hướng nghiệp không đơn thuần là việc chuẩn bị cho học sinh năng lực lao động, năng lực tiếp thu kỹ thuật sản xuất, mà còn chuẩn bị về đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, về ý thức và lòng yêu nghề, về tình cảm gắn bó với nghề...[4, 46-47]

#### ***1.2.5. Nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông***

Nhiệm vụ của công tác hướng nghiệp được ghi rõ trong quyết định 126/CP của hội đồng chính phủ: “Công tác hướng nghiệp của trường phổ thông gồm các nhiệm vụ sau đây: giáo dục thái độ lao động đúng đắn; tổ chức cho học sinh thực tập làm quen với một nghề; tìm hiểu năng khiếu, khuynh hướng nghề nghiệp của từng học sinh để khuyến khích, hướng dẫn bồi dưỡng khả năng nghề nghiệp thích hợp nhất; động viên hướng dẫn học sinh đi vào nghề những nơi đang cần lao động trẻ tuổi có văn hóa.”.

Ngày nay, dưới góc độ Xã hội để thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, người ta thường xem giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học có ba nhiệm vụ cụ thể sau:

- **Định hướng nghề nghiệp** là việc thông tin cho học sinh về đặc điểm hoạt động và yêu cầu phát triển của các nghề trong xã hội, đặc biệt là các nghề và các nơi đang cần nhiều lao động trẻ tuổi có văn hóa, về những yêu cầu tâm sinh lý của mỗi nghề, về tình hình phân công và yêu cầu điều chỉnh lao động ở cộng đồng dân cư, về hệ thống trường lớp đào tạo nghề của nhà nước, tập thể và tư nhân. Định hướng gồm: giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thái độ lao động đúng đắn và tuyên truyền nghề nghiệp.

+ Giáo dục nghề nghiệp: cho học sinh làm quen với một số nghề cơ bản, phổ biến ở xã hội và địa phương, tìm hiểu xu thế phát triển của các nghề và những yêu cầu tâm – sinh lý của nghề. Tạo điều kiện ban đầu để học sinh phát triển năng lực tương ứng với hứng thú nghề nghiệp đã hình thành.

+ Giáo dục thái độ lao động đúng đắn, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong dự định chọn nghề của học sinh.

+ Tuyên truyền nghề nghiệp nhằm làm cho học sinh chú ý tới những nghề đang có nhu cầu cấp thiết về nhân lực đang cần lao động trẻ tuổi; định hướng chú ý của học sinh vào những ngành, nghề hay lĩnh vực kinh tế mà nhà nước và địa phương đang cần

phát triển. Đồng thời điều chỉnh hứng thú động cơ nghề nghiệp của học sinh thông qua các gương lao động dũng cảm, sáng tạo trong sản xuất và đời sống xã hội.

- **Tư vấn nghề nghiệp** là một hệ thống những biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm đánh giá toàn bộ năng lực thể chất và trí tuệ của thanh thiếu niên, đối chiếu các năng lực đó với những yêu cầu do nghề đặt ra đối với người lao động, có cân nhắc đến nhu cầu nhân lực của địa phương và xã hội, trên cơ sở đó cho họ những lời khuyên về chọn nghề có căn cứ khoa học, loại bỏ những trường hợp may rủi, thiếu chính chắn trong khi chọn nghề. Tư vấn hướng nghiệp là mảng thứ hai giúp học sinh định hướng nghề nghiệp bao gồm bốn hoạt động chính:

+ Một là tư vấn tuyển sinh trong kỳ thi Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp hằng năm;

+ Hai là tư vấn hướng nghiệp để giúp học sinh tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp, tìm hiểu và đối chiếu giữa năng lực của bản thân với những nhu cầu đòi hỏi khách quan của nghề để từ đó có sự lựa chọn cho mình một nghề phù hợp;

+ Ba là giới thiệu về gương người thật, việc thật tiêu biểu, giới thiệu về một số nghề phổ biến ở địa phương và trọng xã hội, giới thiệu về một số nghề thủ công trong các nghề truyền thống. Đây là hoạt động giúp học sinh có ý chí phấn đấu vươn lên và có kinh nghiệm trong cuộc tương lai;

+ Bốn là cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng sống để học sinh dễ hòa nhập vào nhịp sống mà không bị những sai lầm trên đường lập nghiệp.

- **Tuyển chọn nghề nghiệp:** để thực hiện nhiệm vụ này, trường phổ thông có nhiệm vụ cung cấp tư liệu về đặc điểm nhân cách của từng học sinh khi ra trường (đạo đức, học tập, văn hoá đánh giá học sinh dưới góc độ hướng nghiệp và bàn giao học sinh ra trường...). Nhà trường đóng góp ý kiến cho việc tuyển sinh vào các trường đào tạo nghề và tuyển chọn người lao động và các lĩnh vực kinh tế xã hội được thuận lợi, chính xác, khoa học.

#### ***1.2.6. Nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở trường phổ thông***

- Chương trình hoạt động GDHN theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thực hiện với thời lượng 3 tiết/tháng) bao gồm các nhóm chủ đề:

+ Nhóm chủ đề về kiến thức chung, cơ sở cho việc chọn nghề;

- + Nhóm chủ đề về kiến thức liên quan đến nhóm nghề và nghề cụ thể;
- + Nhóm chủ đề về giao lưu, thảo luận, tham quan;
- + Nhóm chủ đề về tư vấn nghề.

- Trong các nhóm chủ đề trên thì hoạt động GDHN ở cấp THPT chủ yếu trang bị cho học sinh kiến thức về những nội dung sau:

- + Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cả nước;
- + Nhu cầu về thị trường lao động;
- + Thông tin nghề nghiệp và cơ sở đào tạo;
- + Năng lực bản thân, hoàn cảnh và truyền thống nghề nghiệp gia đình.
- + Lập kế hoạch lựa chọn hướng đi và chọn nghề sau khi tốt nghiệp THPT.

Những nội dung được thể hiện thành những chủ đề trong chương trình. Trong một số chủ đề, học sinh phải lập kế hoạch lựa chọn hướng đi và chọn nghề sau khi tốt nghiệp THPT. Nội dung chương trình lớp 10 và 11 giúp các em tìm hiểu thông tin nghề nghiệp cụ thể, nội dung chương trình lớp 12 tập trung vào tìm hiểu thông tin đào tạo và hướng phát triển kinh tế nhằm giúp cho việc quyết định chọn nghề.

#### ❖ Nội dung chương trình HĐGDHN lớp 10

Theo phân phối chương trình của Bộ GD & ĐT thì chương trình quy định:

- Cả năm: 9 tháng x 3 tiết/tháng = 27 tiết
- Học kì I: 5 tháng x 3 tiết/tháng = 15 tiết
- Học kì II: 4 tháng x 3 tiết/tháng = 12 tiết

Cụ thể như sau:

| Tháng | Chủ đề   |
|-------|--|
| 09    | Chủ đề 1: Em thích làm nghề gì?  |
| 10    | Chủ đề 2: Năng lực nghề nghiệp và truyền thống nghề nghiệp gia đình            |
| 11    | Chủ đề 3: Nghề dạy học   |
| 12    | Chủ đề 4: Vấn đề giới trong chọn nghề  |
| 01    | Chủ đề 5: Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.           |
| 02    | Chủ đề 6: Tìm hiểu một số nghề thuộc các ngành Y và Dược                       |
| 03    | Chủ đề 7: Tìm hiểu thực tế một số đơn vị sản xuất công nghiệp hoặc nông nghiệp |

|    |   |
|----|---|
| 04 | Chủ đề 8: Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành Xây dựng |
| 05 | Chủ đề 9: Nghề tương lai của tôi                    |

### ❖ Nội dung chương trình HĐGDHN lớp 11

Theo phân phối chương trình của Bộ GD & ĐT thì chương trình quy định:

- Cả năm: 9 tháng x 3 tiết/tháng = 27 tiết
- Học kì I: 5 tháng x 3 tiết/tháng = 15 tiết
- Học kì II: 4 tháng x 3 tiết/tháng = 12 tiết

| Tháng    | Chủ đề   |
|----------|--|
| 09       | Chủ đề 1: Tìm hiểu một số nghề thuộc các ngành Giao thông vận tải và Địa chất  |
| 10       | Chủ đề 2: Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ  |
| 11       | Chủ đề 3: Tìm hiểu một số nghề thuộc ngành Năng lượng, Bru chính – Viễn Thông, Công nghệ thông tin                                       |
| 12       | Chủ đề 4: Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng  |
| 01       | Chủ đề 5: Giao lưu với gương mặt vượt khó, điển hình về sản xuất kinh doanh giỏi (Chủ đề: Làm gì sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông) |
| 02       | Chủ đề 6: Nghề nghiệp với nhu cầu thị trường của thị trường lao động   |
| 03       | Chủ đề 7: Tôi muốn đạt ước mơ  |
| 04<br>05 | Chủ đề 8: Tìm hiểu thực tế một trường Đại học (Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Dạy nghề) tại địa phương                               |

### ❖ Nội dung chương trình hoạt động GDHN lớp 12

Theo phân phối chương trình của Bộ GD & ĐT thì chương trình quy định:

- Cả nước: 9 tháng x 3 tiết/tháng = 27 tiết
- Học kì I: 5 tháng x 3 tiết/tháng = 15 tiết
- Học kì II: 4 tháng x 3 tiết/tháng = 12 tiết

| Tháng | Chủ đề   |
|-------|--|
| 09    | Chủ đề 1: Định hướng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương |
| 10    | Chủ đề 2: Những điều kiện thành đạt trong nghề                                 |

|          |  |
|----------|--|
| 11       | Chủ đề 3: Tìm hiểu hệ thống đào tạo trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề của Trung Ương và địa phương |
| 12       | Chủ đề 4: Tìm hiểu hệ thống đào tạo Đại học và Cao đẳng  |
| 01       | Chủ đề 5: Tư vấn chọn nghề   |
| 02       | Chủ đề 6: Hướng dẫn học sinh chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh                                       |
| 03       | Chủ đề 7: Thanh niên lập nghiệp, lập thân  |
| 04<br>05 | Chủ đề 8: Tổ chức tham quan hoặc hoạt động giao lưu theo chủ đề hướng nghiệp.                        |

### ***1.2.7. Các hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông***

Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh được tiến hành dưới nhiều hình thức ở gia đình, nhà trường và xã hội, trong đó các hình thức giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông giữ vai trò chủ đạo. Những hình thức giáo dục hướng nghiệp cơ bản trong trường phổ thông có tính hệ thống, liên quan chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau.

#### ***1.2.7.1. Hướng nghiệp thông qua các môn học***

Qua các môn học, giáo viên có thể giới thiệu cho học sinh các nghề cơ bản có liên quan trực tiếp tới môn học, giúp học sinh biết được những khả năng và thành tựu cũng như sự phát triển của một số ngành nghề trong xã hội. Thông qua việc dạy kiến thức cơ bản của đặc trưng từng môn học, từng bài, gắn liền nội dung bài giảng vào cuộc sống; mở rộng nhận quan nghề nghiệp của học sinh; chỉ cho học sinh những tri thức và kỹ năng cụ thể vận dụng vào các yếu tố của lao động như: đối tượng, mục đích, công cụ, điều kiện lao động của một số nghề trong các lĩnh vực có liên quan đến môn học như lĩnh vực sinh học, vật lý, hóa học, nghệ thuật, công nghệ; làm cho học sinh có hiểu biết khái quát về cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Từ đó học sinh có thêm thông tin cơ sở để lập kế hoạch chọn nghề tương lai sao cho phù hợp với khả năng học lực của bản thân vừa phù hợp với nhu cầu lao động của một số ngành nghề cơ bản trong xã hội.

- Những **môn khoa học tự nhiên** có khả năng hướng nghiệp rất lớn. Qua mối liên hệ chặt chẽ giữa nội dung các môn học với hoạt động lao động sản xuất của ngành kỹ thuật, học sinh sẽ thấy tri thức về toán, vật lý, hóa học, sinh học được dùng trong những ngành nghề sản xuất nào? Việc nắm những tri thức sẽ mở đường đi vào những ngành nghề gì.

- Việc dạy học **các môn khoa học xã hội** có nhiều ý nghĩa chuẩn bị cho học sinh đi vào lĩnh vực xã hội như: công tác giáo dục, công tác Đoàn – Hội, công tác báo chí, thư viện, xuất bản, công tác trong lĩnh vực điều khiển, quản lý, lãnh đạo. Bởi vì thông qua các như: **môn lịch sử, giáo dục công dân**... học sinh hiểu được vai trò của lao động trong sự phát triển của xã hội, những mục tiêu kinh tế - xã hội mà cả nước và địa phương, sẽ hiểu rõ truyền thống và vị trí của giai cấp nông dân, của người lao động. Bản thân những môn học này có khả năng tạo điều kiện để một số học sinh trở thành người nghiên cứu và giảng dạy các môn nhân văn. Các **môn văn học** có khả năng hình thành những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho công tác viết văn bản, sách báo, thông tin...

- **Môn ngoại ngữ** giúp cho học sinh hình thành những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho nghiên cứu văn học nước ngoài, nghiên cứu các tư liệu, sách, báo khoa học, dịch thuật, phiên dịch, phục vụ khách quốc tế, phóng viên thường trú ở nước ngoài.

#### *1.2.7.2. Hướng nghiệp thông qua dạy nghề phổ thông, lao động kỹ thuật và lao động sản xuất*

Dạy nghề phổ thông, lao động kỹ thuật và lao động sản xuất gồm nhiều phân môn: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, cơ khí, kỹ thuật, kỹ thuật điện tử, vẽ kỹ thuật, kỹ thuật phục vụ và quản lý kinh tế... Mục đích chủ yếu của dạy nghề phổ thông, lao động kỹ thuật và lao động sản xuất là gắn với đối tượng lao động với công cụ lao động, gắn truyền thụ kiến thức kỹ thuật với người thực, việc thực, nghề thực từ đó cung cấp cho học sinh những nguyên lý cơ bản về kỹ thuật, công nghệ khoa học, tổ chức lao động, quản lý sản xuất; minh họa ứng dụng của các nguyên lý khoa học - kỹ thuật trong các quá trình sản xuất chủ yếu. Qua đó, chuẩn bị cho thế hệ trẻ một số kỹ năng, kỹ xảo lao động - kỹ thuật cũng như năng lực dịch chuyển lao động trong điều kiện lao động đổi mới về nội dung và giáo dục sự lựa chọn nghề một cách có ý thức, từ đó chuẩn bị cho học sinh bước vào cuộc sống lao động và định hướng nghề nghiệp cho các em.

Khi tổ chức cho học sinh tham gia lao động với nông dân, công dân cần có kế hoạch tỉ mỉ, tổ chức chặt chẽ, lao động khoa học, được tiếp xúc với kỹ thuật mới để đảm bảo năng suất cao, chất lượng tốt và hình thành những hiểu biết mới trong lao động, gây cho các em có hứng thú với lao động sản xuất công, nông nghiệp.

### *1.2.7.3. Hướng nghiệp bằng hình thức giới thiệu các ngành, nghề và hướng dẫn chọn nghề thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp*

Hướng nghiệp bằng hình thức giới thiệu các ngành, nghề và hướng dẫn chọn nghề thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp nhằm giới thiệu cho học sinh hiểu biết về cơ cấu kinh tế đất nước và địa phương, nhu cầu sử dụng lao động dự trù xã hội, những hiểu biết về những ngành nghề cơ bản và truyền thống địa phương. Trên cơ sở đó, hướng dẫn học sinh lựa chọn hướng học tập và nghề nghiệp phù hợp với năng lực cá nhân đáp ứng những yêu cầu của xã hội.

Theo thông tư 31/TT- BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo, để giúp học sinh hiểu biết các ngành, các nghề, các trường tạm thời sử dụng mỗi tháng một buổi lao động để giới thiệu, tuyên truyền, giải thích ngành nghề. Khi giới thiệu cần tập trung vào một số điểm cơ bản như: vị trí, vai trò, triển vọng, những hoạt động cơ bản của nghề; những phẩm chất, năng lực lao động cần có, những môn học cần thiết đối với nghề... Nhà trường sưu tầm, sử dụng tài liệu, sách báo, tranh ảnh, phim, vô tuyến truyền hình, dựa vào các cơ sở sản xuất, phụ huynh học sinh, cán bộ kỹ thuật của địa phương để giới thiệu nghề cho học sinh.

### *1.2.7.4. Hướng nghiệp qua các hoạt động tham quan, ngoại khóa, các hoạt động tư vấn nghề nghiệp, hướng dẫn từ gia đình và các tổ chức xã hội*

Ngoại khóa là hoạt động giáo dục có mục đích, có tổ chức được tiến hành ngoài giờ học chính khóa. Hoạt động này được tổ chức theo một kế hoạch nhất định dưới sự hướng dẫn của giáo viên nhằm phát hiện, bồi dưỡng, phát triển hứng thú, năng khiếu và khả năng sáng tạo của học sinh trong một lĩnh vực nào đó như khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật hoặc tin học. Qua tham gia hoạt động ngoại khóa, học sinh có cơ hội để khám phá khả năng, sở thích, cá tính và giá trị sống của bản thân.

Có rất nhiều hoạt động ngoại khóa về giáo dục hướng nghiệp như:

- Cho học sinh đi tham quan cơ sở sản xuất, các trường học nghề: việc tổ chức cho học sinh đi tham quan các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề... tạo điều kiện cho học sinh được tận mắt quan sát cơ chế vận hành trong sản xuất, thao tác của người lao động và các sản phẩm của quá trình lao động. Nhờ đó, học sinh hiểu rõ hơn đối tượng lao động cũng như yêu cầu lao động của ngành nghề mà học sinh mới chỉ biết qua sách vở, đồng thời khơi dậy cho các em hứng thú đối với nghề nghiệp.

- Tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi về nghề nghiệp với cán bộ lãnh đạo địa phương, cán bộ kinh tế, kỹ thuật, những người lao động giỏi, học sinh phổ thông đã ra trường đang lao động sản xuất hay đang học tập trong các trường học nghề, trường chuyên nghiệp.

- Phối hợp với Đoàn, đội tổ chức các buổi tọa đàm, diễn đàn, ra báo tường để tranh luận về lựa chọn nghề nghiệp.

- Tổ chức các nhóm nghiên cứu, sưu tầm các tài liệu có liên quan với nghề nghiệp mà mình thích thú.

- Tổ chức đọc báo, nghe đài, giới thiệu sách, xem phim để tìm hiểu đặc điểm và yêu cầu của các nghề đang cần phát triển.

=> Cần kết hợp chặt chẽ các hình thức hướng nghiệp trên với nhau để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, định hướng phần lớn số học sinh ra trường vào khu vực sản xuất tập thể và gia đình, chuẩn bị tích cực cho việc đào tạo nhân tài cho đất nước. Các con đường hướng nghiệp nêu trên có mối quan hệ khăng khít, hỗ trợ lẫn nhau vì thế phải tiến hành đồng bộ, trong đó hoạt động GDHN là con đường chính, có tầm quan trọng đặc biệt vì:

- + Cung cấp cho học sinh những thông tin nghề nghiệp, hệ thống đào tạo và thị trường lao động một cách có hệ thống, có chủ đích.

- + Học sinh biết được về năng lực cá nhân, điều kiện và truyền thống gia đình để hướng lựa chọn nghề trong thế giới nghề nghiệp, chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp một cách có ý thức, có cơ sở khoa học.

#### ***1.2.8. Một số phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông***

Hướng nghiệp là một hoạt động giáo dục nhằm mục đích hình thành ở học sinh năng lực hành động, phát triển ở các em tính tích cực của xã hội, nhằm đào tạo những con người năng động, thích ứng và góp phần phát triển cộng đồng. Vì vậy, phương pháp tổ chức hoạt động GDHN có những đặc thù riêng và gồm một số phương pháp đặc thù sau:

- Thuyết trình nêu vấn đề;
- Dạy học theo tình huống;
- Dạy học dự án;



- Dạy học theo nhóm nhỏ;
- Tổ chức thảo luận lớp về nội dung hướng nghiệp;
- Tổ chức trò chơi theo chủ đề hướng nghiệp;
- Đóng vai, mô phỏng;
- Soạn bài giảng bằng mềm MS Powerpoint [23,62-76].

### ***1.2.9. Tính chất hướng nghiệp của nhà trường phổ thông Việt Nam***

Trong quá trình giáo dục ở trường phổ thông, học sinh đều chịu những tác động của giáo dục hướng nghiệp, đều được chuẩn bị để sẵn sàng tham gia lao động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp cấp học.

Ở THPT, vấn đề học nghề cũng như công tác hướng nghiệp được đặt ra bức thiết hơn. Một bộ phận học sinh tốt nghiệp THPT sẽ học tiếp lên, do đó công tác hướng nghiệp có trách nhiệm giúp học sinh định hướng vào các trường đại học, cao đẳng hoặc Trung cấp chuyên nghiệp. Đối với bộ phận học sinh còn lại, công tác hướng nghiệp chuẩn bị cho các em đi vào những ngành, nghề ở địa phương trên cơ sở đó sẽ dạy nghề cho các em. [4,44]

## **1.3. Lý luận về quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông**

### ***1.3.1. Các khái niệm cơ bản***

#### ***1.3.1.1. Quản lý***

- Theo Từ điển tiếng Việt Phổ thông (2008) của nhà xuất bản Phương Đông, quản lý là tổ chức điều khiển hoạt động theo những yêu cầu nhất định.

- Nhiều tác giả nước ngoài cũng đã có định nghĩa khác nhau về khái niệm quản lý:

+ Theo Kozlova O. V. và Kuznelsov I.N: “Quản lý là sự tác động có mục đích đến những tập thể con người để tổ chức phối hợp hoạt động của họ trong quá trình sản xuất”;

+ Cũng định nghĩa về quản lý, theo Glushkov.A.A và Eitingon V.N: “Quản lý là một hoạt động đa diện phức tạp, bảo đảm sự phối hợp có chủ đích, sự ăn nhịp của lao động xã hội”;

+ Còn Tereebnenko V.I cho rằng: “Quản lý tập hợp các biện pháp phối hợp nhằm đạt mục đích xác định”.

- Theo các nhà Tâm lý học thì: “Quản lý là hoạt động đặc biệt của con người trong xã hội, một hoạt động rất phức tạp và đa dạng. Đó là sự tác động toàn diện vào một nhóm người, một tập thể người, điều khiển họ hoạt động nhằm đạt tới mục đích nhất định đã được đề ra từ trước”.

Theo các khái niệm trên đây có thể hiểu khái niệm quản lý như sau:

*Quản lý là một hoạt động đa diện phức tạp, là sự tác động liên tục, có kế hoạch, có tổ chức, có mục đích, hợp quy luật của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể bị quản lý bằng công cụ và phương pháp quản lý nhằm cùng thực hiện mục tiêu chung.*

#### 1.3.1.2. Quản lý giáo dục

##### ❖ Đối với cấp vĩ mô:

- Quản lý giáo dục được hiểu là những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các mắt xích của hệ thống (từ cấp cao nhất đến các cơ sở giáo dục là nhà trường) nhằm thực hiện có chất lượng giáo dục và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ mà xã hội đặt ra cho ngành giáo dục. [22,24]

Quản lý giáo dục có thể xác định là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và có mục đích của chủ thể quản lý ở các cấp khác nhau đến tất cả các khâu của hệ thống (từ Bộ cho đến trường), nhằm mục đích bảo đảm việc giáo dục, hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội cũng như các quy luật của quá trình giáo dục, của sự phát triển thể lực và tâm lý trẻ em. [16,16]

Quản lý giáo dục là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý (hệ thống giáo dục) nhằm làm cho hệ thống vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mà tiêu điểm là hội tụ quá trình dạy học – giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ thống giáo dục đến mục tiêu dự kiến, tiến lên trạng thái mới về chất.

##### ❖ Đối với cấp vi mô:

Quản lý giáo dục là hệ thống những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, công nhân viên, tập thể học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường. [17,12]

Quản lý giáo dục trong nhà trường bao gồm hệ thống những tác động có hướng đích của hiệu trưởng đến các hoạt động giáo dục, đến con người (giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh), đến các nguồn lực (cơ sở vật chất, tài chính, thông tin, v.v...), đến các ảnh hưởng ngoài nhà trường một cách hợp quy luật (quy luật quản lý, quy luật giáo dục, quy luật tâm lý, quy luật kinh tế, quy luật xã hội, v.v...) nhằm đạt các mục tiêu giáo dục.[17,11]

Cũng có thể định nghĩa quản lý giáo dục (vi mô) thực chất là những tác động của chủ thể quản lý vào quá trình giáo dục (được tiến hành bởi tập thể giáo viên và học sinh, với sự hỗ trợ đắc lực của các lực lượng xã hội) nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của học sinh theo mục tiêu đào tạo của nhà trường.[17,12]

Trong bài nghiên cứu này, tôi tiếp cận khái niệm quản lý theo hướng vi mô. Từ cách tiếp cận này, ta có thể hiểu khái niệm *quản lý giáo dục là hệ thống một chuỗi những tác động có định hướng, có kế hoạch, có ý thức của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên và học sinh, đến những lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm huy động họ cùng cộng tác, phối hợp, tham gia vào mọi hoạt động. Đó là hoạt động có tính mục đích, được tổ chức một cách khoa học của hiệu trưởng nhằm tổ chức – chỉ đạo các hoạt động giáo dục và đào tạo trong nhà trường, hướng tới thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường.*

#### 1.3.1.3. Quản lý nhà trường

- Quản lý trường học là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý trường học, làm cho trường học vận hành theo đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, thực hiện được mục tiêu kế hoạch đào tạo của nhà trường học, góp phần thực hiện mục tiêu chung của giáo dục: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Quản lý nhà trường bao gồm hai loại tác động quản lý: (1) tác động của những chủ thể quản lý bên trên và bên ngoài nhà trường, (2) tác động của chủ thể quản lý bên trong nhà trường.

+ Quản lý nhà trường là những tác động quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho hoạt động giảng dạy, giáo dục, học tập của nhà trường. Quản lý nhà trường cũng bao gồm những chỉ dẫn, quyết định của các thực thể bên ngoài nhà trường nhưng có liên quan trực tiếp tới nhà trường như cộng

đồng được đại diện dưới hình thức Hội đồng nhân dân, nhằm định hướng sự phát triển của nhà trường và hỗ trợ tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng phát triển đó.

+ Quản lý nhà trường do chủ thể quản lý bên trong nhà trường (Hiệu trưởng) bao gồm các hoạt động: quản lý giáo viên, quản lý học sinh, quản lý quá trình dạy học – giáo dục, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, quản lý tài chính trường học, quản lý lớp học như nhiệm vụ của giáo viên, quản lý quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng.

Như vậy, quản lý nhà trường còn được coi là tập hợp những tác động tối ưu (cộng tác, tham gia, hỗ trợ, phối hợp, huy động, can thiệp) của chủ thể quản lý tới tập thể giáo viên, học sinh và cán bộ, công nhân khác trong nhà trường, cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục nhằm tận dụng các nguồn lực do Nhà nước đầu tư, do xã hội đóng góp và do nhà trường tạo ra để hướng vào việc đẩy mạnh mọi hoạt động của nhà trường mà trọng tâm là hoạt động dạy học – giáo dục.[9,32]

#### *1.3.1.4. Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp*

Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp là một bộ phận của quản lý giáo dục, là hệ thống những tác động hợp lý có kế hoạch, nội dung, phương pháp, chương trình, mục đích của nhà quản lý (hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm lớp là người thay mặt hiệu trưởng quản lý lớp) đến từng học sinh, nhằm điều khiển, điều chỉnh, định hướng quá trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh giúp các em lựa chọn ngành nghề phù hợp với hứng thú năng lực sở thích cá nhân và nhu cầu xã hội.

Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp bao gồm những yếu tố cơ bản sau: [21;46-47]

- **Chủ thể quản lý** là một cá nhân hay nhóm người được giao quyền hạn quản lý và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả các nguồn lực cho công tác hướng nghiệp tại địa bàn, đơn vị đang quản lý. Trong quản lý hướng nghiệp, chủ thể quản lý là lãnh đạo hoặc chuyên viên phụ trách hướng nghiệp của bộ phận GD&ĐT, sở GD&ĐT, Ban giám hiệu nhà trường và các giám đốc trung tâm giáo dục ở địa phương có chức năng hướng nghiệp cho học sinh trên địa bàn. Trên cơ sở quyền hạn, trách nhiệm và năng lực của mình, chủ thể quản lý tác động lên đối tượng bằng phương pháp và công cụ nhất định thông qua việc thực hiện các chức năng quản lý để đạt được mục tiêu hướng nghiệp.

- **Đối tượng quản lý** là tất cả những người thực hiện và nhận nhiệm vụ hướng nghiệp, bao gồm các giáo viên và cán bộ hướng nghiệp, tập thể học sinh ở các trường.

- **Công cụ quản lý** là những phương tiện mà cán bộ QLHN sử dụng trong quá trình quản lý nhằm định hướng, dẫn dắt, khích lệ và phối hợp hoạt động của các tác nhân hướng nghiệp và học sinh trong việc thực hiện mục tiêu công tác hướng nghiệp. Công cụ chủ yếu để QLHN là các quy định của nhà nước và Bộ GD&ĐT đối với công tác hướng nghiệp, là cơ chế và chính sách cho công tác hướng nghiệp.

- **Phương pháp quản lý** là cách thức tác động bằng những phương tiện khác nhau của cán bộ quản lý hướng nghiệp đến hệ thống bị quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý. Phương pháp quản lý bao gồm việc lựa chọn công cụ, phương tiện quản lý và lựa chọn cách thức tác động của cán bộ QLHN tới đối tượng quản lý.

- **Mục đích của quản lý** hoạt động giáo dục hướng nghiệp: để đạt được mục tiêu của hoạt động giáo dục hướng nghiệp, cần thiết phải quản lý hướng nghiệp nhằm đảm bảo thực hiện những công việc sau có hiệu quả:

- + Chỉ đạo và điều hành xây dựng “Tâm nhìn hướng nghiệp”;
- + Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ và giáo viên có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- + Tạo ra sự thống nhất ý chí trên con đường đi tới mục tiêu hướng nghiệp giữa những người làm nhiệm vụ quản lý với các tác nhân hướng nghiệp và học sinh.
- + Hỗ trợ tạo động lực cho các tác nhân tham gia công tác hướng nghiệp, đồng thời khuyến khích mọi người phát huy cao độ năng lực cũng như khả năng sáng tạo thông qua việc thực hiện các chế độ và chính sách khen thưởng hợp lý;
- + Huy động phối hợp, sử dụng và khai thác tối đa các nguồn lực trong và ngoài ngành giáo dục cho công tác hướng nghiệp, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đạt được mục tiêu hướng nghiệp cho học sinh;
- + Thường xuyên thu thập các thông tin về mức độ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hướng nghiệp của các cơ sở giáo dục, các cá nhân và các bộ phận ở cơ sở giáo dục để từ đó ra quyết định và có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

### ***1.3.2. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp***

- **Quản lý cơ sở vật chất, phương tiện – kỹ thuật, cho hoạt động GDHN:** nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, học tập và giáo dục học sinh, trong đó có giáo dục

hướng nghiệp. Quản lý tốt không đơn thuần chỉ là bảo quản tốt cơ sở vật chất, mà phải phát huy tối đa năng lực của chúng cho việc dạy học và giáo dục, đồng thời huy động từ các lực lượng xã hội, trang bị những trang thiết bị mới có giá trị đảm bảo công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường. Để hoạt động GDHN đạt hiệu quả cao, nhà quản lý giáo dục phải đảm bảo cơ sở vật chất – kỹ thuật, phương tiện cho hoạt động GDHN. Quản lý cơ sở vật chất cụ thể: [20,26]

+ Trang bị đầy đủ và đồng bộ các phương tiện, cơ sở vật chất – kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động GDHN ( đồng bộ giữa điều kiện trường lớp với phương thức tổ chức hoạt động GDHN; giữa chương trình, sách giáo khoa với cơ sở vật chất – kỹ thuật, phương tiện cho hoạt động GDHN);

+ Bố trí hợp lý các yếu tố của cơ sở vật chất – kỹ thuật trong khu vực nhà trường, trong lớp học, trong các loại phòng chức năng;

+ Khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, cơ sở vật chất – kỹ thuật trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục nói chung, hoạt động GDHN nói riêng;

+ Tổ chức tốt việc bảo vệ, bảo dưỡng và bảo trì phương tiện, cơ sở vật chất – kỹ thuật của nhà trường.

- **Quản lý nguồn tài chính** trong nhà trường, đồng thời huy động nguồn tài chính ngoài nhà trường nhằm trang bị, xây dựng mới cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác hướng nghiệp trong nhà trường.

- **Quản lý nhân lực:** Tổ chức tốt đội ngũ giáo viên bộ môn, giáo viên dạy kỹ thuật, giáo viên phụ trách tư vấn học đường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng tốt công tác giảng dạy và tư vấn hướng nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đồng thời quản lý tốt giáo viên và tập thể học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình giáo dục hướng nghiệp của nhà trường trong giờ chính khóa và ngoại khóa.

- **Quản lý tốt chương trình, thời gian, chất lượng giáo dục hướng nghiệp** trong nhà trường phù hợp với tình hình phát triển ngành nghề của địa phương, bảo đảm nghiêm túc, có phương pháp, đúng chương trình và giáo trình hướng nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong quản lý phải có biện pháp theo dõi và kiểm tra kịp thời, thanh tra uốn nắn.

- **Quản lý việc học tập** hướng nghiệp của học sinh trong giờ học ở nhà trường và tham quan học tập ở các cơ quan xí nghiệp. Bao hàm quản lý về thời gian và chất lượng học tập, quản lý tinh thần thái độ và phương pháp học tập. [20,26]

### ***1.3.3. Các chức năng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp***

#### ***1.3.3.1. Chức năng kế hoạch hóa***

Hoạch định là quá trình người cán bộ quản lý, giáo viên lập kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp, thiết kế một cách khoa học, gắn với điều kiện thực tế đảm bảo kế hoạch được thực hiện có hiệu quả. Lập kế hoạch GDHN tạo được tiền đề để thực hiện chức năng tiếp theo tổ chức; chỉ đạo; kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp. [21,50]

Nội dung cơ bản của chức năng kế hoạch GDHN phải thể hiện: xác định mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của các hoạt động hướng nghiệp, thứ hai phải bảo đảm các điều kiện, phương tiện cần thiết trong một thời gian nhất định để thực hiện mục tiêu, sau cùng là xác định các biện pháp thực hiện để thành công hoạt động GDHN.

Kế hoạch công tác hướng nghiệp cần được thiết kế, logic, khoa học và phù hợp với điều kiện thực tế về các nguồn lực và các tác động từ bên ngoài là cơ sở ban đầu rất quan trọng mang tính định hướng cho việc thực hiện kế hoạch đạt kết quả như mong muốn. Việc xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động GDHN giúp các nhà quản lý nhà trường tập trung chú ý vào mục tiêu hoạt động GDHN, dự kiến trước khả năng ứng phó với những thay đổi của môi trường giáo dục, lựa chọn những phương án tối ưu, tiết kiệm nguồn lực, tạo ra sự thống nhất ý chí, hành động của các tác nhân hướng nghiệp vào việc thực hiện mục tiêu chung của CTHN; đồng thời tạo điều kiện cho nhà quản lý dễ dàng kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình của các lực lượng tham gia hoạt động GDHN.

Như vậy, kế hoạch hóa chương trình hướng nghiệp là chức năng cơ bản nhất, mang tính “mở đường” cho việc thực hiện các chức năng quản lý khác. Tất các CBQL đều phải bắt đầu chu trình quản lý của mình bằng việc thực hiện chức năng kế hoạch hóa thông qua việc lập kế hoạch hoạt động hướng nghiệp theo từng cấp quản lý để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả bền vững cả các hoạt động hướng nghiệp.

### 1.3.3.2. Chức năng tổ chức

Thực thi chức năng tổ chức trong quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp là thực hiện quy trình thiết kế bộ máy sắp xếp, sử dụng và phát triển các nguồn lực (trọng tâm là nguồn nhân lực). Trong quản lý hướng nghiệp nếu thực hiện tốt chức năng tổ chức sẽ thiết kế, hoàn thiện được bộ máy quản lý và xác định được cơ chế vận hành, phối hợp giữa các bộ phận thực hiện nhiệm vụ CTHN một cách hợp lý, khoa học. Nhờ đó, phát huy cao nhất khả năng của mỗi CSGD, mỗi cá nhân và mỗi tác nhân CTHN. Có thể khẳng định, thực hiện chức năng tổ chức là hết sức cần thiết vì nó có ảnh hưởng mang tính quyết định đến sự thành bại của việc thực hiện kế hoạch hoạt động HN.[21,53]

### 1.3.3.3. Chức năng chỉ đạo

Chỉ đạo CTHN là quá trình tác động có chủ đích, có ảnh hưởng của cán bộ QLHN tới hành vi, thái độ của những người dưới quyền nhằm biến những yêu cầu chung của CTHN thành nhu cầu của cán bộ, giáo viên, học sinh và những đối tượng khác tham gia CTHN. Trên cơ sở đó, động viên và khích lệ mọi người tích cực, chủ động và tự giác phát huy tối đa khả năng để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ hướng nghiệp với chất lượng cao. Nói cách khác, chỉ đạo là quá trình tác động đến các cá nhân và tập thể làm CTHN sao cho họ cố gắng một cách tự giác và hăng hái thực hiện mục tiêu chung CTHN. [21,60]

Từ khái niệm về chỉ đạo và thực tiễn QLHN cho thấy, chức năng chỉ đạo có vai trò rất quan trọng trong chu trình QLHN bởi những lẽ sau:

- Thực hiện nghiêm túc chức năng chỉ đạo, cán bộ QLHN duy trì được kỉ luật, kỉ cương của các CSGD trên địa bàn, của CB và GV ở các CSGD trong việc thực thi các nhiệm vụ CTHN;
- Thông qua việc thực hiện chức năng chỉ đạo, cán bộ QLHN hướng dẫn, thuyết phục, khích lệ và động viên được CB, GV và các tác nhân HN khác phát huy cao độ khả năng của bản thân để đạt được mục tiêu CTHN một cách tối ưu;
- Phối hợp được với các tác nhân hướng nghiệp, các tổ chức, đoàn thể trong và CSGD thực hiện có hiệu quả CTHN.

Khi chỉ đạo CTHN, cán bộ QLHN cần chú ý thực hiện những yêu cầu sau:

- Nội quy, quy chế hoạt động trong công tác hướng nghiệp phải phù hợp với pháp luật của nhà nước, điều kiện của địa phương và Cơ sở giáo dục;



- Đảm bảo tính dân chủ;
- Động viên khích lệ CB và GV phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của bản thân đối với nhiệm vụ hướng nghiệp được giao.

#### *1.3.3.4. Chức năng kiểm tra*

- Kiểm tra, đánh giá trong QLHN là quá trình thu thập và trao đổi thông tin nhằm xem xét, đánh giá xem các HĐHN có theo đúng kế hoạch về tiến độ, kết quả và chất lượng dự kiến hay không. [21,62]

- Trong quá trình QLHN, việc thực hiện chức năng kiểm tra đánh giá là rất cần thiết nhằm:

- + Xem xét các HĐHN của các CSGD, các bộ phận và cá nhân thực hiện HĐHN có phù hợp với nhiệm vụ đã đề ra trong KH HĐGDHN hay không;
- + Xem xét những ưu điểm, thiếu sót và nguyên nhân của những thiếu sót trong quá trình HN ở cơ sở để kịp thời điều chỉnh quyết định quản lý;
- + Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch HĐHN có phù hợp với các nguồn lực hiện có của CSGD hay không;
- + Có căn cứ để đề ra và hoàn thiện các quyết định quản lý, đồng thời có cơ sở để đánh giá mức độ phù hợp của các quyết định quản lý đối với công tác hướng nghiệp. Qua đó, có sự điều chỉnh kịp thời đối với những quyết định quản lý chưa phù hợp và hoặc kém hiệu quả trong thực tiễn;
- + Thể hiện được quyền hạn và trách nhiệm của mình đối với CTHN, đồng thời cũng biết được thái độ, trách nhiệm của các cấp dưới với các quyết định được đưa ra;
- + Phát hiện những nhân tố mới; những khả năng tiềm tàng sáng tạo của cấp dưới trong CTHN để kịp thời bồi dưỡng hoặc điều chỉnh về mặt nhân sự;
- + Giúp cán bộ QLHN có biện pháp hỗ trợ kịp thời nếu thấy cần thiết;
- + Thu thập được các thông tin để có cơ sở đánh giá một kịp thời, khách quan tiến độ và kết quả CTHN của các CSGD. Kết quả kiểm tra, đánh giá là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả CTHN, đổi mới và hoàn thiện tổ chức và KH HĐHN tiếp theo.

Muốn kiểm tra đánh giá có hiệu quả thì nhà quản lý trước hết phải xây dựng những tiêu chuẩn, phương pháp kiểm tra đánh giá hoạt động GDHN; thực hiện công tác kiểm tra đánh giá một cách thường xuyên và phối hợp tốt các phương pháp kiểm tra:

- Các thành viên trong Ban Hướng nghiệp tổng kết sổ ghi đầu bài, theo dõi các bảng biểu định kỳ hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh theo hàng tuần, hàng tháng, báo cáo lãnh đạo trường hàng tuần để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

+ Đánh giá hoạt động GDHN một cách thường xuyên và theo định kỳ: hoạt động GDHN phải được đánh giá một cách thường xuyên như đánh giá hàng tuần hoặc là hàng tháng để rút kinh nghiệm về những gì đã, sẽ và chưa làm được để phát huy hiệu quả cho hoạt động này; [19,44]

+ Thông qua đánh giá của giáo viên để đánh giá hiệu quả hoạt động GDHN: giáo viên là một lực lượng quan trọng vì chính họ là người tổ chức; là người tư vấn và cũng chính lực lượng này rất gần gũi với các em. Họ hiểu được nguyện vọng và nhu cầu nghề nghiệp của các em; [19,44]

+ Tổng kết để rút kinh nghiệm kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, đề ra những biện pháp phù hợp với những yếu tố phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động giáo dục.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và tình hình phát triển văn hóa, giáo dục ở quận 1, TP. Hồ Chí Minh**

#### ***2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội***

##### ***2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên***

Quận 1 là quận nội thành nằm ở vị trí trung tâm thành phố, là trung tâm hành chính, văn hoá, thương mại và tài chính của thành phố Hồ Chí Minh.

- Phía Bắc giáp rạch Thị Nghè ngăn cách với quận Bình Thạnh.
- Phía Đông giáp sông Sài Gòn ngăn cách với quận 2, có cầu Sài Gòn và cầu Thủ Thiêm bắc qua.
- Phía Đông Nam giáp sông Bến Nghé, ngăn cách với quận 4, có cầu Khánh Hội bắc qua.
- Phía Tây Nam giáp quận 5, ranh giới là đường Nguyễn Văn Cừ.
- Phía Tây giáp quận 3, ranh giới là đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Hai Bà Trưng.

- Phía Tây Bắc giáp quận Phú Nhuận, ranh giới là rạch Thị Nghè, có cầu Kiệu bắc qua trên đường Hai Bà Trưng.

Vùng đất quận 1 được hình thành trên nền phù sa cổ sông Đồng Nai. Địa hình cao hơn mặt nước biển từ 2 - 6m, nền đất nén dẽ, giàu đá ong, nằm dọc theo bờ sông Sài Gòn và rạch Bến Nghé.

Quận 1 nằm trong đới khí hậu gần ven biển, đón hướng gió mát từ Cần Giờ về. Với độ nóng trung bình hàng năm 26°C và lượng mưa trung bình 1.800 mm. Quận có nguồn tài nguyên nước ngầm rất phong phú. Qua nhiều năm khai thác, sử dụng, nguồn nước ngầm ở quận 1 có lúc bị nhiễm mặn nhưng dần dần vẫn được phục hồi như cũ, có trữ lượng lớn, độ tinh khiết cao.

#### *2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội*

Quận 1 có 128 cơ quan ban ngành Thành phố, Trung ương trú đóng, đặc biệt là một số cơ quan quan trọng như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, UBND Thành phố, Sở Công an, Sở Ngoại vụ và Sở, Ban, Ngành...các cơ quan báo đài của Đảng, Đoàn thể thuộc thành phố và Trung ương.

Quận 1 là trung tâm của thành phố Hồ Chí Minh về các lĩnh vực như: Hành chính và ngoại giao, Dịch vụ - Tài chính - Ngân hàng, Văn hoá - Du lịch - Thương mại...Theo thông tin từ website Đảng bộ quận 1, doanh thu dịch vụ - thương mại của quận trong năm 2000 đạt trên 325,7 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu có năm đạt trên 33 triệu USD. Theo thông tin của Cục Thống kê thành phố, năm 2006, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận đạt 426.357 triệu đồng, đứng đầu trong các quận huyện của thành phố.

#### *2.1.2. Tình hình phát triển văn hóa, giáo dục*

Quận 1 hiện có nhiều tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ nhu cầu giải trí cho nhân dân, đồng thời cũng là những cơ sở phúc lợi văn hóa quan trọng. Bên cạnh đó Quận 1 cũng là nơi tập trung nhiều danh lam thắng cảnh, những di tích lịch như: Nhà hát thành phố Hồ Chí Minh, Di tích Trụ Sở UBND Thành Phố Hồ Chí Minh, nhà thờ Đức Bà, dinh Thống Nhất, Bảo tàng Lịch Sử Việt Nam, Công viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn, chợ Bến Thành, công viên Tao Đàn...

Theo hội nghị tổng kết năm học 2018 - 2019 và triển khai nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1 tổ chức. Năm học 2018 - 2019, Quận 1 có 40 trường công lập, 14 trường ngoài công lập, 1.107 lớp, 37.150 học sinh. Ngành GD

- ĐT tiếp tục phát triển quy mô trường lớp, đưa vào sử dụng công trình Trường Tiểu học Kết Đoàn, Nhà đa năng Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học với tổng kinh phí gần 39 tỷ đồng; sửa chữa 32 công trình nhỏ với tổng kinh phí 12,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, có các công trình đang thi công và các công trình xây dựng mới. UBND quận 1 trang bị hơn 21 tỷ đồng cho thiết bị dạy học và bếp ăn của các trường. Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh; 32/32 cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, và an toàn tuyệt đối cho trẻ. 10/10 phường được công nhận phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Cấp tiểu học chuyển hướng mạnh sang hoạt động trải nghiệm, công khai chất lượng giáo dục với phụ huynh qua mô hình “Lớp học xanh - Lớp học mở”, “Tuần lễ Open house”. 100% học sinh được học ngoại ngữ và tin học từ lớp 1. Cấp trung học cơ sở tích cực đổi mới hoạt động dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đưa giáo dục STEM vào dạy học, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. 100% trường THCS giáo dục kỹ năng sống. Có 9 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, 1 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; thực hiện mô hình trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại 3 trường ở bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

## 2.2. Vài nét về đối tượng khảo sát

### Mẫu nghiên cứu:

Mẫu nghiên cứu bao gồm 248 đối tượng, trong đó có 7 cán bộ quản lý, 17 giáo viên, 224 học sinh trung học phổ thông được chọn ngẫu nhiên ở hai trường: trường THPT Bùi Thị Xuân, trường THPT Trưng Vương trên địa bàn quận 1.

**Bảng 1: Bảng tổng hợp số liệu về đối tượng khảo sát**

| Thông tin về đối tượng khảo sát |                   | CBQL   |       | Giáo viên |       | Học sinh |       | Tổng                  |
|---------------------------------|-------------------|--------|-------|-----------|-------|----------|-------|-----------------------|
|                                 |                   | Tần số | Tỉ lệ | Tần số    | Tỉ lệ | Tần số   | Tỉ lệ |                       |
| <b>Trường</b>                   | THPT Bùi Thị Xuân | 3      | 1.2%  | 11        | 4.4%  | 131      | 52,9% | <b>248<br/>(100%)</b> |
|                                 | THPT Trưng Vương  | 4      | 1.6%  | 6         | 2,4%  | 93       | 37,5% |                       |

Qua bảng số liệu trong bảng cho thấy, ở trường THPT Bùi Thị Xuân có 145 khách thể được khảo sát (chiếm 58,5 %) trong đó có 1,2% cán bộ quản lý, 4.4 % giáo viên và

52.9 % học sinh; trường THPT Trung Vương có 103 khách thể được khảo sát chiếm (41.5%) trong đó có 1.6% là cán bộ quản lí, 2.4% là giáo viên, 37.5 % % là học sinh.

**Bảng 2: Thống kê tình hình cán bộ QL, giáo viên được khảo sát**

| Thông tin về đối tượng khảo sát       |                  | Cán bộ quản lí      |           | Giáo viên            |           |
|---------------------------------------|------------------|---------------------|-----------|----------------------|-----------|
|                                       |                  | Tần số              | Tỉ lệ (%) | Tần số               | Tỉ lệ (%) |
| <b>Giới tính</b>                      | Nam              | 4                   | 57.2%     | 6                    | 35.3%     |
|                                       | Nữ               | 3                   | 42.9%     | 11                   | 64.7%     |
| <b>Trình độ đào tạo</b>               | Đạt chuẩn        | 3                   | 42.9%     | 9                    | 53%       |
|                                       | Trên chuẩn       | 4                   | 57.2%     | 8                    | 47.1%     |
| <b>Thâm niên làm công tác quản lí</b> | Dưới 10 năm      | 7                   | 100%      | -                    | -         |
|                                       | Từ 10 đến 20 năm | 0                   | 0         | -                    | -         |
|                                       | Trên 20 năm      | 0                   | 0         | -                    | -         |
| <b>Thâm niên làm công giảng dạy</b>   | Dưới 10 năm      | 2                   | 28.6%     | 9                    | 52,9%     |
|                                       | Từ 10 đến 20 năm | 3                   | 42.9%     | 4                    | 23.5%     |
|                                       | Trên 20 năm      | 2                   | 28.6%     | 4                    | 23.5%     |
| <b>Tổng cộng</b>                      |                  | <b>7<br/>(100%)</b> |           | <b>17<br/>(100%)</b> |           |

Trên đây là số liệu thống kê tình hình cán bộ QL, GV của hai trường THPT Bùi Thị Xuân, trường THPT Trung Vương. Qua số liệu, cho thấy hầu hết cán bộ quản lí, giáo viên của cả hai trường đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn cụ thể: 3 (42,9%) CBQL và 9 (53%) giáo viên đạt chuẩn, 7 (57,2%) CBQL và 8 (47,1%) GV trên chuẩn. Đây là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của ngành giáo dục quận 1 nói riêng và thành phố Hồ Chí Minh nói chung. Với đội ngũ nhà giáo có trình độ chuyên môn cao, đây sẽ là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mà cụ thể là chất lượng HĐGD hướng nghiệp trên địa bàn quận 1 nói chung và của cả hai trường nói riêng.

Về thâm niên làm công tác quản lí, 100% cán bộ quản lí được khảo sát của cả hai trường đều có thâm niên dưới 10 năm. Điều này vừa là điểm thuận lợi cũng vừa là thách thức đối với công tác quản lí HĐ GDHN của cả hai trường. Với đặc thù tình hình cán bộ quản lí trẻ đông đảo, năng động, sáng tạo trong công việc; đội ngũ này sẽ dễ dàng

tiếp thu và ứng dụng những phương pháp quản lí mới, giúp cho công tác quản lí hoạt động giáo dục hướng nghiệp đạt hiệu quả cao.

### **2.3. Mô tả về cách thức nghiên cứu đề tài**

#### **2.3.1. Công cụ nghiên cứu**

Công cụ nghiên cứu gồm ba mẫu bảng hỏi dành cho CBQL, GV và học sinh.

##### **a) Mẫu 1: Dành cho cán bộ quản lí**

Phiếu khảo sát gồm 13 câu hỏi đóng và 1 câu hỏi mở:

- Từ câu 1 đến câu 5: thông tin cá nhân
- Từ câu 6 đến câu 10: thực trạng quản lí hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường trên địa bàn quận 1.
- Câu 11: những yếu tố gây khó khăn trong công tác quản lí hoạt động GDHN của nhà trường.
- Câu 12, 13: thực trạng hoạt động GDHN tại một số trường trên địa bàn quận 1.
- Câu 14: thuận lợi và khó khăn trong công tác quản lí hoạt động giáo dục hướng nghiệp của mình

##### **b) Mẫu 2: Dành cho giáo viên**

Phiếu khảo sát gồm 18 câu hỏi đóng:

- Từ câu 1 đến câu 5: thông tin cá nhân
- Câu 6: Nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp
- Từ câu 7 đến câu 13: thực trạng quản lí hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường trên địa bàn quận 1.
- Từ 14 đến câu 18: thực trạng hoạt động GDHN tại một số trường trên địa bàn quận 1.

##### **c) Mẫu 3: Dành cho học sinh**

Phiếu khảo sát gồm 15 câu hỏi đóng:

- Từ câu 1 đến câu 3: thông tin cá nhân
- Câu 4: mức độ yêu thích của học sinh đối với HĐ GDHN tại trường.
- Câu 5: mức độ tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp của học sinh.

- Câu 6 đến câu 9, câu 12, câu 15: thực trạng hoạt động GDHN tại một số trường trên địa bàn quận 1.

- Câu 10, câu 11: tìm hiểu về định hướng nghề nghiệp của học sinh.

- Câu 13, 14: Cơ sở vật chất phục vụ cho HĐ GDHN của nhà trường.

### 2.3.2. Cách tính điểm

Quy ước mã hóa các mức độ như sau:

- Đối với bảng khảo sát mức độ thực hiện

- Mức 1: Không thực hiện = 1 điểm

- Mức 2: Thỉnh thoảng = 2 điểm

- Mức 3: Thường xuyên = 3 điểm

- Đối với bảng khảo sát kết quả thực hiện

- Mức 1: Không thực hiện = 1 điểm

- Mức 2: Thỉnh thoảng = 2 điểm

- Mức 3: Thường xuyên = 3 điểm

- Đối với bảng khảo sát mức độ gây khó khăn

- Mức 1: Không = 1 điểm

- Mức 2: Ít = 2 điểm

- Mức 3: Vừa = 3 điểm

- Mức 4: Nhiều = 4 điểm

Căn cứ vào điểm trung bình các mức độ ở mỗi câu, các câu của thang đo mức độ và kết quả thực hiện các chức năng quản lý trong công tác GDHN của cán bộ quản lý nhà trường, mức độ và kết quả thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp, mức độ và kết quả thực hiện phương pháp dạy học HĐGDHN ở trường được tính điểm như sau:

**Bảng 3: Cách tính điểm các câu của thang đo mức độ thực hiện**

| MEAN        | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN |
|-------------|------------------|
| 2.34 – 3    | Thường xuyên     |
| 1.68 – 2.33 | Thỉnh thoảng     |
| 1 – 1.67    | Không thực hiện  |

**Bảng 4: Cách tính điểm các câu của thang đo kết quả thực hiện**

| MEAN        | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN |
|-------------|------------------|
| 2.34 – 3    | Hiệu quả         |
| 1.68 – 2.33 | Ít hiệu quả      |
| 1 – 1.67    | Không hiệu quả   |

**Bảng 5: Cách tính điểm các câu của thang đo mức độ gây khó khăn**

| MEAN        | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN |
|-------------|------------------|
| 3.26 – 4    | Nhiều            |
| 2.51 – 3.25 | Vừa              |
| 1.76 – 2.5  | Ít               |
| 1 - 1.75    | Không            |

### **2.3.3. Xử lý số liệu**

Người nghiên cứu sử dụng toán thống kê và phần mềm excell để xử lý kết quả. Các câu được thống kê tần số, tính tỉ lệ phần trăm, trị số trung bình, mức ý nghĩa để tìm hiểu nhận thức của giáo viên, học sinh, cán bộ quản lí về thực trạng.

## **2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh**

### **2.4.1. Thực trạng nhận thức của học sinh, giáo viên về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp của học sinh**

**Bảng 6: Đánh giá của GV về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh**

| STT      | Tiêu chí  | Số lượng | Tỉ lệ % |
|----------|---|----------|---------|
| <b>1</b> | Rất quan trọng và cần thiết   | 17       | 100     |
| <b>2</b> | Không quan trọng lắm, làm đến đâu hay đến đó  | 0        | 0       |
| <b>3</b> | Nhà trường và Thầy/Cô không cần giáo dục hướng nghiệp cho các em, cứ để cho các em tự chọn ngành, chọn nghề tùy thích | 0        | 0       |



Qua kết quả khảo sát của bảng 6 cho thấy 100% GV đều nhận thấy hoạt động GDHN trong nhà trường THPT *“Rất quan trọng và cần thiết”*. Điều này chứng tỏ hai trường THPT trong quận 1 mà tôi khảo sát bước đầu đã quan tâm đến công tác bồi dưỡng và nâng cao nhận thức của GV về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp (GDHN) cho học sinh. Chính vì thế đội ngũ GV giảng dạy có quan tâm và đầu tư tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục hướng nghiệp, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện các HĐ GDHN ở hai trường THPT của quận 1 chưa được đồng bộ, nên hiệu quả GDHN chưa cao và chưa như mong muốn. Điều này được thể hiện rõ thái độ và ý thức tham gia của học sinh ở hai trường được khảo sát qua bảng sau:

**Bảng 7: Thái độ và ý thức tham gia của học sinh THPT về HĐGDHN**

| TT | Tiêu chí<br>Thái độ              | Số<br>lượng | Tỉ lệ<br>%  | Ý thức<br>tham gia | Số<br>lượng | Tỉ lệ<br>% |
|----|----------------------------------|-------------|-------------|--------------------|-------------|------------|
| 1  | Rất thích                        | 25          | 11.2        | Rất tích cực       | 18          | 8          |
| 2  | Thích                            | <b>118</b>  | <b>52.7</b> | Tích cực           | <b>132</b>  | <b>59</b>  |
| 3  | Có cũng được, không có cũng được | 74          | 33          | Ít tích cực        | 62          | 27.7       |
| 4  | Không thích                      | 7           | 3.1         | Không tích cực     | 12          | 5.3        |

Từ bảng 7 ta nhận thấy có 11.2 % học sinh “rất thích” hoạt động GDHN mà nhà trường tổ chức, số lượng học sinh “thích” HĐ GDHN mà trường nhà trường tổ chức là 52, 7%, điều này chứng tỏ công tác tổ chức HĐ GDHN đã được cán bộ quản lý của hai trường THPT Trung Vương và Bùi Thị Xuân quan tâm và đầu tư vì vậy các hoạt động hướng nghiệp do nhà trường tổ chức đã phần nào gây được hứng thú cho các em học sinh và các em có chú ý đến việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân mình. Tuy nhiên mức độ bình quân về mặt nhận thức là chưa cao. Thể hiện ở việc vẫn còn 33 % học sinh có thái độ “có cũng được, không cũng được” và 3.1 % học sinh “không thích” HĐGDHN do nhà trường tổ chức.

Bên cạnh đó bảng 7 còn cho chúng ta thấy mức độ “ý thức tham gia” hoạt động GDHN của học sinh ở hai trường THPT được khảo sát. Chỉ có 8 % học sinh “*Rất tích cực*” tham gia hoạt động GDHN, 59 % học sinh “*Tích cực*” tham gia HĐ GDHN, tuy nhiên vẫn còn 27.7 % học sinh “*Ít tích cực*” và 5.3 % học sinh “*Không tích cực*” tham gia hoạt động GDHN. Nguyên nhân của tình trạng trên là do các trường THPT xem GDHN cho HS là một trong những hoạt động ngoài giờ chính khoá, không được đánh giá tính điểm nên dẫn đến nhiều HS chưa ý thức được tầm quan trọng của hoạt động giáo dục này, chưa quan tâm đúng mức đến việc định hướng nghề nghiệp cho bản thân thông qua HĐGD này. Do đó cán bộ quản lý của cả hai trường cần quan tâm tác động đến ý thức và thái độ cho học sinh để các em có nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

**2.4.2. Thực trạng quản lý việc thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh**

**Bảng 8: Mức độ thực hiện và kết quả thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

| STT        | NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HĐ GDHN  | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN |          | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |          |
|------------|--|------------------|----------|-------------------|----------|
|            |  | ĐTB              | Thứ hạng | ĐTB               | Thứ hạng |
| 1          | Nhóm chủ đề về kiến thức chung, cơ sở cho việc chọn nghề                                     | 2,4              | 7        | 2.6               | 7        |
| 2          | Nhóm chủ đề về kiến thức liên quan đến nhóm nghề và nghề cụ thể                              | 2,6              | 3        | <u>2.9</u>        | <u>1</u> |
| 3          | Nhóm chủ đề về giao lưu, thảo luận, tham quan  | <u>2,7</u>       | <u>1</u> | <u>2.9</u>        | <u>1</u> |
| 4          | Nhóm chủ đề về tư vấn nghề   | <u>2,7</u>       | <u>1</u> | 2.7               | 5        |
| 5          | Nội dung chương trình HĐGDHN thực hiện với thời lượng 1 tiết/ tháng một cách độc lập         | 2,6              | 3        | 2.7               | 5        |
| 6          | Nội dung chương trình HĐGDHN với thời lượng 1 tiết/tháng có lồng ghép vào các tiết học khác  | 2,5              | 5        | 2.8               | 3        |
| 7          | Ngoài những chủ đề theo quy định của Bộ GD&ĐT nhà trường còn thực hiện một vài nội dung khác | 2,5              | 5        | 2.8               | 3        |
| <b>ĐTB</b> |  | <b>2.6</b>       |          | <b>2.8</b>        |          |

Kết quả thống kê cho thấy, mức độ thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp có ĐTB chung = 2.6 xét đến thang điểm thì đạt mức độ thường xuyên. Trong đó, nội dung “Nhóm chủ đề về giao lưu, thảo luận, tham quan”, “Nhóm chủ đề về tư vấn nghề” (đều có ĐTB = 2.7) cùng xếp thứ hạng cao nhất về mức độ thực hiện. Điều này chứng tỏ cán bộ quản lý của hai trường được khảo sát đã tổ chức các nội

dung hướng nghiệp theo sở thích và tâm lí chung của học sinh. Các chủ đề giao lưu, thảo luận, tham quan luôn thu hút sự hứng thú và quan tâm lớn từ các em. Chính vì thế nội dung “Nhóm chủ đề về giao lưu, thảo luận, tham quan” cũng có mức độ hiệu quả thực hiện cao nhất (có ĐTB = 2.9). Tuy nhiên “Nhóm chủ đề về tư vấn nghề” có mức độ thực hiện xếp thứ hạng 1 nhưng mức độ hiệu quả chỉ xếp thứ 5, điều này chứng tỏ mặc dù hai trường thường xuyên thực hiện nội dung về “chủ đề tư vấn nghề” nhưng hiệu quả chưa cao, chưa góp phần tác động tích cực đến việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

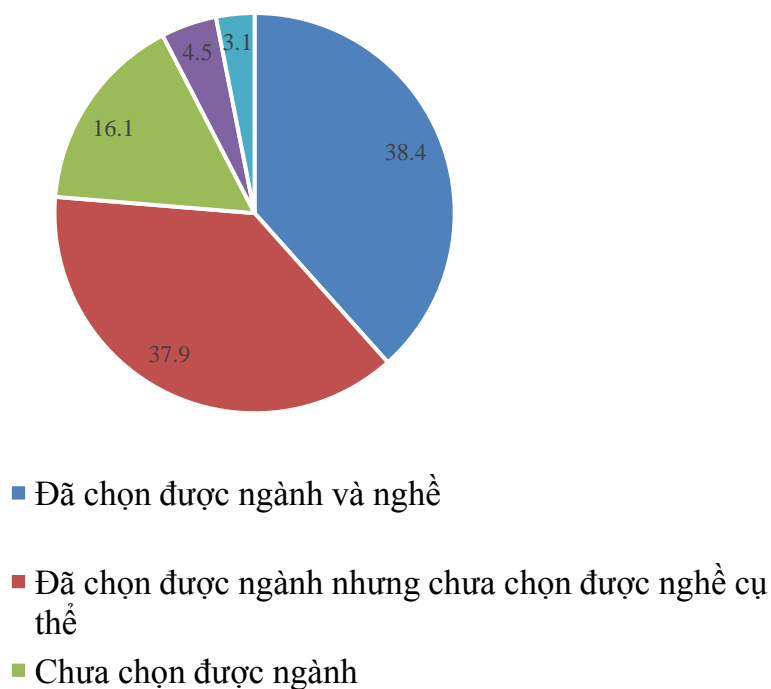
Nội dung “Nhóm chủ đề về kiến thức liên quan đến nhóm nghề và nghề cụ thể” được hai trường khá quan tâm và đầu tư giáo dục cho học sinh. Minh chứng là nội dung này có mức độ thực hiện xếp thứ hạng 3 và mức độ hiệu quả xếp thứ hạng 1. Điều này là một điểm thuận lợi cho học sinh của hai trường vì các em sẽ đánh giá được sự phù hợp giữa đặc điểm tâm lí cá nhân và năng lực của bản thân có phù hợp các đặc điểm của từng nhóm ngành nghề cụ thể hay không, từ đó các em có khả năng lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp với bản thân.

Nội dung “Nhóm chủ đề về kiến thức chung, cơ sở cho việc chọn nghề” có mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện thấp nhất, điều này chứng tỏ hai trường được khảo sát chưa quan tâm đến việc cung cấp “kiến thức chung, cơ sở” để học sinh có nền tảng vững chắc trong việc đánh giá và có cái nhìn tổng quát về đặc điểm của các nhóm ngành nghề trong xã hội. Đây là một hạn chế cần sớm khắc phục của các trường vì nếu ít thực hiện nhóm chủ đề này học sinh sẽ không đánh giá đúng được tiềm năng và xu thế phát triển của hệ thống nghề trong xã hội. Như vậy, sẽ gây ra tác động không tích cực đến khả năng chọn nghề của học sinh.

Hiệu quả của công tác thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1 sẽ được người nghiên cứu minh chứng rõ hơn qua biểu đồ đánh giá việc “Chọn nghề để học sau khi tốt nghiệp THPT” và bảng “Nhận thức của học sinh về tiêu chí lựa chọn ngành, nghề để học sau khi tốt nghiệp THPT” sau:

Phân tích biểu đồ trên cho thấy hầu hết HS lớp 10, 11, 12 thuộc hai trường THPT

**Biểu đồ 1: Ý kiến chọn ngành/ nghề sau khi tốt nghiệp THPT của học sinh**



trong quận 1 TP. Hồ Chí Minh đã chọn được ngành và nghề để học sau khi tốt nghiệp THPT (tỉ lệ đạt 38.4%); điều này cho thấy công tác quản lý việc thực hiện nội dung chương trình hoạt động GDHN của BGH và các cán bộ quản lý hướng nghiệp ở hai trường THPT được khảo sát có hiệu quả. Do đó các em đã phần nào nắm được về đặc điểm hoạt động và yêu cầu phát triển của các nghề trong xã hội hiện nay cũng như những yêu cầu tâm sinh lý của mỗi nghề. Tuy nhiên có đến 37.9 % HS “Đã chọn được ngành nhưng chưa chọn được nghề cụ thể trong ngành đó”. Đặc biệt vẫn có 16.1 % HS “chưa chọn được ngành” và có 4.5 % HS “chưa nghĩ đến việc chọn ngành” sau khi tốt nghiệp THPT để thi vào các trường ĐH, CĐ, 3.1 % học sinh không có ý kiến về nội dung khảo sát.

**Bảng 9: Nhận thức của học sinh về tiêu chí lựa chọn ngành, nghề để học sau khi tốt nghiệp THPT**

| TT       | Tiêu chí<br>Nội dung  | Tần số            | Tỉ lệ %            | Thứ bậc         |
|----------|---|-------------------|--------------------|-----------------|
| <b>1</b> | Ngành, nghề đó phải phù hợp với sở thích, năng lực, tính cách và thể chất của bản thân. | <b><u>137</u></b> | <b><u>61.1</u></b> | <b><u>1</u></b> |
| <b>2</b> | Ngành, nghề đó phải có thu nhập cao   | 56                | 25                 | 2               |
| <b>3</b> | Ngành, nghề đó phải có địa vị cao trong XH  | 10                | 4.5                | 3               |
| <b>4</b> | Ngành, nghề đó phải được gia đình em thích  | 8                 | 3.6                | 4               |
| <b>5</b> | Ngành, nghề đó phải có nhiều bạn bè em chọn học   | <b><u>2</u></b>   | <b><u>0.9</u></b>  | <b><u>6</u></b> |
| <b>6</b> | Không có ý kiến   | 11                | 4.9                | 5               |

Bảng 9 cho thấy ngành nghề được học sinh lựa chọn nhiều nhất là nhóm “Ngành, nghề đó phải phù hợp với sở thích, năng lực, tính cách và thể chất của bản thân.” chiếm đến (61.1%). Điều này cho thấy học sinh đã biết căn cứ vào năng lực, tính cách, thể chất của mình cũng như những yêu cầu của nghề và nhu cầu của xã hội để chọn ngành, chọn nghề phù hợp. Xếp thứ 2 là nhóm “Ngành, nghề đó phải có thu nhập cao” chiếm 25%. Tuy nhiên, cũng có hơn 4.5% học sinh lựa chọn nhóm “Ngành, nghề đó phải có địa vị cao trong XH” được mọi người nể trọng, 3.6% học sinh cho rằng ngành nghề được chọn phải “được gia đình em thích” mà không quan tâm đến vấn đề có phù hợp với bản thân hay không. Đặc biệt có đến 4.9 % học sinh “Không ý kiến” về tiêu chí lựa chọn ngành, nghề để học sau khi tốt nghiệp THPT. Cuối cùng nhóm xếp thứ bậc thấp nhất là nhóm “Ngành, nghề đó phải có nhiều bạn bè em chọn học” chỉ chiếm 0.9 %.

Từ kết quả phân tích đã cho ta thấy xét trên thang điểm thì nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp đạt mức độ hiệu quả ( $\overline{DTB} = 2.8$ ), và khi khảo sát về các đánh giá và tiêu chí lựa chọn ngành nghề sau khi tốt nghiệp của học sinh cho thấy cũng phần nào khẳng định nội dung mà nhà trường hướng nghiệp cho các em có đạt hiệu quả nhưng chưa tác động sâu sắc đến nhận thức của học sinh. Minh chứng là bên cạnh những học sinh có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc chọn ngành, chọn nghề để học sau tốt nghiệp THPT; một số em còn quá phụ thuộc vào gia đình và

bạn bè trong việc quyết định hướng đi tương lai của bản thân, thậm chí có những học sinh còn không định hướng được mình sẽ lựa chọn ngành nghề gì sau khi tốt nghiệp. Với những xu hướng lựa chọn ngành, nghề có phần lệch lạc của học sinh sẽ tác động rất lớn đến năng lực nghề nghiệp của các em và ảnh hưởng đến hiệu quả của sự phân công lao động xã hội. Vì thực tế trong nhận thức của HS về việc chọn lựa ngành, nghề tương lai chưa phù hợp, chưa đáp ứng với mục đích của GDHN THPT theo tinh thần của thông tư 31/TT của Bộ GD-ĐT nhằm bồi dưỡng, hướng dẫn HS chọn nghề phù hợp với yêu cầu phát triển của XH.

Tóm lại, qua điều tra cho thấy ở các trường có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nội dung chương trình HN. Điều này cũng chứng tỏ, khâu QL việc thực hiện nội dung chương trình GDHN ở các hai trường THPT được khảo sát trong quận 1 có sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường nhưng thiếu sâu sát. Chính những vấn đề này đã ảnh hưởng rất lớn đến việc chọn ngành, chọn nghề và định hướng nghề nghiệp tương lai của các em HS. Điều này, đã đặt ra trách nhiệm cho các nhà quản lí ở các trường THPT trong quận 1 cần có sự quan tâm đúng mức hơn trong công tác QL nội dung hoạt động GDHN để hoạt động giáo dục này đạt được hiệu quả và mục đích mà nhà trường đã đề ra.

**2.4.3. Thực trạng xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh:**

**Bảng 10: Mức độ và kết quả thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

| STT      | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN  |                   |                   | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |                   |                   |
|----------|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|          |  | CBQL              | GV                | Mức ý nghĩa (Sig) | CBQL              | GV                | Mức Ý nghĩa (Sig) |
| <b>1</b> | Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chung của nhà trường.      | <b><u>2.9</u></b> | <b><u>2.9</u></b> | 0.56              | 2.7               | 2.8               | 0.53              |
| <b>2</b> | Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chi tiết cho từng khối lớp | 2.7               | 2.8               | 0.46              | <b><u>2.9</u></b> | <b><u>2.8</u></b> | 0.51              |
| <b>3</b> | Yêu cầu tổ chức nhiệm vụ lập kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp                      | 2.3               | 2.8               | 0.47              | 1.7               | 3                 | 0.62              |
| <b>4</b> | Nhà trường lập kế hoạch cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp                 | 2.4               | 2.5               | 0.35              | 2                 | 2.7               | 0.48              |
| <b>5</b> | Nhà trường lập kế hoạch quản lý tài chính cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp              | 2.4               | 2.5               | 0.35              | 2.4               | 2.8               | 0.49              |
| <b>6</b> | Nhà trường lập kế hoạch phát triển đội ngũ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp             | <b>2.4</b>        | <b>2.5</b>        | 0.36              | 2.4               | 2.6               | 0.39              |
| <b>7</b> | Nhà trường lập kế hoạch dạy học cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp                        | 2.9               | 2.8               | 0.52              | 2.6               | 2.8               | 0.49              |



|             |  |            |            |      |            |            |      |
|-------------|--|------------|------------|------|------------|------------|------|
| <b>8</b>    | Nhà trường lập kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với đoàn thể, với Ban đại diện CMHS để tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho các em | 2.7        | 2.6        | 0.46 | 2.7        | 2.8        | 0.48 |
| <b>ĐTBC</b> |  | <b>2.6</b> | <b>2.7</b> |      | <b>2.4</b> | <b>2.8</b> |      |

Kết quả thống kê cho thấy: công tác xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp được đánh giá ở mức độ thực hiện “thường xuyên” và kết quả thực hiện ở mức “hiệu quả” (ĐTBC theo mức độ và kết quả thực hiện của cán bộ quản lí là 2.6 và 2.7; của giáo viên là 2.4 và 2.8).

Kiểm định T – Test cho thấy không có sự khác biệt về ý nghĩa trong đánh giá của CBQL và GV ở cả mức độ thực hiện và kết quả thực hiện (các giá trị sig đều lớn 0.05).

Nội dung “*Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chung của nhà trường*” có mức độ thực hiện cao nhất (ĐTB của CBQL và GV đều là 2.9), xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên”. Đồng thời nội dung này cũng có kết quả thực hiện ở mức “hiệu quả” (ĐTB theo kết quả của CBQL là 2.7 của GV là 2.8). Điều này chứng tỏ, cán bộ quản lí của hai trường THPT được khảo sát đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động hướng nghiệp chung của nhà trường vào đầu mỗi năm học để làm cơ sở định hướng cho việc tổ chức thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh toàn trường.

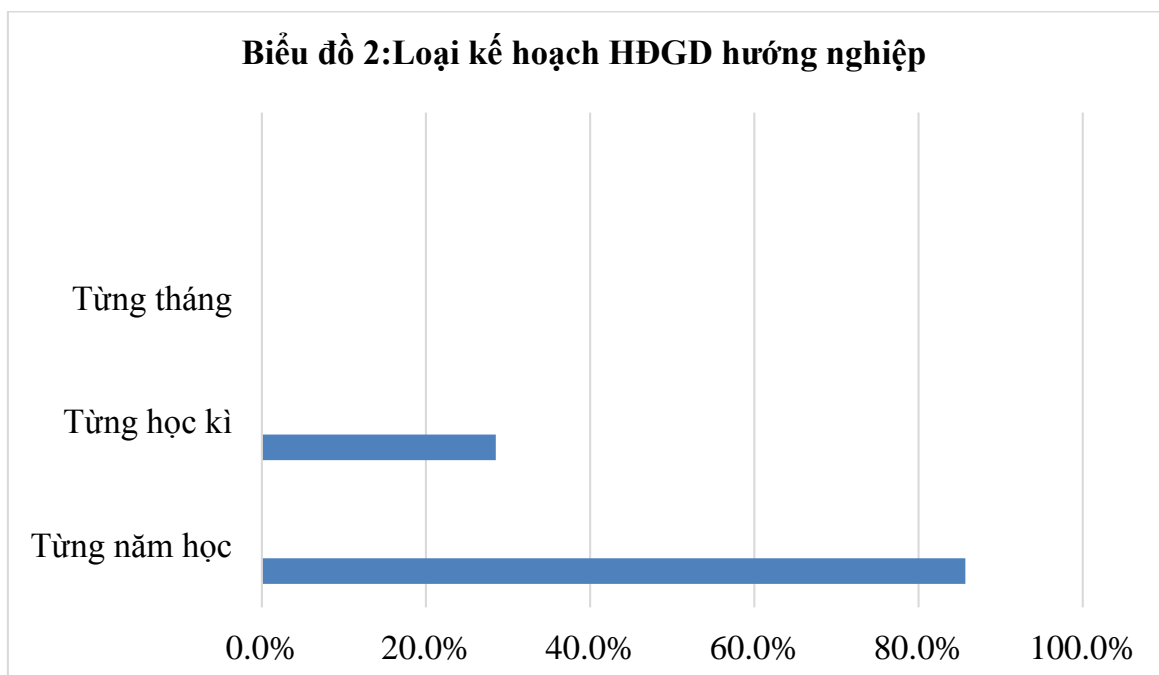
Nội dung “*Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chi tiết cho từng khối lớp*” có kết quả thực hiện xếp vị trí thứ nhất (ĐTB theo kết quả của CBQL là 2.9 của GV là 2.8). Kết quả này chứng tỏ hai trường THPT được khảo sát chú ý xây dựng nội dung hướng nghiệp theo từng khối lớp. Điều này giúp nhà trường dễ quản lí hiệu quả của công tác hướng nghiệp và đưa ra các chương trình hướng nghiệp phù hợp với học sinh từng khối.

Các nội dung còn lại cũng đều có mức độ thực hiện “thường xuyên” và kết quả thực hiện “hiệu quả”. Tuy nhiên qua trao đổi và tham khảo ý kiến các nhóm tham gia khảo sát thì nội dung “*Yêu cầu tổ chức nhiệm vụ lập kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp*” có được Ban giám hiệu các trường quan tâm chỉ đạo thực hiện. Mặc dù vậy, về

phía GVCN, do đồng thời phải thực hiện công tác chuyên môn và công tác chủ nhiệm nên việc lập kế hoạch hoạt động GDHN chưa được đội ngũ GVCN quan tâm thực hiện đúng mức và thường hay bỏ sót.

Cả hai trường THPT được khảo sát chưa thực sự quan tâm đến việc bồi dưỡng nhân sự phục vụ cho công tác giáo dục hướng nghiệp dẫn đến tình trạng lực lượng GV chuyên trách, CBQL công tác GDHN ở hai trường THPT còn thiếu về số lượng và yếu kém về chất lượng. Ngoài ra các trường cũng chưa quan tâm đầu tư tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho công tác giáo dục hướng nghiệp. Minh chứng là tuy đều có mức độ thực hiện “thường xuyên” nhưng ĐTB của ba nội dung “*Nhà trường lập kế hoạch cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp*”, “*Nhà trường lập kế hoạch quản lý tài chính cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp*” và “*Nhà trường lập kế hoạch phát triển đội ngũ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp*” thấp nhất trong 8 nội dung được (cả 3 nội dung điều có ĐTB theo mức độ thực hiện của cán bộ quản lý là 2.4, GV là 2.5).

Nhìn chung, các trường cũng đã có quan tâm đến công tác lập kế hoạch HĐGDHN, các trường THPT có lập kế hoạch theo từng năm học và lập kế hoạch chi tiết ở từng học kì, nhưng lại chưa quan tâm lập kế hoạch HĐ giáo dục hướng nghiệp cho từng tháng cụ thể. Điều này sẽ được thể hiện chi tiết ở biểu đồ sau:



Kết quả của biểu đồ 2 cho thấy tỉ lệ cao nhất thuộc về việc “Lập kế hoạch thực hiện hoạt động GDHN trong từng năm học” (85.7%), kế đến là “Kế hoạch hoạt động

giáo dục hướng nghiệp của nhà trường được lập theo từng học kì”(28.6%), nội dung “Kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường được lập theo từng tháng” không có trường khảo sát nào thực hiện. Điều này cho thấy tuy các trường có đầu tư xây dựng kế hoạch HĐ GDHN nhưng chỉ là kế hoạch tổng thể mà chưa đi sâu vào xây dựng kế hoạch và quản lí hoạt động hướng nghiệp theo từng tháng (thậm chí là từng tuần). Đây là một điểm hạn chế cần phải sớm khắc phục của các trường, vì xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng tháng sẽ giúp các trường theo dõi được mục tiêu hướng nghiệp trong từng thời điểm cụ thể, từ đó tạo điều kiện dễ dàng cho việc kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động hướng nghiệp và đưa ra những phương án tối ưu để tiếp tục triển khai HĐ GD hướng nghiệp trong thời gian tiếp theo của năm học

**2.4.4. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh**

**Bảng: 11 Mức độ thực hiện và kết quả thực hiện công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

| STT      | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN  |                 | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |                 |
|----------|--|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|          |  | ĐTB               | Thứ hạng        | ĐTB               | Thứ hạng        |
| <b>1</b> | Xây dựng lực lượng tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường   | 2.6               | 5               | 2.7               | 2               |
| <b>2</b> | Phân công, theo dõi công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho từng khối, lớp  | 2.7               | 2               | 2.6               | 3               |
| <b>3</b> | Phân công chức danh và nhiệm vụ rõ ràng cho giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp   | <b><u>2.8</u></b> | <b><u>1</u></b> | 2.6               | 3               |
| <b>4</b> | Phân chia công việc thành các nhiệm vụ cụ thể để người được phân công thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp một cách thuận lợi và hợp logic. | <b><u>2.8</u></b> | <b><u>1</u></b> | <b><u>2.8</u></b> | <b><u>1</u></b> |

|            |   |                   |                 |                   |                 |
|------------|---|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| <b>5</b>   | Phân công người xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh  | 2.5               | 6               | 2.4               | 6               |
| <b>6</b>   | Thiết lập một cơ chế điều phối, liên kết hoạt động giữa các thành viên hay bộ phận làm công tác giáo dục hướng nghiệp tạo điều kiện đạt mục tiêu hướng nghiệp | 2.4               | 7               | <b><u>2.3</u></b> | <b><u>8</u></b> |
| <b>7</b>   | Cử giáo viên theo học các lớp bồi dưỡng về giáo dục nghề  | <b><u>2.3</u></b> | <b><u>8</u></b> | 2.4               | 6               |
| <b>8</b>   | Phối hợp các lực lượng đoàn thể xã hội trong và ngoài nhà trường tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhận thức về hoạt động giáo dục hướng nghiệp                  | 2.7               | 2               | 2.6               | 3               |
| <b>ĐTB</b> |   | <b>2.6</b>        |                 | <b>2.55</b>       |                 |

Qua bảng 11 cho chúng ta thấy về mức độ thực hiện công tác tổ chức hoạt động GDHN ở hai trường THPT được khảo trong quận 1 nhìn chung có ĐTB nằm khoảng từ 2.3 đến 2.8 (thỉnh thoảng đến thường xuyên). Đối với mức độ hiệu quả của công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cũng có ĐTB nằm khoảng từ 2.3 đến 2.8 (ít hiệu quả đến hiệu quả) so sánh với số liệu về mức độ thực hiện tác giả nhận thấy có sự tương đồng.

Trong đó, hai nội dung xếp thứ hạng 1 là “Phân công chức danh và nhiệm vụ rõ ràng cho giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp”, “Phân chia công việc thành các nhiệm vụ cụ thể để người được phân công thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp một cách thuận lợi và hợp logic.” có ĐTB về mức độ thực hiện đều là 2.8, mức độ hiệu quả của hai nội dung này cũng xếp thứ hạng cao có ĐTB lần lượt là 2.6 và 2.8. Điều này chứng tỏ cả hai trường THPT được khảo sát có phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng thành viên trong Ban Hướng nghiệp cũng như kiểm tra hiệu quả hoạt động của Ban Hướng nghiệp và qua khảo sát thực tế thì có 85% giáo viên khẳng định điều này.

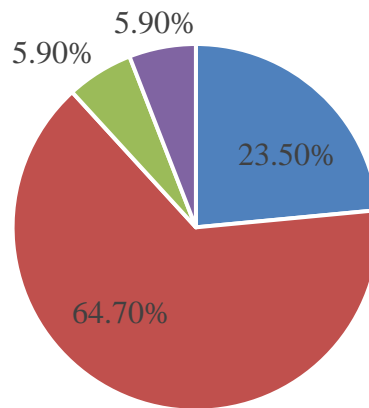
Các nội dung như “Phân công, theo dõi công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho từng khối, lớp” “Phân công người xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh” “Phối hợp các lực lượng đoàn thể xã hội trong và ngoài nhà trường tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhận thức về hoạt động giáo dục hướng nghiệp” đều đạt mức độ thực hiện “thường xuyên” và kết quả thực hiện “hiệu quả” (ĐTB>2.34). Đây là dấu hiệu khá tích cực cho thấy hiệu trưởng và cán bộ quản lý của cả hai trường có quan tâm đầu tư đến công tác tổ chức thực hiện hoạt động GDHN.

Nội dung “Xây dựng lực lượng tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường” có ĐTB về mức độ thực hiện là 2.6 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên”. Về kết quả thực hiện nội dung này có ĐTB = 2.7 xét trên thang điểm thì đạt mức độ hiệu quả. Theo thông tư 31/TT của Bộ GD-ĐT, ngày 17/11/1981 thì ở mỗi trường THPT phải thành lập Ban HN. Thực tế theo kết quả khảo sát ở 2 trường THPT trên địa bàn quận 1 thì có 88,2 % GV cho rằng trường THPT nơi mình công tác “Có thành lập ban này và có hoạt động”. Tuy nhiên có 82,4% giáo viên cho rằng lực lượng chính tham gia vào ban này thường là các GVCN, ngoài ra ban GDHN của cả hai trường cũng có một số giáo viên có kinh nghiệm hoặc GV phụ trách Đoàn TNCS HCM và Ban giám hiệu tham gia. Đặc biệt, cả hai trường cũng có đầu tư mời “Giáo viên của các trung tâm KTHN – DN” để làm công tác giáo dục hướng nghiệp học sinh hay bồi dưỡng “Giáo viên chuyên trách công tác tư vấn, hướng nghiệp tại trường”. Đây là một điểm tích cực trong công tác này của cả hai trường trường, hai trường cần chú ý tạo điều kiện cho các lực lượng này tham gia các lớp bồi dưỡng, học tập nâng cao tay nghề, bố trí thời gian làm việc hợp lý để lực lượng này có điều kiện để đầu tư, tìm hiểu thêm các lĩnh vực có liên quan nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp THPT.

Nội dung “Cử giáo viên theo học các lớp bồi dưỡng về giáo dục nghề.” xếp thứ hạng thấp nhất về mức độ thực hiện (ĐTB = 2.3) xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thỉnh thoảng”. Đây là một nội dung khá quan trọng trong công tác “tổ chức” đòi hỏi các cán bộ quản lý nhà trường nên đầu tư thực hiện. Bởi vì để thực hiện có hiệu quả hoạt động GDHN thì đòi hỏi người GV làm công tác GDHN phải biết tổ chức các hoạt động GDHN theo nhiều hình thức khác nhau. Hơn nữa, nội dung GDHN lại bao gồm quá nhiều lĩnh vực nên GV phụ trách GDHN phải hiểu biết sâu để định hướng và tư vấn

nghề nghiệp cho HS. Nhưng qua kết quả của biểu đồ 3 cho thấy, chỉ có 23.5 % GV đánh giá rằng “Tất cả GV đều được tập huấn, hướng dẫn”; có 64.7% GV đánh giá “chỉ có một số GV được tập huấn, hướng dẫn” và thậm chí có 5.9 % GV đánh giá “chưa có GV nào được tập huấn, hướng dẫn”, 5.9 % GV còn lại “Không biết” các GV làm công tác GDHN có được tập huấn hay *không* thực hiện chương trình GDHN cho HS. Vì vậy, thực tế nhiều GV phụ trách GDHN rất lúng túng khi triển khai một hoạt động HN.

**Biểu đồ 3: Số lượng GV được tập huấn, hướng dẫn thực hiện hoạt động GDHN**



- Tất cả GV đều được tập huấn, hướng dẫn
- Chỉ có một số GV được tập huấn, hướng dẫn
- Chưa có GV nào được tập huấn, hướng dẫn
- Không biết

Nội dung “Thiết lập một cơ chế điều phối, liên kết hoạt động giữa các thành viên hay bộ phận làm công tác giáo dục hướng nghiệp tạo điều kiện đạt mục tiêu hướng nghiệp” có ĐTB về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện đều không cao đặc biệt kết quả thực hiện của nội dung này xét trên thang điểm chỉ ở mức “ít hiệu quả” (ĐTB = 2.3) - xếp vị trí thấp nhất. Điều này chứng tỏ tuy nhà trường có phân công chức danh, nhiệm vụ cho các thành viên và có phân chia công việc cụ thể cho các cán bộ - giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp nhưng sự điều phối và liên kết hoạt động giữa các bộ phận và thành viên còn khá lỏng lẻo, chưa có sự thống nhất và phối hợp để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục hướng nghiệp chung của nhà trường. Đây là điểm mà cả hai trường THPT được khảo sát cần phải lưu ý để tìm ra biện pháp điều chỉnh phương thức

hoạt động của Ban GDHN nhằm tạo được sự liên kết giữa các bộ phận cũng như các thành viên trong quá trình thực hoạt động GDHN cho học sinh.

**2.4.5. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh:**

**Bảng: 12 Mức độ và kết quả công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

| STT      | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN   |                 | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |                 |
|----------|--|--------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|          |  | ĐTB                | Thứ hạng        | ĐTB               | Thứ hạng        |
| <b>1</b> | Chỉ đạo giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp theo mục tiêu, chương trình, kế hoạch của từng khối lớp  | <b><u>2.75</u></b> | <b><u>1</u></b> | 2.75              | 3               |
| <b>2</b> | Nhà trường đưa ra hướng dẫn rõ ràng, chi tiết cho giáo viên về quy trình tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp.  | 2.7                | 3               | 2.8               | 2               |
| <b>3</b> | Nhà trường có cung cấp thông tin cho GV về nhu cầu cán bộ, người lao động kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất của địa phương và trong vùng để GV hướng nghiệp cho HS | 2.3                | 6               | 2.5               | 4               |
| <b>4</b> | Chỉ đạo việc thực hiện các hình thức, phương pháp hướng nghiệp gây được sự hứng thú cho HS, điều chỉnh hoạt động   | <b><u>2.75</u></b> | <b><u>1</u></b> | <b><u>2.9</u></b> | <b><u>1</u></b> |

|            |  |                    |                 |                   |                 |
|------------|--|--------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|            | phối hợp giữa các GV để hiệu quả hướng nghiệp đạt cao  |                    |                 |                   |                 |
| <b>5</b>   | Chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh                            | <b><u>2.25</u></b> | <b><u>7</u></b> | <b><u>1.9</u></b> | <b><u>7</u></b> |
| <b>6</b>   | Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp. | 2.38               | 5               | 2.38              | 5               |
| <b>7</b>   | Nhà trường huy động hiệu quả nguồn kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp                       | 2.6                | 4               | 2                 | 6               |
| <b>ĐTB</b> |  | <b>2.5</b>         |                 | <b>2.5</b>        |                 |

Kết quả thống kê cho thấy, về mức độ thực hiện công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhìn chung có ĐTB nằm trong khoản từ 2.25 đến 2.75 (thỉnh thoảng – thường xuyên), ĐTB = 2.5 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên”. Đối với mức độ hiệu quả của công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp có ĐTB nằm khoảng từ 1.9 đến 2.8 (ít hiệu quả - hiệu quả), ĐTB = 2.5 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “hiệu quả” so sánh với số liệu về mức độ thực hiện tác giả nhận thấy có sự tương đồng.

- Nội dung “Chỉ đạo giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp theo mục tiêu, chương trình, kế hoạch của từng khối lớp” xếp thứ hạng 1 về mức độ thực hiện có ĐTB = 2.75 và kết quả thực hiện xếp thứ hạng 3 (ĐTB=2.75). Điều này cho thấy hai trường THPT được khảo sát khá quan tâm đến công tác GDHN cho từng khối lớp, các trường đã từng bước xây dựng và chỉ đạo đội ngũ GV làm công tác giáo dục hướng nghiệp phải



dựa vào đặc điểm cụ thể của học sinh từng khối mà có kế hoạch hướng nghiệp cho phù hợp.

- Ngoài ra công tác “Chỉ đạo việc thực hiện các phương pháp, hình thức hướng nghiệp gây được sự hứng thú cho HS, điều chỉnh hoạt động phối hợp giữa các GV để hiệu quả hướng nghiệp đạt cao” cũng là nội dung có mức độ thực hiện xếp thứ 1 với ĐTB = 2.75, đặc biệt nội dung này cũng xếp thứ 1 về kết quả thực hiện với ĐTB = 2.9. Theo như kết quả khảo sát thì cán bộ quản lý của hai trường THPT được khảo sát tại quận 1 chỉ đạo nội dung này khá hiệu quả vì theo số liệu thu được từ các GV của hai trường thì ngoài các phương pháp giáo dục truyền thống các thầy cô cũng thường xuyên áp dụng kết hợp các phương pháp giáo dục tích cực và sử dụng lồng ghép các hình thức tổ chức nhằm kích thích và gây được sự hứng thú cho học sinh. Qua thực tế nghiên cứu hình thức tổ chức HĐGDHN ở các trường THPT quận 1, người nghiên cứu nhận thấy rằng hai hình thức tổ chức “*Thực hiện theo từng nhóm lớp*” và “*Thực hiện lồng ghép trong giờ sinh hoạt dưới cờ, tư vấn tuyển sinh*” được 82.4% GV đánh giá thực hiện chủ yếu và mang lại hiệu quả nhiều nhất. Ngoài ra 76.5 % GV đánh “HN thông qua các hoạt động ngoại khóa” do nhà trường tổ chức luôn hiệu quả và thu hút học sinh. Tuy nhiên hai trường được khảo sát nói riêng và các trường THPT trên địa bàn quận nói chung cần đẩy mạnh công tác chỉ đạo việc thực hiện các phương pháp, hình thức hướng nghiệp hơn nữa để hoạt động giáo dục hướng nghiệp mang lại hiệu quả tích cực và hỗ trợ thuận lợi cho học sinh trong việc định hướng nghề nghiệp.

- Nội dung “Nhà trường đưa ra hướng dẫn rõ ràng, chi tiết cho giáo viên về quy trình tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp” được CBQL và GV nhận định thực hiện ở mức độ “thường xuyên”(ĐTB =2.7) và kết quả thực hiện đạt ở mức “hiệu quả” (ĐTB=2.8). Các giáo viên của hai trường được khảo sát cho biết vào đầu năm học nhà trường luôn cung cấp các thông tin hướng dẫn về quy trình tổ chức HĐGDHN cho các giáo viên phụ trách HĐ GDHN và trước mỗi lần tổ chức HĐGDHN theo quy mô toàn trường hay theo hình thức từng khối lớp nhà trường luôn tổ chức tập huấn để hướng dẫn lại các quy trình tổ chức cho giáo viên nắm rõ.

- Nội dung “Nhà trường có cung cấp thông tin cho GV về nhu cầu cán bộ, người lao động kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất của địa phương và trong vùng để GV hướng nghiệp cho HS” tuy có mức độ thực hiện “thường xuyên” và đạt kết quả thực hiện “hiệu

quả”, nhưng nội dung này lại xếp thứ hạng không cao. Đa phần các trường chỉ thực hiện chương trình GDHN theo những chủ đề có trong nội dung quy định của Bộ GD & ĐT, mặc dù đây là hoạt động chính khóa nhưng chưa được tính điểm và do đó nhà trường chưa chú trọng đến việc cung cấp thêm các thông tin về nhu cầu cán bộ, người lao động kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất của địa phương và trong vùng để làm phong phú thêm nội dung hướng nghiệp cho học sinh.

- Nội dung “Nhà trường huy động hiệu quả nguồn kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp” cũng có xếp thứ hạng không cao mặc dù mức độ thực hiện “thường xuyên” và đạt kết quả thực hiện “hiệu quả”. Hầu như hai trường THPT được khảo sát chưa thực sự làm tốt công tác dự báo, phân tích tài chính, lập dự toán, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu của nhà trường dành cho hoạt động giáo dục này. Nguyên nhân là do nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động này còn hạn chế, hầu hết các trường phải tự huy động nguồn kinh phí của nhà trường và nguồn xã hội hóa để phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp.

- “Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp.” được CBQL và GV đánh giá thực hiện ở mức độ “thường xuyên” (ĐTB= 2.38) và kết quả thực hiện đạt mức “hiệu quả” (ĐTB= 2.38 ). Tôi đã thực hiện khảo sát về *“Đánh giá hoạt động của thư viện trường trong việc hướng dẫn cho HS chọn ngành, chọn nghề, chọn trường hoặc có nội dung và tính chất HN”* và *“Đánh giá việc nhà trường xây dựng phòng thông tin về HN và các tài liệu để phục vụ cho công tác HN”* để làm luận cứ đánh giá thực trạng công tác chỉ đạo việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Kết quả cho thấy có 33.4 % học sinh cho rằng thư viện của các trường có tập hợp, giới thiệu sách báo, tạp chí nhằm giúp HS hiểu biết về một số thông tin hướng dẫn chọn ngành, chọn nghề, chọn trường hoặc có nội dung và tính chất HN, tuy nhiên cũng có 55.4 % HS không biết về một số thông tin hướng dẫn chọn ngành, chọn nghề, chọn trường hoặc có nội dung và tính chất HN mặc dù thư viện nhà trường có trang bị. Ngoài ra có đến 35.7 % học sinh cho rằng ở các trường THPT trong địa bàn quận 1 *“không có phòng thông tin về HN” hoặc các trường “có phòng thông tin về HN nhưng rất ít tài liệu”*. Điều này cho thấy, nhu cầu tìm hiểu các thông tin về HN là rất cao cho HS ở các trường THPT trong địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh hiện nay. Tuy nhiên hiện nay các trường chưa

quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp

Nội dung “Chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh” xếp thứ hạng cuối cả về mức độ (ĐTB =2.25) và kết quả thực hiện (ĐTB=1.9). Qua kết quả khảo sát ở học sinh, 74,1 % học sinh khẳng định việc kiểm tra đánh giá HĐGDHN phần lớn được thực hiện thông qua “Giáo viên trao đổi, trò chuyện và vấn đáp với học sinh” và thông qua việc “Giáo viên đánh giá qua sản phẩm của học sinh như thuyết trình, tiểu phẩm, kịch,..” (chiếm 45,1%) Các hình thức đánh giá còn lại cũng được giáo viên thực hiện nhưng khả năng áp dụng vào việc đánh giá chưa nhiều như đánh giá bằng cách “Giáo viên đánh giá qua quan sát hoạt động của học sinh” (37,1%), “Giáo viên cho học sinh làm bài trắc nghiệm” (32,6%), “Giáo viên cho học sinh viết bản thu hoạch về các chủ đề được học”(29,9%); “Giáo viên đánh giá qua quan sát hoạt động đánh giá việc tham gia hoạt động GDHN thông qua hạnh kiểm”(23.7%). Nhìn chung việc kiểm tra đánh giá hoạt động GDHN được thực hiện chưa phong phú đa dạng, hầu như tập trung vào việc đánh giá thông qua trao đổi, trò chuyện với HS. Điều này cho thấy nhà trường chỉ chú trọng việc thực hiện nội dung chương trình GDHN của Bộ GD & ĐT quy định chứ chưa quan tâm nhiều đến công tác chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

**2.4.6. Thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại một số trường THPT trên địa bàn quận 1 TP. Hồ Chí Minh**

**Bảng 13: Mức độ và kết quả công tác chỉ đạo kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp.**

| STT | NỘI DUNG  | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN |          | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |          |
|-----|---|------------------|----------|-------------------|----------|
|     |   | ĐTB              | Thứ hạng | ĐTB               | Thứ hạng |
| 1   | Kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp thường xuyên theo kế hoạch tổng thể của nhà trường | <u>2.75</u>      | <u>1</u> | <u>2.8</u>        | <u>1</u> |

|            |   |                   |                 |                   |                 |
|------------|---|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| <b>2</b>   | Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp                  | 2.4               | 4               | 2.5               | 3               |
| <b>3</b>   | Kiểm tra, đánh giá thông qua báo cáo của giáo viên trực tiếp tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp | 2.7               | 2               | 2.7               | 2               |
| <b>4</b>   | Kiểm tra và đánh giá qua việc lập và theo dõi hồ sơ hướng nghiệp cá nhân học sinh                     | <u><b>2.3</b></u> | <u><b>5</b></u> | <u><b>2.1</b></u> | <u><b>5</b></u> |
| <b>5</b>   | Phối hợp các phương pháp để đánh giá hoạt động hướng nghiệp   | 2.5               | 3               | 2.2               | 4               |
| <b>ĐTB</b> |   | <b>2.53</b>       |                 | <b>2.46</b>       |                 |

Qua các số liệu ở bảng 13 cho thấy, mức độ và kết quả công tác chỉ đạo kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Về mức độ thực hiện nhìn chung có ĐTB nằm trong khoản từ 2.3 đến 2.75 (thỉnh thoảng – thường xuyên), ĐTB = 2.53 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên”. Đối với mức độ hiệu quả của công tác kiểm tra thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp có ĐTB nằm khoảng từ 2.1 đến 2.8 (ít hiệu quả - hiệu quả), ĐTB = 2.46 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “hiệu quả”, so sánh với số liệu về mức độ thực hiện tác giả nhận thấy có sự tương đồng.

CBQL và GV của hai trường THPT được khảo sát trên địa bàn quận 1 đánh giá nội dung “Kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp thường xuyên theo kế hoạch tổng thể của nhà trường” được thực hiện “thường xuyên” (ĐTB = 2.75) và kết quả thực hiện nằm ở mức “hiệu quả” (ĐTB = 2.8). Đây là nội dung xếp thứ hạng cao nhất trên cả hai phương diện đánh giá. Kết quả này cho thấy đa phần cả hai trường đều tuân theo kế hoạch tổng thể vào đầu năm học để thực hiện kiểm tra và đánh giá hoạt động GDHN. Điều này cho phép cán bộ quản lý của cả hai trường đánh giá được mức độ và hiệu quả thực hiện các mục tiêu giáo dục hướng nghiệp, xem xét sự phù hợp trong hoạt động giữa từng cá nhân và bộ phận trong nhà trường với nhiệm vụ đề ra; phát

hiện ra những ưu điểm, thiếu sót và nguyên nhân tương ứng để kịp thời điều chỉnh những quyết định quản lí.

Xếp thứ bậc 2 cả về mức độ và hiệu quả thực hiện là nội dung “Kiểm tra, đánh giá thông qua báo cáo của giáo viên trực tiếp tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp” có điểm điểm trung bình trên cả hai phương diện điều là 2.7 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên” và “hiệu quả”. Theo cán bộ quản lí của trường THPT Trưng Vương thì nhà trường thường xuyên thực hiện phương pháp kiểm tra này vì thông qua báo cáo của giáo viên nhà trường có thể nắm được tình hình thực hiện hoạt động giáo dục của từng khối lớp, những ưu điểm và hạn chế trong cách triển khai HĐGD này của nhà trường, để từ đó đưa ra các phương pháp và hình thức giáo dục hiệu quả hơn.

Công tác “Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp” có mức độ thực hiện “thường xuyên” (ĐTB= 2.4) và kết quả thực hiện “hiệu quả” (ĐTB= 2.5). Điều này chứng tỏ CBQL của cả hai trường đã dựa vào kế hoạch HĐ GDHN đầu năm của nhà trường để thực hiện kiểm tra định kì và đột xuất nhằm nắm tình hình giáo dục hướng nghiệp trong từng thời điểm cụ thể từ đó điều chỉnh lại kế hoạch hướng nghiệp cho phù hợp với học sinh.

Nội dung “Phối hợp các phương pháp để đánh giá hoạt động hướng nghiệp” được thực hiện ở mức độ “Thường xuyên” (ĐTB= 2.5) nhưng kết quả nằm ở mức “ít hiệu quả” (ĐTB= 2.5). Giải thích cho vấn đề trên cán bộ quản lí trường THPT Bùi Thị Xuân cho biết nhà trường có thực hiện phối hợp các phương pháp để đánh giá hoạt động GDHN nhưng phần lớn các giáo viên đã quen với cách kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch của nhà trường do đó khi triển khai phối hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá các giáo viên trong ban hướng nghiệp còn khá lúng túng.

Đặc biệt nội dung “Kiểm tra và đánh giá qua việc lập và theo dõi hồ sơ hướng nghiệp cá nhân học sinh” xếp thứ hạng thấp nhất cả về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện. Về mức độ thực hiện của phương pháp này có ĐTB= 2.3 xét trên thang điểm thì chỉ đạt mức độ “thỉnh thoảng”. Đối với mức độ hiệu quả thì phương pháp này có ĐTB = 2.1 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “ít hiệu quả. Qua trao đổi với CBQL và GV phụ trách HĐ GDHN ở hai trường THPT được khảo sát cho chúng ta thấy, muốn lập được hồ sơ theo dõi hướng nghiệp cho từng cá nhân học sinh hiệu quả thì đòi hỏi nhà trường phải xây dựng được bộ tiêu chuẩn đánh giá toàn diện, đảm bảo tính trung thực,

khách quan, công bằng, tính khả thi để đánh giá được đúng phẩm chất và năng lực của học sinh. Tuy nhiên, hoạt động này đưa vào nội dung giáo dục chỉ với thời lượng 1 tiết/ 1 chủ đề/ 1 tháng do đó nhà trường chưa thực sự đầu tư thời gian để xây dựng hồ sơ hướng nghiệp cho học sinh.

Rõ ràng công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp có được quan tâm nhưng chưa được sâu sát và đồng bộ. Qua trao đổi với đội ngũ CBQL và GV, phần lớn cho rằng nhà trường hiện nay phải thực hiện nhiều mặt hoạt động giáo dục theo chỉ đạo của ngành. Hơn nữa, theo như nhận định của CBQL ở hai trường được khảo sát hoạt động GDHN thường chỉ ảnh hưởng đến đối tượng học sinh cuối cấp và thường tập trung vào thời gian cuối năm học nên chưa được quan tâm đúng mức.

#### ***2.4.7. Những thuận lợi, khó khăn của lãnh đạo các trường trong công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp***

##### ***2.4.7.1. Thuận lợi***

Theo ý kiến đánh giá của CBQL ở các trường THPT Bùi Thị Xuân và THPT Trưng Vương quận 1 các thầy/ cô cho rằng những thuận lợi trong công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp là:

- Đảng và Nhà nước ban hành những văn bản quy định cụ thể về hoạt động giáo dục hướng nghiệp như: Quyết định 126/CP của Chính phủ về công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông hay thông tư 31/TT ngày 17/8/1981 của Bộ GD-ĐT có hướng dẫn thực hiện Quyết định 126/CP với những nội dung về vị trí, nhiệm vụ của công tác HN; chỉ thị 33 CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 cũng đã đề cập về việc tăng cường GDHN cho học sinh.

- Cán bộ quản lý năng động, sáng tạo, làm việc có kế hoạch và phương pháp khoa học; có khả năng dự báo tốt tình hình công tác giáo dục hướng nghiệp của nhà trường. Đồng thời, có sự quan tâm tới đội ngũ giáo viên, đặc biệt giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp được cán bộ quản lý của các trường coi là một nhiệm vụ quan trọng giúp cho nâng cao giáo dục hướng nghiệp.

- 100% giáo viên đạt chuẩn, đội ngũ giáo viên năng động, tích cực trong công việc, do đó có khả năng nhanh chóng tiếp thu những kiến thức về phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, nhận thức về nội dung quản lý hoạt động

GDHN của GV trong trường khá sâu sắc, hiểu được tầm quan trọng của hoạt động GDHN ở các trường THPT (đạt 100 % mức độ “nhiều”). Đó là tiền đề để có thể triển khai hoạt động giáo dục hướng nghiệp hiệu quả cho học sinh.

- Đa số học sinh của các trường năng động, sáng tạo, ưa thích hoạt động tập thể: văn nghệ, thể thao, thăm quan dã ngoại. Đó là điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp.

#### 2.4.7.2. Khó khăn:

Qua khảo sát thực trạng cho thấy hai trường THPT được khảo sát tại quận 1 TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý hoạt động GDHN tại địa bàn. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế cần được khắc phục.

Trong quá trình điều tra khảo sát, tôi tiến hành thăm dò ý kiến của CBQL về những yếu tố gây khó khăn trong công tác quản lý hoạt động GDHN tại địa phương. Tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá mức độ tác động của các yếu tố theo 4 mức độ: Nhiều – Vừa – Ít – Không (gây khó khăn). Kết quả khảo sát được ghi nhận trong bảng dưới đây.

**Bảng 14: Mức độ gây khó khăn trong công tác quản lý hoạt động GDHN**

| STT         | YẾU TỐ  | MỨC ĐỘ GÂY KHÓ KHĂN |          |             |            |          |             |
|-------------|---|---------------------|----------|-------------|------------|----------|-------------|
|             |   | Nhiều<br>%          | Vừa<br>% | Ít<br>%     | Không<br>% | ĐTB<br>% | Thứ<br>hạng |
| <b>6.1.</b> | Sự chỉ đạo từ Bộ Giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục về hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa sâu sát.       | 0                   | 28.6     | <u>57.1</u> | 14.3       | 2.1      | <b>8</b>    |
| <b>6.2.</b> | Nhận thức của cán bộ quản lý về nội dung và phương thức quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp thiếu rõ ràng | 28.6                | 14.3     | 57.1        | 0          | 2.7      | 4           |
| <b>6.3.</b> | Kiến thức và phương pháp giáo dục hướng nghiệp của một số GVCN và GV phụ                                      | 14.3                | 57.1     | 28.6        | 0          | 2.9      | 3           |

|             |  |      |      |      |   |     |   |
|-------------|--|------|------|------|---|-----|---|
|             | trách công tác hướng nghiệp còn hạn chế  |      |      |      |   |     |   |
| <b>6.4.</b> | Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường (GVCN, GV bộ môn, đoàn, đội) và ngoài nhà trường (gia đình học sinh và các lực lượng xã hội) trong công tác giáo dục hướng nghiệp chưa thống nhất và thiếu đồng bộ. | 0    | 71.4 | 28.6 | 0 | 2.7 | 4 |
| <b>6.5.</b> | Học sinh và gia đình học sinh ít quan tâm đến hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường   | 0    | 57.1 | 42.9 | 0 | 2.6 | 6 |
| <b>6.6.</b> | Những tác động không tích cực từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp  | 14.3 | 42.9 | 42.9 | 0 | 2.7 | 4 |
| <b>6.7.</b> | Điều kiện thời gian, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp không đầy đủ.  | 28.6 | 42.9 | 28.6 | 0 | 3   | 2 |
| <b>6.8.</b> | Các hoạt động nghiên cứu khoa học, báo cáo chuyên đề, SKKN liên quan đến hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa được chú trọng   | 0    | 57.1 | 42.9 | 0 | 2.6 | 6 |



|             |   |                    |      |      |   |                   |                 |
|-------------|---|--------------------|------|------|---|-------------------|-----------------|
| <b>6.9.</b> | Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế | <b><u>42.9</u></b> | 28.6 | 28.6 | 0 | <b><u>3.4</u></b> | <b><u>1</u></b> |
|-------------|---|--------------------|------|------|---|-------------------|-----------------|

Từ số liệu điều tra về những khó khăn của các trường trong việc quản lý các chương trình GDHN có thể khẳng định công tác quản lý hoạt động GDHN hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, theo số liệu khảo sát của bảng 14 cho thấy:

Yếu tố gây khó khăn nhiều nhất đến công tác quản lý hoạt động GDHN là “Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế” (ĐTB= 3.4) có mức độ khó khăn “nhiều” chiếm 42.9 %. Cán bộ quản lý của hai trường được khảo sát cho biết hiện nhà trường chưa có nguồn tài chính phục vụ cho công tác GDHN, do đó nhà trường rất ít phối hợp với các CSSX kinh doanh để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh theo hình thức “học tập thông qua lao động kỹ thuật và lao động sản xuất”. Về nguồn kinh phí chi trả giáo viên, tuy cả hai trường đều có chế độ chi trả để khuyến khích và động viên cho các GV làm công tác GDHN nhưng nguồn kinh phí này còn khá hạn chế, do đó các không đủ để hỗ trợ và khuyến khích các giáo viên đầu tư và nâng cao chất lượng các “Kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp” cho học sinh.

Đi kèm với nguồn tài chính hạn chế là “Điều kiện thời gian, cơ sở vật chất cho các hoạt động GDHN không đầy đủ” 76.9 % CBQL thừa nhận yếu tố này đã gây khó khăn “Nhiều” và “Vừa” đến công tác quản lý HĐGD Điểm trung bình đạt 3. Bởi vì CSVC và trang thiết bị phục vụ cho công tác GDHN trong nhà trường còn thiếu. Thư viện thiếu sách, thiếu tư liệu và những thông tin có nội dung hay có tính chất HN cho HS. Các trường chưa có phòng thông tin HN, còn thiếu một số phòng thực hành bộ môn, phòng tư vấn HN và phòng DN chưa đạt chuẩn.

Công tác HN chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; do đó yếu tố “Kiến thức và phương pháp GDHN của một số GVCN và GV phụ trách” được đánh giá có mức độ gây khó khăn “Vừa” ĐTB= 2.9. Hầu hết các giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp đa phần là giáo viên kiêm nhiệm từ các bộ môn khác. Do đó các thầy/ cô điều chú trọng vào công tác chuyên môn để nâng cao năng lực giảng dạy bộ môn mà mình phụ trách. Do đó các GVCN và giáo viên bộ môn không quan tâm đến việc tự bồi dưỡng, nâng cao kiến thức và phương pháp giáo dục hướng nghiệp.

“Nhận thức về nội dung quản lý hoạt động GDHN thiếu rõ ràng” được CBQL đánh giá là yếu tố đứng thứ 4 với điểm trung bình đạt 2.7, xét trên thang điểm thì đây là yếu tố gây khó khăn “vừa”. Từ đó chứng tỏ nhận thức của CBQL và đội ngũ GV về nội dung quản lý hoạt động GDHN tại các trường THPT quận 1 còn khá hạn chế. Do đội ngũ những người làm công tác GDHN chưa được trang bị những kiến thức cần thiết để thực hiện công tác.

Yếu tố cũng xếp thứ hạng 4 là “Sự phối hợp giữa GVCN, GV bộ môn, Đoàn, Đội, gia đình, lực lượng xã hội trong công tác GDHN chưa thống nhất, thiếu đồng bộ” yếu tố này cho kết quả 71.4 % CBQL đánh giá ở mức “Vừa”, điểm trung bình đạt 2.7. Qua tìm hiểu thực tế tại các trường THPT được khảo sát ở quận 1, hầu hết các trường đều chưa thực hiện tốt sự phối hợp các lực lượng mà chỉ khoán trắng cho GV phụ trách HN. Điều này phản ánh thực trạng sự phối hợp giữa các lực lượng trong hoạt động GDHN còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

Đồng hạng 4 với hai yếu tố trên là “Những tác động không tích cực từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động GDHN” là nội dung mà hầu hết CBQL đều nhìn nhận có tác động vừa và phần nào gây khó khăn cho công tác GDHN hiện nay. Số liệu khảo sát cho thấy có 42.9% CBQL nhìn nhận môi trường kinh tế - xã hội tác động “vừa” đến công tác quản lý hoạt động GDHN” điểm trung bình đạt 2.7. Kết quả khảo sát chứng tỏ hiện nay môi trường kinh tế - xã hội tác động cũng có tác động không nhỏ đến công tác quản lý hoạt động GDHN. Sự đa dạng của thế giới nghề nghiệp song song với sự tăng trưởng kinh tế trong nước và khu vực tạo ra những biến động không ngừng ở thị trường lao động đã làm dao động đến tâm lý chọn ngành, nghề của HS. Những tác động không tích cực đó là: tâm lý coi trọng bằng cấp vẫn tồn tại trong xã hội, điều kiện làm việc, khả năng tiến thân, chế độ đãi ngộ đối với công nhân chưa tốt...

Yếu tố “Học sinh và gia đình học sinh ít quan tâm đến hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường” (ĐTB= 2.6) gây khó khăn ở mức độ “vừa” có tỉ lệ 57.1 %. Bởi vì, đây là hoạt động giáo dục không có sự đánh giá tính điểm không ảnh hưởng đến kết quả học lực, do đó tâm lý phụ huynh và học sinh chỉ quan tâm đến việc học các bộ môn văn hóa mà chưa nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp có tác động và ảnh hưởng lớn đến tương lai của học sinh.

“Các hoạt động nghiên cứu khoa học, báo cáo chuyên đề, SKKN liên quan đến hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa được chú trọng” có 57.1 % CBQL đánh giá yếu tố này có mức độ gây khó khăn “vừa” (ĐTB =2.6). Tuy yếu tố này chỉ gây khó khăn vừa nhưng đây cũng là thực trạng phản ánh nhận thức chưa đúng về tầm quan trọng của công tác GDHN trong nhà trường hiện nay. Các trường chỉ thường tổ chức các HĐ nghiên cứu khoa học, báo cáo chuyên đề, SKKN liên quan đến các bộ môn học văn hóa để nâng cao chất lượng dạy học mà quên rằng hướng nghiệp cũng là một hoạt động giáo dục cần thiết đảm bảo cho học sinh phẩm chất và năng lực định hướng và chọn được ngành nghề phù hợp cho bản thân, từ đó sẽ góp phần nâng cao được tỉ lệ đậu tốt nghiệp, đại học, cao đẳng của học sinh các trường.

Yếu tố gây khó khăn thấp nhất là “Sự chỉ đạo từ Bộ Giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục về hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa sâu sát” điểm trung bình đạt 2.1 xét trên thang điểm thì đây là yếu tố gây khó khăn ở mức độ “vừa”. Tuy đây là yếu tố xếp thứ hạng gây khó khăn thấp nhất nhưng cán bộ quản lý của hai trường được khảo sát cho rằng chính vì sự chỉ đạo của Bộ giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục về HĐ GDHN còn ít, thiếu theo dõi, kiểm tra và đôn đốc, cũng như chưa có những chỉ đạo cụ thể, đưa ra những giải pháp hữu hiệu và phù hợp với tình hình thực tế của từng trường nên mặc dù các trường có triển khai thực hiện “Hướng nghiệp” nhưng HĐGD này vẫn chưa hiệu quả.

## **2.5. Cơ sở đề xuất giải pháp**

### **2.5.1. Cơ sở pháp lý**

- Quyết định số 126-CP của Thủ tướng Chính phủ.
- Thông tư 31/TT ngày 17/8/1981 của Bộ GD-ĐT;
- Chiến lược phát triển GD 2001 – 2010 do Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001,
- Chỉ thị 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23/7/2003 cũng đã đề cập về việc tăng cường GDHN cho học sinh.
- Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/6/2006 cũng đề cập về việc ban hành chương trình GD phổ thông và trong chương trình GD phổ thông cũng có chương trình chuẩn “Hoạt động GDHN”.

### **2.5.2. Cơ sở lý luận**

Hoạt động GDHN có vị trí vô cùng quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông, với vai trò định hướng và giúp cho học sinh chọn được nghề nghiệp phù hợp với năng lực của bản thân, cũng như phù hợp với nhu cầu nhân lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó thực hiện công tác HN là một yêu cầu cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu nguyên lý và nội dung, đường lối GD của Đảng và Nhà nước, hiện thực hóa đường lối GD trong đời sống XH; góp phần tích cực và có hiệu quả vào việc phân công và sử dụng hợp lý học sinh sau khi tốt nghiệp.

Đề tài đã nghiên cứu hệ thống lý luận về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Việc nghiên cứu phần lý luận nói trên đã định hướng và xác lập vững chắc giúp tác giả tiếp tục nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đó là cơ sở lý luận để tác giả đề xuất biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý hoạt động hướng nghiệp tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### **2.5.3. Cơ sở thực tiễn**

Qua khảo sát thực trạng quản lý HĐ GDHN tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Do hiệu quả công tác HN trong nhà trường còn thấp, công tác quản lý HĐ GDHN ở các trường THPT được khảo sát chưa thực sự được quan tâm và đầu tư đúng mức của các cấp quản lý. Ngoài ra, sự bất cập của đội ngũ giáo viên; hạn chế về nguồn kinh phí, điều kiện CSVC, trang thiết bị không đầy đủ; những vấn đề về chương trình và nội dung giáo dục hướng nghiệp; công tác quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém, chưa thật sự năng động, sáng tạo trong công việc... Trong giới hạn phạm vi cho phép, đề tài đã đề xuất một số biện pháp chủ yếu sau nhằm củng cố và tăng cường công tác quản lý hoạt động GDHN, từ đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác GDHN của các trường THPT trong quận 1.

### **2.5.4. Các biện pháp tăng cường quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp**

*2.5.4.1. Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*

#### **a) Mục đích**

Giải pháp này nhằm tạo ra những tác động để nâng cao nhận thức của các lực lượng trong và ngoài nhà trường về GDHN (đội ngũ CBQL, GV và PHHS về công tác GDHN). Làm cho họ hiểu được tầm quan trọng, mục tiêu về GDHN trong trường THPT. Cung cấp những thông tin về kinh tế xã hội, nhu cầu lao động nhằm hướng cho hoạt động GDHN giải quyết đúng hướng về nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ kinh tế - xã hội của Hà Nội.

#### **b) Nội dung và cách thực hiện**

##### **- Đội ngũ CBQL:**

+ Quán triệt và nhận thức đúng, sâu sắc các chủ trương, đường lối của Đảng và nhà nước về công tác GDHN trong chiến lược phát triển GD và được khẳng định trong Luật GD, trong các văn bản, Nghị định, chỉ thị và các thông tư về GD có liên quan. Đồng thời, từ nhận thức đi đến việc thực thi các hoạt động cụ thể và phải cụ thể hóa trong kế hoạch QL của HT, trong kế hoạch năm học.

+ CBQL ở các trường THPT phải thể hiện tinh thần chủ động trong việc tham mưu với lãnh đạo cấp trên nhằm huy động các nguồn nhân lực, vật lực và tài lực nhằm để phục vụ tốt công tác GDHN của nhà trường; Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường trong việc tổ chức thực hiện và kiểm tra các HĐ GDHN song song với việc thực hiện kế hoạch của năm học.

##### **- Đội ngũ GV:**

+ Nhà trường cũng phổ biến các tài liệu, những chủ trương của Đảng và Nhà nước, những văn bản của Bộ, của Sở về việc hướng dẫn GDHN cho giáo viên.

+ HT tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, các khóa bồi dưỡng về công tác GDHN giúp đội ngũ GV nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục hướng nghiệp

+ HT tổ chức cho GV trao đổi, tìm hiểu về hoạt động GDHN thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm, qua đó nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động GDHN ở các trường THPT.

+ Đôn đốc, kịp thời khích lệ, cũng như tạo mọi điều kiện cho những GV nào có tâm huyết, tích cực trong các tổ chức các HĐ GDHN.

- **Đối với PHHS:** phụ huynh có vai trò quan trọng trong quản lý giáo dục hướng nghiệp. Nhận thức của họ ảnh hưởng lớn về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong

gia đình. Vì vậy, người quản lý phải biết tác động với PHHS, lực lượng này sẽ góp phần không nhỏ vào GDHN ngay chính con em của họ.

+ Hiệu trưởng các trường THPT cần tổ chức các buổi họp hội PHHS, các phương tiện thông tin đại chúng, cần làm cho PHHS nhận thức rõ của việc hướng nghiệp đối với sự thành đạt nghề nghiệp của con em họ sau này.

+ Thông qua các lớp học tập cộng đồng, ngày hội tư vấn tuyển sinh – HN, các phương tiện thông tin đại chúng để tư vấn cho phụ huynh.

#### **- Đối với HS:**

+ Các chủ đề hướng nghiệp được xây dựng trên quan điểm hướng tới các hoạt động học tập đa dạng của học sinh như điều tra, xử lý thông tin, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống, tham quan... Tham gia các hoạt động này, học sinh sẽ yêu thích và biết cách tìm kiếm những thông tin cần thiết cho bản thân về nghề nghiệp, cơ sở đào tạo để có thể chủ động lựa chọn nghề nghiệp tương lai.

+ Công tác tuyên truyền là một khâu quan trọng trong mắt xích các chuỗi công việc của GDHN. Thông qua bảng tin hoạt động, qua trang web của nhà trường tận dụng để tuyên truyền nhận thức GDHN cho học sinh.

+ Thông qua các hình thức lao động công ích, các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ hay trong các phong trào của trường để tuyên truyền GDHN cho HS nhận thức được tầm quan trọng của việc chọn ngành, chọn nghề, từ đó các em có những định hướng đúng về nghề nghiệp tương lai, cũng qua đây nhằm khơi dậy động cơ tìm hiểu về ngành, nghề ở HS.

#### *2.5.4.2. Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm công tác GDHN*

##### **a) Mục đích:**

- Để công tác giáo dục HN đạt hiệu quả cao thì việc phát triển đội ngũ GV là biện pháp quan trọng cần thực hiện.

- Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về GDHN trong thời gian tới, chúng ta cần có một đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn sâu, có năng lực sư phạm về dạy nghề và hướng nghiệp, đặc biệt có tay nghề thực hành giỏi.

##### **b) Nội dung và cách thực hiện:**

- Trước mắt, để có giáo viên tham gia hoạt động GDHN, các trường THPT được khảo sát cần tận dụng hết đội ngũ giáo viên chủ nhiệm sẵn có cùng với giáo viên kỹ

thuật, dạy nghề tại trường tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn giáo viên hướng nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế ở các trường THPT. Tiếp đó, phải thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ này để họ nâng cao tay nghề, thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong hoạt động GDHN.

- Hợp đồng với giáo viên ở các trường TCCN và dạy nghề về dạy hướng nghiệp cho học sinh. Vận động các nghệ nhân tham gia giảng dạy hướng nghiệp các ngành nghề truyền thống của địa phương và đất nước.

- Liên kết với các trường DN, các trung tâm đào tạo, các chuyên gia tư vấn HN ngoài nhà trường để lập kế hoạch phối hợp đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV làm công tác HN.

- Xây dựng đội ngũ cộng tác viên gồm PHHS, cựu học sinh đã ra trường và thành đạt.

- Tổ chức công tác tập huấn, bồi dưỡng, các buổi sinh hoạt chuyên đề về công tác GDHN nhằm tạo điều kiện cho GV trao đổi học tập kinh nghiệm.

- Cử giáo viên và cán bộ quản lý đi tham quan, học tập ở một số trường làm tốt công tác hướng nghiệp.

- Tổ chức cho GV tìm hiểu các CSSX, các trường DN ở địa phương, thông qua các cơ sở này để bồi dưỡng tay nghề cho GV tạo điều kiện cho GV nắm được nội dung, hình thức, phương pháp HN trong và ngoài lớp, tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa các GV.

- Cần thành lập phòng hướng nghiệp, tổ tư vấn hướng nghiệp ngay tại trường. Người tham gia công tác tư vấn là: giáo viên tư vấn chuyên nghiệp tốt nghiệp khoa tâm lý giáo dục, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giáo viên kỹ thuật – hướng nghiệp hoặc mời cộng tác viên TVHN thu hút từ các trường THCN, TCN, các trường Cao đẳng, đại học, các cơ quan, xí nghiệp, cơ sở sản xuất....của thành phố.... Đó là những người có những hiểu biết nhất định về tâm lý giáo dục, có năng lực giao tiếp với học sinh và phụ huynh học sinh, các cựu học sinh hoặc phụ huynh học sinh am hiểu về nghề. Xây dựng chế độ làm việc và quy định rõ quyền hạn và nhiệm vụ và từng thành viên của Tổ TVHN.

- Hàng tháng, trong các buổi họp rút kinh nghiệm về chuyên môn của nhà trường thì tổ TVHN cũng phải có phần sơ kết của tình hình GDHN. Việc sơ kết thường xuyên

theo định kỳ hàng tháng giúp cho hoạt động nhanh chóng đưa vào nề nếp ổn định, đó như là một hoạt động thường xuyên bên cạnh các hoạt động chuyên môn khác của nhà trường. Hàng năm, Báo cáo về hướng nghiệp phải chỉ ra được những ưu điểm và tồn tại, bài học kinh nghiệm, phân tích nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các phía để rút kinh nghiệm, đồng thời báo cáo cần có thống kê hiệu quả của GDHN thông qua số lượng, tỷ lệ học sinh tham gia vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc đi làm vv...

#### *2.5.4.3. Tăng cường đầu tư về tài chính, CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác GDHN*

##### **a) Mục đích:**

- Huy động và tăng cường nguồn kinh phí cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp
- Tạo ra môi trường giáo dục thuận lợi, thân thiện giúp thu hút sự hứng thú của HS với những buổi sinh hoạt HN trong nhà trường.

##### **b) Nội dung và cách thực hiện:**

- Kêu gọi sự đầu tư từ các nguồn lực của xã hội qua công tác xã hội hóa giáo dục để phục vụ cho hoạt động GDHN. Lãnh đạo nhà trường THPT phải tranh thủ tham mưu trực tiếp với Sở để xin kinh phí cho việc tăng cường thiết kế và xây dựng đầy đủ các phòng dạy thực hành, thư viện, thiết bị, phòng HN và tư vấn HN, các trung tâm tư vấn HN theo tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT quy định.

- Ngoài nguồn ngân sách được duyệt theo kế hoạch, nhà trường cần tạo nguồn kinh phí qua tích lũy và tiết kiệm, đưa nội dung kinh phí cho hoạt động GDHN vào kế hoạch chi tiêu nội bộ dựa trên cơ sở kế hoạch hoạt động GDHN của nhà trường để tập thể đóng góp ý kiến và thông qua trong Hội nghị cán bộ công chức hàng năm.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo phòng ốc phục vụ hoạt động GDHN (phòng sinh hoạt HN, phòng tư vấn ...), nâng cấp trang thiết bị. Đồng thời, nhà trường phải phân đầu từng bước sửa chữa, nâng cấp và bổ sung một số trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa, phải cập nhật thường xuyên các tư liệu, sách báo, tranh ảnh hay các tài liệu tham khảo có nội dung và tính chất HN, trang bị thêm các phương tiện nghe nhìn, các thiết bị cần thiết cho tư vấn HN và tư vấn nghề...

- Nhà trường cần phải có biện pháp triệt để việc sử dụng và bảo quản tốt CSVC hiện có. Bên cạnh, việc mua mới các trang thiết bị, nhà trường cần động viên và đẩy



mạnh các phong trào thi đua làm đồ dùng dạy học liên quan đến hoạt động GDHN nhằm phát huy ý tưởng sáng tạo trong GV và HS, đồng thời làm phong phú nguồn tư liệu, ĐDDH phục vụ cho hoạt động.

- Phân công thành viên ban giám hiệu (Phó Hiệu trưởng) phụ trách về CSVC chỉ đạo việc quản lý, sử dụng CSVC phục vụ hoạt động GDHN. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng CSVC phục vụ hoạt động GDHN và có biện pháp khắc phục kịp thời.

## KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về hoạt động giáo dục hướng nghiệp; điều tra tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh cùng với việc bám sát mục tiêu đặt ra ban đầu, tác giả xin đưa ra một số kết luận sau:

1. Thực trạng công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh:

- Tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp giáo viên và học sinh nhận thức đúng nhưng chưa đầy đủ.

- Công tác quản lý việc thực hiện nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp được cả hai trường THPT khảo sát thực hiện ở mức “thường xuyên” (ĐTB = 2.6), kết quả thực hiện ở mức “hiệu quả” (ĐTB = 2.7). Trong đó, nội dung “Nhóm chủ đề về giao lưu, thảo luận, tham quan” xếp thứ hạng cao nhất về mức độ và kết quả thực hiện.

- Công tác quản lý xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp được đánh giá ở mức độ thực hiện “thường xuyên” và kết quả thực hiện ở mức “hiệu quả” (ĐTB theo mức độ và kết quả thực hiện của cán bộ quản lý là 2.6 và 2.7; của giáo viên là 2.4 và 2.8). Nội dung “Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chung của nhà trường” có mức độ thực hiện cao nhất (ĐTB của CBQL và GV điều là 2.9. Nội dung “Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chi tiết cho từng khối lớp” có kết quả thực hiện xếp vị trí thứ nhất (ĐTB theo kết quả của CBQL là 2.9. của GV là 2.8).

- Công tác quản lý tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp có ĐTB nằm khoảng từ 2.3 đến 2.8 (thỉnh thoảng đến thường xuyên). Đối với mức độ hiệu quả của công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cũng có ĐTB nằm khoảng từ 2.3 đến 2.8 (ít hiệu quả đến hiệu quả). Trong đó, hai nội dung xếp thứ hạng 1 là “Phân công chức danh và nhiệm vụ rõ ràng cho giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp”, “Phân chia công việc thành các nhiệm vụ cụ thể để người được phân công thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp một cách thuận lợi và hợp logic.” có ĐTB về mức độ thực hiện đều là 2.8, mức độ hiệu quả của hai nội dung này cũng xếp thứ hạng cao có ĐTB lần lượt là 2.6 và 2.8.

- Công tác quản lý chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp về mức độ có ĐTB nằm trong khoản từ 2.25 đến 2.75 (thỉnh thoảng – thường xuyên), ĐTB = 2.5 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên”. Đối với mức độ hiệu quả của công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp có ĐTB nằm khoảng từ 1.9 đến 2.8 (ít hiệu quả - hiệu quả), ĐTB = 2.5 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “hiệu quả”. Nội dung “Chỉ đạo việc thực hiện các phương pháp, hình thức hướng nghiệp gây được sự hứng thú cho HS, điều chỉnh hoạt động phối hợp giữa các GV để hiệu quả hướng nghiệp đạt cao” có mức độ thực hiện và kết quả thực hiện xếp thứ 1 ( với điểm trung bình lần lượt là ĐTB = 2.75, ĐTB = 2.9)

- Công tác quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp có được quan tâm nhưng chưa được sâu sát và đồng bộ, về mức độ thực hiện nhìn chung có ĐTB nằm trong khoản từ 2.3 đến 2.75 (thỉnh thoảng – thường xuyên), ĐTB = 2.53 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “thường xuyên”. Đối với mức độ hiệu quả của công tác kiểm tra thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp có ĐTB nằm khoảng từ 2.1 đến 2.8 (ít hiệu quả - hiệu quả), ĐTB = 2.46 xét trên thang điểm thì đạt mức độ “hiệu quả”

2. Những thuận lợi, khó khăn của lãnh đạo các trường trong công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp

#### • Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước ban hành những văn bản quy định cụ thể về hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

- Cán bộ quản lý năng động, sáng tạo, làm việc có kế hoạch và phương pháp khoa học; có khả năng dự báo tốt tình hình công tác giáo dục hướng nghiệp của nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên năng động, tích cực trong công việc.

- Đa số học sinh của các trường năng động, sáng tạo, ưa thích hoạt động tập thể. Đó là điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp.

#### • Khó khăn:

Yếu tố gây khó khăn nhiều nhất đến công tác quản lý hoạt động GDHN là “Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế” (ĐTB= 3.4) có mức độ khó khăn “nhiều” chiếm 42.9 %.

3. Những biện pháp người nghiên cứu đề xuất để nâng cao chất lượng cho công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn quận 1, TP. Hồ Chí Minh:

- Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông;
- Phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm công tác GDHN.
- Tăng cường đầu tư về tài chính, CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác GDHN

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng, Danh Ánh (2007), “*Cần đặt đúng vị trí của tư vấn hướng học và tư vấn hướng nghiệp trong trường phổ thông*”, Tạp chí Giáo dục, (số 163).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), *Tài liệu tham khảo dùng để hướng dẫn sinh hoạt hướng nghiệp THPT*, Trung tâm Lao động – hướng nghiệp.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 31/TT ngày 17/11/1981 - *Hướng dẫn thực hiện Quyết định của Hội đồng Chính phủ về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và sử dụng hợp lý học sinh phổ thông tốt nghiệp*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình, sách giáo khoa lớp 10 THPT - hoạt động giáo dục hướng nghiệp*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tài liệu phân phối chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp*, NXB Giáo dục.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp lớp 10, 11, 12*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Nguyễn, Trọng Bảo (1985), *Giáo dục lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
8. Nguyễn, Hải Châu (2007), *Giới thiệu giáo án hoạt động giáo dục hướng nghiệp 11*, NXB Hà Nội.
9. Đỗ, Chí Công (2014), *Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các trường THPT tỉnh Bình Dương*, luận văn thạc sĩ Giáo dục học – trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh
10. Phạm, Tất Dong (2006), *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp 10 – sách giáo viên*, NXB Giáo dục.
11. Phạm, Tất Dong (2008), *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp 12 – sách giáo viên*, NXB Giáo dục.
12. Trần, Khánh Đức (2002), *Giáo dục kỹ thuật – nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực*, NXB giáo dục.
13. Nhan, Ngọc Hà (2009), *Thực trạng và giải pháp quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp của hiệu trưởng ở các trường THPT Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ hiện nay*, luận văn thạc sĩ Giáo dục học – trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh

14. Phạm, Minh Hạc (1986), *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục*, NXB GD HN.
15. Trần, Thị Hương (chủ biên)., Nguyễn, Thị Bích Hạnh., Hồ, Văn Liên., Ngô, Đình Qua. (2010), *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHSP Tp Hồ Chí Minh
16. Trần, Kiêm (1997), *Quản lý giáo dục và trường học*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
17. Trần, Kiêm (2008), *Những vấn đề cơ bản của Khoa học Quản lý giáo dục* – Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm.
18. Nguyễn, Văn Lê (2004), *Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp – nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
19. Nguyễn, Quốc Thanh Long, *Thực trạng quản lý hoạt động hướng nghiệp của hiệu trưởng ở các trường THPT Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh*, luận văn thạc sĩ Giáo dục học – trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh
20. Nguyễn, Hữu Thiện (2004), *Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý hoạt động hướng nghiệp cho học sinh THPT tại thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất một số biện pháp*, Luận văn Thạc sĩ khoa học quản lý, trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
21. Lê, Thị Thu Trà (2016), *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trên địa bàn Hà Nội*, luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
22. Phạm, Ngọc Trâm (2011), *Thực trạng và một số biện pháp quản lý hoạt động hướng nghiệp của hiệu trưởng ở các trường THCS tại quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh*, luận văn thạc sĩ Giáo dục học – trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh
23. Phạm Quang Vinh – Nguyễn Thắng Vu (2007), *Tôi chọn nghề...(Cẩm nang bách nghệ dành cho các bạn trẻ)*, NXB Kim Đồng.

**- Đơn vị công tác:** .....

## B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

**Câu 6. Xin thầy/ cô vui lòng đánh giá mức độ và hiệu quả của công tác quản lý kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường mình:**

| STT         | NỘI DUNG QUẢN LÝ   | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|-------------|--|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|             |  | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>6.1.</b> | Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chung của nhà trường.      |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>6.2.</b> | Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chi tiết cho từng khối lớp |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>6.3.</b> | Yêu cầu tổ chức nhiệm vụ lập kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp                      |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>6.4.</b> | Nhà trường lập kế hoạch cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp                 |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>6.5.</b> | Nhà trường lập kế hoạch quản lý tài chính cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp              |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>6.6.</b> | Nhà trường lập kế hoạch phát triển đội ngũ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp             |                     |                     |                        |                 |                    |                       |



|             |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>6.7.</b> | Nhà trường lập kế hoạch dạy học cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp  |  |  |  |  |  |  |
| <b>6.8.</b> | Nhà trường lập kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với đoàn thể, với Ban đại diện CMHS để tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho các em |  |  |  |  |  |  |

**Câu 7. Kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường được lập theo:**

- a) Từng năm học
- b) Từng học kì
- c) Từng tháng

**Câu 8. Xin thầy/cô vui lòng đánh giá mức độ và hiệu quả của công tác tổ chức quản lý giáo dục hướng nghiệp ở trường mình công tác? (Đánh dấu X vào ô lựa chọn)**

| STT         | NỘI DUNG  | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|-------------|---|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|             |   | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>8.1.</b> | Xây dựng lực lượng tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường                      |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>8.2.</b> | Phân công, theo dõi công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho từng khối, lớp |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>8.3.</b> | Phân công chức danh và nhiệm vụ rõ ràng cho   |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|             |   |  |  |  |  |  |  |
|-------------|---|--|--|--|--|--|--|
|             | giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp  |  |  |  |  |  |  |
| <b>8.4.</b> | Phân chia công việc thành các nhiệm vụ cụ thể để người được phân công thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp một cách thuận lợi và hợp logic.              |  |  |  |  |  |  |
| <b>8.5.</b> | Phân công người xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh  |  |  |  |  |  |  |
| <b>8.6.</b> | Thiết lập một cơ chế điều phối, liên kết hoạt động giữa các thành viên hay bộ phận làm công tác giáo dục hướng nghiệp tạo điều kiện đạt mục tiêu hướng nghiệp |  |  |  |  |  |  |
| <b>8.7.</b> | Cử giáo viên theo học các lớp bồi dưỡng về giáo dục nghề  |  |  |  |  |  |  |
| <b>8.8.</b> | Phối hợp các lực lượng đoàn thể xã hội trong và ngoài nhà trường tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhận thức về hoạt động giáo dục hướng nghiệp                  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 9. Xin thầy/cô vui lòng đánh giá mức độ và hiệu quả của công tác chỉ đạo quản lý giáo dục hướng nghiệp ở trường mình công tác?**

| STT         | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|-------------|--|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|             |  | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>9.1.</b> | Chỉ đạo giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp theo mục tiêu, chương trình, kế hoạch của từng khối lớp  |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>9.2.</b> | Trường đưa ra hướng dẫn chi tiết cho giáo viên về quy trình tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp.   |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>9.3.</b> | Nhà trường có cung cấp thông tin cho GV về nhu cầu cán bộ, người lao động kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất của địa phương và trong vùng để GV hướng nghiệp cho HS |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>9.4.</b> | Chỉ đạo việc thực hiện các hình thức hướng nghiệp gây được hứng thú cho HS, điều chỉnh hoạt động phối hợp giữa các GV để đạt hiệu quả hướng nghiệp             |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>9.5.</b> | Chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đánh giá kết quả   |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|             |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|
|             | giáo dục hướng nghiệp cho HS   |  |  |  |  |  |  |
| <b>9.6.</b> | Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp. |  |  |  |  |  |  |
| <b>9.7.</b> | Nhà trường huy động hiệu quả nguồn kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp                       |  |  |  |  |  |  |

**Câu 10. Xin thầy cô vui lòng đánh giá mức độ và hiệu quả của công tác quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp:**

| <b>STT</b>   | <b>NỘI DUNG QUẢN LÝ</b>   | <b>MỨC ĐỘ THỰC HIỆN</b> |                     |                        |                 |                    |                       |
|--------------|---|-------------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|              |   | <i>Thường xuyên</i>     | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>10.1.</b> | Kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp thường xuyên theo kế hoạch tổng thể của nhà trường |                         |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>10.2.</b> | Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp                    |                         |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>10.3.</b> | Đánh giá thông qua báo cáo của giáo viên trực tiếp tham gia hoạt  |                         |                     |                        |                 |                    |                       |

|              |   |  |  |  |  |  |  |
|--------------|---|--|--|--|--|--|--|
|              | động giáo dục hướng nghiệp  |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.4.</b> | Kiểm tra và đánh giá qua việc lập và theo dõi hồ sơ hướng nghiệp cá nhân học sinh |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.5.</b> | Phối hợp các phương pháp để đánh giá hoạt động hướng nghiệp                       |  |  |  |  |  |  |

**Nội dung khác:**

.....

.....

.....

.....

**Câu 11. Xin thầy/ cô vui lòng cho biết mức độ gây khó khăn của những yếu tố sau trong công tác quản lý hoạt động GDHN của nhà trường:**

| STT          | YẾU TỐ   | MỨC ĐỘ GÂY KHÓ KHĂN |     |    |       |
|--------------|--|---------------------|-----|----|-------|
|              |  | Nhiều               | Vừa | Ít | Không |
| <b>11.1.</b> | Sự chỉ đạo sâu sát từ Bộ Giáo dục đến các cấp quản lý giáo dục về hoạt động giáo dục hướng nghiệp                |                     |     |    |       |
| <b>11.2.</b> | Nhận thức của cán bộ quản lý về nội dung và phương thức quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp thiếu rõ ràng    |                     |     |    |       |
| <b>11.3.</b> | Kiến thức và phương pháp giáo dục hướng nghiệp của một số GVCN và GV phụ trách công tác hướng nghiệp còn hạn chế |                     |     |    |       |
| <b>11.4.</b> | Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường (GVCN, GV bộ môn,                                       |                     |     |    |       |

|              |   |  |  |  |  |
|--------------|---|--|--|--|--|
|              | đoàn, đội) và ngoài nhà trường (gia đình học sinh và các lực lượng xã hội) trong công tác giáo dục hướng nghiệp chưa thống nhất và thiếu đồng bộ. |  |  |  |  |
| <b>11.5.</b> | Học sinh và gia đình học sinh ít quan tâm đến hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường  |  |  |  |  |
| <b>11.6.</b> | Những tác động không tích cực từ môi trường kinh tế - xã hội đến công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp                                 |  |  |  |  |
| <b>11.7.</b> | Điều kiện thời gian, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, thiết bị dạy học phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp không đầy đủ.             |  |  |  |  |
| <b>11.8.</b> | Các hoạt động nghiên cứu khoa học, báo cáo chuyên đề, SKKN liên quan đến hoạt động giáo dục hướng nghiệp chưa được chú trọng                      |  |  |  |  |
| <b>11.9.</b> | Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế   |  |  |  |  |

**Yếu tố khác:**

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 12. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường quý thầy/ cô theo dạng nào? (Đánh dấu X vào các ô lựa chọn)**

| STT   | NỘI DUNG   | Xác nhận thông tin |
|-------|--|--------------------|
| 12.1. | Thực hiện từng lớp độc lập   |                    |
| 12.2. | Thực hiện theo nhóm từng khối lớp                                  |                    |
| 12.3. | Thực hiện toàn trường nhưng tổ chức HĐGDHN một cách độc lập        |                    |
| 12.4. | Thực hiện lồng ghép vào các bộ môn văn hoá                         |                    |
| 12.5. | Thực hiện lồng ghép trong giờ sinh hoạt dưới cờ, tư vấn tuyển sinh |                    |
| 12.6. | HN thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất        |                    |
| 12.7. | HN thông qua các buổi giáo dục HN                                  |                    |
| 12.8. | HN thông qua các hoạt động ngoại khóa                              |                    |

**Câu 13. Lượng nào tham gia giáo dục hướng nghiệp ở trường của quý thầy/cô ? (Đánh dấu X vào các ô lựa chọn)**

| STT   | NỘI DUNG  | Xác nhận thông tin |
|-------|---|--------------------|
| 13.1. | Thầy/ cô trong Ban giám hiệu                                    |                    |
| 13.2. | Giáo viên chủ nhiệm   |                    |
| 13.3. | Giáo viên chuyên trách công tác tư vấn, hướng nghiệp tại trường |                    |
| 13.4. | Giáo viên của các trung tâm KTHN – DN                           |                    |
| 13.5. | Giáo viên tại trường có kinh nghiệm, GV phụ trách Đoàn TNCS HCM |                    |

**Câu 14. Xin thầy/ cô vui lòng đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong công tác quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp của mình:**

**a) Thuận lợi**

.....

.....

.....

.....

**b) Khó Khăn**

.....

.....

.....

.....

.....

*Em xin chân thành cảm ơn quý Thầy/Cô đã dành thời gian làm bài khảo sát này!*  
*Kính chúc Thầy/Cô thật nhiều sức khỏe!*



- ## PHỤ LỤC 2: Phiếu khảo sát dành cho giáo viên
- ### PHIẾU KHẢO SÁT

**Câu 7. Xin quý thầy/ cô vui lòng cho biết nhà trường có thành lập Ban Hướng nghiệp hay một bộ phận chuyên trách để thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS hay không?**

- a) Không thành lập
- b) Có thành lập nhưng không hoạt động
- c) Có thành lập và có hoạt động
- d) Không biết

**Câu 8. Hiệu trưởng có phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng thành viên trong Ban Hướng nghiệp và kiểm tra hiệu quả hoạt động của Ban Hướng nghiệp hay không?**

- a) Không phân công và không kiểm tra
- b) Có phân công nhưng không kiểm tra
- c) Phân công, phân nhiệm rõ ràng và có kết hợp với kiểm tra
- d) Không biết

**Câu 9. Thầy/Cô GV bộ môn có được tập huấn hay hướng dẫn việc thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho HS thông qua giảng dạy bộ môn do mình phụ trách hay không?**

- a) Chưa có GV nào được tập huấn, hướng dẫn
- b) Chỉ có một số GV được tập huấn, hướng dẫn
- c) Tất cả GV đều được tập huấn, hướng dẫn
- d) Không biết

**Câu 10. Xin quý thầy/ cô vui lòng cho biết mức độ và hiệu quả thực hiện chức năng kế hoạch hóa trong công tác giáo dục hướng nghiệp của cán bộ quản lý nhà trường**

| STT          | NỘI DUNG QUẢN LÝ  | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|--------------|---|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|              |   | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>10.1.</b> | Xây dựng kế hoạch, chương trình giáo dục hướng nghiệp chung của nhà trường. |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|              |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>10.2.</b> | Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp chi tiết cho từng khối lớp   |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.3.</b> | Yêu cầu tổ chức nhiệm vụ lập kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp  |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.4.</b> | Nhà trường lập kế hoạch cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp   |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.5.</b> | Nhà trường lập kế hoạch quản lý tài chính cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp  |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.6.</b> | Nhà trường lập kế hoạch phát triển đội ngũ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp   |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.7.</b> | Nhà trường lập kế hoạch dạy học cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp  |  |  |  |  |  |  |
| <b>10.8.</b> | Trường lập kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với đoàn thể, với Ban đại diện CMHS để tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho các em |  |  |  |  |  |  |

**Câu 11. Xin quý thầy/cô vui lòng cho biết mức độ và hiệu quả thực hiện chức năng tổ chức trong công tác giáo dục hướng nghiệp của cán bộ quản lý nhà trường**

| STT          | NỘI DUNG  | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|--------------|---|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|              |   | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>11.1.</b> | Xây dựng lực lượng tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường  |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>11.2.</b> | Phân công, theo dõi công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho từng khối, lớp   |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>11.3.</b> | Phân công chức danh và nhiệm vụ rõ ràng cho giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp  |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>11.4.</b> | Chia công việc thành các nhiệm vụ cụ thể để người được phân công thực hiện hoạt động giáo dục hướng nghiệp một cách thuận lợi, hợp logic. |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>11.5.</b> | Phân công người xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh  |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>11.6.</b> | Thiết lập cơ chế điều phối, liên kết hoạt động giữa các   |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|              |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|--|--|--|--|--|
|              | thành viên(bộ phận)làm công tác giáo dục hướng nghiệp tạo điều kiện đạt mục tiêu HN  |  |  |  |  |  |  |
| <b>11.7.</b> | Cử giáo viên theo học các lớp bồi dưỡng về giáo dục nghề   |  |  |  |  |  |  |
| <b>11.8.</b> | Phối hợp các lực lượng đoàn thể xã hội trong và ngoài nhà trường tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhận thức về hoạt động giáo dục hướng nghiệp |  |  |  |  |  |  |

**Câu 12. Xin quý thầy/ cô vui lòng cho biết mức độ và hiệu quả thực hiện chức năng chỉ đạo trong công tác giáo dục hướng nghiệp của cán bộ quản lý nhà trường**

| <b>STT</b>   | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC ĐỘ</b>       |                     |                        | <b>HIỆU QUẢ</b> |                    |                       |
|--------------|---|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|              |   | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>12.1.</b> | Chỉ đạo giáo viên thực hiện giáo dục hướng nghiệp theo mục tiêu, chương trình, kế hoạch của từng khối lớp         |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>12.2.</b> | Nhà trường đưa ra hướng dẫn rõ ràng, chi tiết cho giáo viên về quy trình tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp. |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|              |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>12.3.</b> | Nhà trường có cung cấp thông tin cho GV về nhu cầu người lao động kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất của địa phương để GV hướng nghiệp cho HS           |  |  |  |  |  |  |
| <b>12.4.</b> | Chỉ đạo việc thực hiện các hình thức hướng nghiệp gây được hứng thú cho HS, điều chỉnh hoạt động phối hợp giữa các GV để đạt hiệu quả hướng nghiệp |  |  |  |  |  |  |
| <b>12.5.</b> | Chỉ đạo xây dựng chuẩn đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho HS   |  |  |  |  |  |  |
| <b>12.6.</b> | Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp.   |  |  |  |  |  |  |
| <b>12.7.</b> | Nhà trường huy động hiệu quả nguồn kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp   |  |  |  |  |  |  |

**Câu 13. Xin quý thầy/ cô vui lòng cho biết mức độ và hiệu quả thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục hướng nghiệp của cán bộ quản lý nhà trường**

| STT | NỘI DUNG QUẢN LÝ | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|-----|------------------|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|     |                  | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |

|              |   |  |  |  |  |  |  |
|--------------|---|--|--|--|--|--|--|
| <b>13.1.</b> | Kiểm tra và đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp thường xuyên theo kế hoạch tổng thể của trường |  |  |  |  |  |  |
| <b>13.2.</b> | Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện kế hoạch HĐGDHN   |  |  |  |  |  |  |
| <b>13.3.</b> | Đánh giá thông qua báo cáo của giáo viên trực tiếp tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp         |  |  |  |  |  |  |
| <b>13.4.</b> | Kiểm tra, đánh giá qua việc lập và theo dõi hồ sơ hướng nghiệp cá nhân học sinh                     |  |  |  |  |  |  |
| <b>13.5.</b> | Phối hợp các phương pháp để đánh giá hoạt động hướng nghiệp   |  |  |  |  |  |  |

**Câu 14. Nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường của quý thầy/cô thực hiện đạt mức độ và hiệu quả như thế nào?**

| <b>STT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC ĐỘ</b>       |                     |                        | <b>HIỆU QUẢ</b> |                    |                       |
|-------------|---|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|             |   | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>14.1</b> | Nhóm chủ đề về kiến thức chung, cơ sở cho việc chọn nghề nghiệp |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>14.2</b> | Nhóm chủ đề về kiến thức liên quan đến nhóm nghề và nghề cụ thể |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|             |   |  |  |  |  |  |  |
|-------------|---|--|--|--|--|--|--|
| <b>14.3</b> | Nhóm chủ đề về giao lưu, thảo luận, tham quan   |  |  |  |  |  |  |
| <b>14.4</b> | Nhóm chủ đề về tư vấn nghề  |  |  |  |  |  |  |
| <b>14.5</b> | Nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp thực hiện với thời lượng 1 tiết/tháng một cách độc lập        |  |  |  |  |  |  |
| <b>14.6</b> | Nội dung chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp với thời lượng 1tiết/tháng có lồng ghép vào các tiết học khác |  |  |  |  |  |  |
| <b>14.7</b> | Ngoài những chủ đề theo quy định của Bộ GD&ĐT nhà trường còn thực hiện một vài nội dung                             |  |  |  |  |  |  |

**Câu 15. Việc sử dụng phương pháp dạy học hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường quý thầy/cô với mức độ và hiệu quả như thế nào ?**

| <b>STT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>            | <b>MỨC ĐỘ</b>       |                     |                        | <b>HIỆU QUẢ</b> |                    |                       |
|-------------|----------------------------|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|             |                            | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| <b>15.1</b> | Phương pháp thuyết trình   |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>15.2</b> | Phương pháp trực quan      |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>15.3</b> | Phương pháp đàm thoại      |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>15.4</b> | Phương pháp thực hành      |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>15.5</b> | Phương pháp thảo luận nhóm |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| <b>15.6</b> | Phương pháp đóng vai       |                     |                     |                        |                 |                    |                       |



|             |                        |  |  |  |  |  |  |
|-------------|------------------------|--|--|--|--|--|--|
| <b>15.7</b> | Phương pháp tình huống |  |  |  |  |  |  |
| <b>15.8</b> | Phương pháp trò chơi   |  |  |  |  |  |  |
| <b>15.9</b> | PPDH theo dự án        |  |  |  |  |  |  |

**Câu 16. Hình thức tổ chức HĐGDHN ở trường quý thầy cô theo dạng nào?**

| <b>STT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>Xác nhận thông tin</b> |
|-------------|--|---------------------------|
| <b>16.1</b> | Thực hiện từng lớp độc lập   |                           |
| <b>16.2</b> | Thực hiện theo nhóm từng khối lớp                                  |                           |
| <b>16.3</b> | Thực hiện toàn trường nhưng tổ chức HĐGDHN một cách độc lập        |                           |
| <b>16.4</b> | Thực hiện lồng ghép vào các bộ môn văn hoá                         |                           |
| <b>16.5</b> | Thực hiện lồng ghép trong giờ sinh hoạt dưới cờ, tư vấn tuyển sinh |                           |
| <b>16.6</b> | HN thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất        |                           |
| <b>16.7</b> | HN thông qua các buổi giáo dục HN                                  |                           |
| <b>16.8</b> | HN thông qua các hoạt động ngoại khóa                              |                           |

**Câu 17. Lực lượng nào tham gia giáo dục hướng nghiệp ở trường quý thầy/ cô ?**

| <b>STT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>Xác nhận thông tin</b> |
|-------------|---|---------------------------|
| <b>17.1</b> | Thầy/ cô trong Ban giám hiệu                                    |                           |
| <b>17.2</b> | Giáo viên chủ nhiệm   |                           |
| <b>17.3</b> | Giáo viên chuyên trách công tác tư vấn, hướng nghiệp tại trường |                           |
| <b>17.4</b> | Giáo viên của các trung tâm KTHN – DN                           |                           |
| <b>17.5</b> | Giáo viên tại trường có kinh nghiệm, GV phụ trách Đoàn TNCS HCM |                           |

**Câu 18. Việc kiểm tra, đánh giá HĐGDHN ở trường quý thầy/ cô thực hiện bằng hình thức nào?**

| <b>STT</b> | <b>NỘI DUNG</b> | <b>Xác nhận</b> |
|------------|-----------------|-----------------|
|------------|-----------------|-----------------|

|      |   | thông tin |
|------|---|-----------|
| 18.1 | Giáo viên trao đổi, trò chuyện, vấn đáp với học sinh  |           |
| 18.2 | Giáo viên cho học sinh viết bản thu hoạch về các chủ đề được học                            |           |
| 18.3 | Giáo viên cho học sinh làm bài trắc nghiệm  |           |
| 18.4 | Giáo viên quan sát hoạt động của học sinh   |           |
| 18.5 | Giáo viên đánh giá sản phẩm hoạt động của học sinh như bài thuyết trình, tiểu phẩm, kịch,.. |           |
| 18.6 | Giáo viên chủ nhiệm đánh giá qua hạnh kiểm của học sinh                                     |           |

*Tôi xin chân thành cảm ơn quý Thầy/Cô đã dành thời gian làm bài khảo sát này!  
Chúc Thầy/Cô thật nhiều sức khỏe!*

### PHỤ LỤC 3: Phiếu khảo sát dành cho học sinh

#### PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH

# Chào bạn!

Nhằm thu thập thông tin cho đề tài "*Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh*". Mong bạn cho ý kiến về các nội dung dưới đây. Tôi cam kết thông tin khảo sát chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu. Ý kiến của bạn góp phần rất quan trọng vào sự thành công của đề tài. Mong nhận được sự giúp đỡ của các bạn!

**Em vui lòng cho biết vài thông tin về bản thân:**

**Câu 1. Trường em đang học:**

.....

**Câu 2. Em học lớp:** 10 ☐ 11 ☐ 12 ☐

**Câu 3. Em là:**      Nam ☐      Nữ ☐

**Câu 4. Em có thích chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp do nhà trường tổ chức?**

- a. Rất thích    b. Thích  
c. Có cũng được, không cũng được        d. Không thích

**Câu 5. Em có thường xuyên, tích cực tham gia hoạt động giáo dục hướng nghiệp do nhà trường tổ chức?**

- a. Rất tích cực      b. Tích cực      c. Ít tích cực      d. Không tích cực

**Câu 6. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường em được tổ chức theo dạng nào? Đánh dấu (X) vào ô xác nhận thông tin**

| STT  | NỘI DUNG   | Xác nhận thông tin |
|------|--|--------------------|
| 6.1  | Thực hiện từng lớp độc lập   |                    |
| 6.2  | Thực hiện theo nhóm từng khối lớp                                  |                    |
| 6.3  | Thực hiện toàn trường nhưng tổ chức HĐGDHN một cách độc lập        |                    |
| 6.4  | Thực hiện lồng ghép vào các bộ môn văn hoá                         |                    |
| 6.5  | Thực hiện lồng ghép trong giờ sinh hoạt dưới cờ, tư vấn tuyển sinh |                    |
| 6.6  | Thông qua các buổi sinh hoạt hướng nghiệp                          |                    |
| 6.7  | Thông qua hoạt động ngoại khóa                                     |                    |
| 6.8  | Thông qua dạy học môn kỹ thuật và sinh hoạt ngoại khóa             |                    |
| 6.9  | Tổ chức cho HS tham quan các làng nghề và các cơ sở sản xuất       |                    |
| 6.10 | Các giờ học môn hoạt động giáo dục hướng nghiệp                    |                    |
| 6.11 | Mời các chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề cho HS            |                    |
| 6.12 | Tổ chức ngày hội hướng nghiệp                                      |                    |
| 6.13 | Kết hợp các trường ĐH, CĐ tổ chức hướng nghiệp cho HS              |                    |

**Câu 7. Lực lượng nào tham gia giáo dục hướng nghiệp ở trường của em ? Đánh dấu (X) vào ô xác nhận thông tin**

| STT | NỘI DUNG  | Xác nhận thông tin |
|-----|---|--------------------|
| 7.1 | Thầy/ cô trong Ban giám hiệu                                    |                    |
| 7.2 | Giáo viên chủ nhiệm   |                    |
| 7.3 | Giáo viên chuyên trách công tác tư vấn, hướng nghiệp tại trường |                    |
| 7.4 | Giáo viên của các trung tâm KTHN – DN                           |                    |
| 7.5 | GV tại trường có kinh nghiệm, GV phụ trách Đoàn TNCS HCM        |                    |

**Câu 8. Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường của các em thực hiện bằng hình thức nào? Đánh dấu (X) vào ô xác nhận thông tin**

| STT | NỘI DUNG  | Xác nhận thông tin |
|-----|---|--------------------|
| 8.1 | Giáo viên trao đổi, trò chuyện, vấn đáp với học sinh  |                    |
| 8.2 | Giáo viên cho học sinh viết bản thu hoạch về các chủ đề được học                            |                    |
| 8.3 | Giáo viên cho học sinh làm bài trắc nghiệm  |                    |
| 8.4 | Giáo viên quan sát hoạt động của học sinh   |                    |
| 8.5 | Giáo viên đánh giá sản phẩm hoạt động của học sinh như bài thuyết trình, tiểu phẩm, kịch,.. |                    |
| 8.6 | Giáo viên chủ nhiệm đánh giá qua hạnh kiểm của học sinh                                     |                    |

**Câu 9. Việc sử dụng phương pháp dạy học hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường em đạt đến mức độ và hiệu quả ra sao? Đánh dấu (X) vào ô tương ứng**

| STT | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ              |                     |                        | HIỆU QUẢ        |                    |                       |
|-----|--|---------------------|---------------------|------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
|     |  | <i>Thường xuyên</i> | <i>Thỉnh thoảng</i> | <i>Không thực hiện</i> | <i>Hiệu quả</i> | <i>Ít hiệu quả</i> | <i>Không hiệu quả</i> |
| 9.1 | Giáo viên biện thích giúp cho học sinh tìm hiểu nội dung giáo dục  |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| 9.2 | Giáo viên dùng hình ảnh minh họa, đồ dung trực quan                |                     |                     |                        |                 |                    |                       |
| 9.3 | Giáo viên trò chuyện, trao đổi với học sinh về các chủ đề giáo dục |                     |                     |                        |                 |                    |                       |

|            |  |  |  |  |  |  |  |
|------------|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>9.4</b> | Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành các nội dung có liên quan đến chủ đề giáo dục   |  |  |  |  |  |  |
| <b>9.5</b> | Giáo viên phân chia thành từng nhóm nhỏ, các thành viên trong nhóm cùng thảo luận và trao đổi để giải quyết các vấn đề được đặt ra   |  |  |  |  |  |  |
| <b>9.7</b> | Giáo viên tổ chức cho học sinh xử lý các tình huống bằng cách phân vai   |  |  |  |  |  |  |
| <b>9.8</b> | Giáo viên tổ chức cho học sinh xử lý các tình huống có liên quan đến chủ đề giáo dục   |  |  |  |  |  |  |
| <b>9.9</b> | Giáo viên tổ chức cho học sinh nắm nội dung giáo dục thông qua các trò chơi<br><br>Giáo viên tổ chức cho học sinh xây dựng bài học theo một kế hoạch gắn với việc thực hành và tạo ra sản phẩm |  |  |  |  |  |  |

**Câu 10. Em đã chọn được ngành nào để học sau khi tốt nghiệp THPT chưa?**

- Đã chọn được ngành và nghề
- Đã chọn được ngành nhưng chưa chọn được nghề cụ thể trong ngành đó

- c) Chưa chọn được ngành
- d) Chưa nghĩ đến việc chọn ngành
- e) Không có ý kiến

**Câu 11. Ngành, nghề mà em định chọn để học sau khi tốt nghiệp THPT phải là ngành, nghề như thế nào?**

- a) Ngành, nghề đó phải phù hợp với sở thích, năng lực, tính cách và thể chất của bản thân.
- b) Ngành, nghề đó phải có thu nhập cao
- c) Ngành, nghề đó phải có địa vị cao trong XH
- d) Ngành, nghề đó phải được gia đình em thích
- e) Ngành, nghề đó phải có nhiều bạn bè em chọn học
- f) Không có ý kiến

**Câu 12. Theo em, hoạt động giáo dục hướng nghiệp của các Thầy (Cô) và của nhà trường có giúp gì cho em trong việc chọn ngành, chọn nghề phù hợp với bản thân không?**

- a) Nhà trường và thầy/cô chưa tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho các em
- b) Nhà trường và thầy/cô có giáo dục hướng nghiệp cho các em nhưng rất ít và chưa thiết thực cho việc chọn ngành, chọn nghề của chúng em
- c) Nhà trường và thầy/cô có nhiều hoạt động GDHN cho các em và sự giáo dục rất hiệu quả, giúp các em rất nhiều trong việc lựa chọn ngành, nghề
- d) Không có ý kiến

**Ý kiến khác:**

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 13. Thư viện trường có giới thiệu hay trưng bày các sách, báo, tư liệu có nội dung hướng dẫn cho HS chọn ngành, chọn nghề, chọn trường hoặc có nội dung và tính chất hướng nghiệp không?**

- a) Có nhưng HS không biết
- b) Có và HS có biết
- c) Không

**Câu 14. Nhà trường có phòng thông tin về hướng nghiệp và các tài liệu để phục vụ cho công tác hướng nghiệp không?**

- a) Không có phòng thông tin về hướng nghiệp
- b) Có phòng thông tin về hướng nghiệp nhưng rất ít tài liệu
- c) Có phòng thông tin về hướng nghiệp và có nhiều tài liệu phục vụ cho công tác HN
- d) Không có ý kiến

**Câu 15. Em có được nhà trường, thầy/cô giới thiệu hay em có biết đến các thông tin về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2020 của Bộ GD-ĐT không?**

- a) Em chưa nghe nói đến thông tin nào cả
- b) Em có nghe nói nhưng chưa thấy đầy đủ các thông tin cần thiết
- c) Em đã có đủ các thông tin này
- d) Không có ý kiến

**Tôi xin chân thành cảm ơn bạn đã dành thời gian làm bài khảo sát này!**

**PHỤ LỤC 4: Bảng và biểu đồ số liệu khảo sát****Bảng 15: Đánh giá của CBQL và GV về hình thức tổ chức HĐ GDHN tại trường THPT đang công tác**

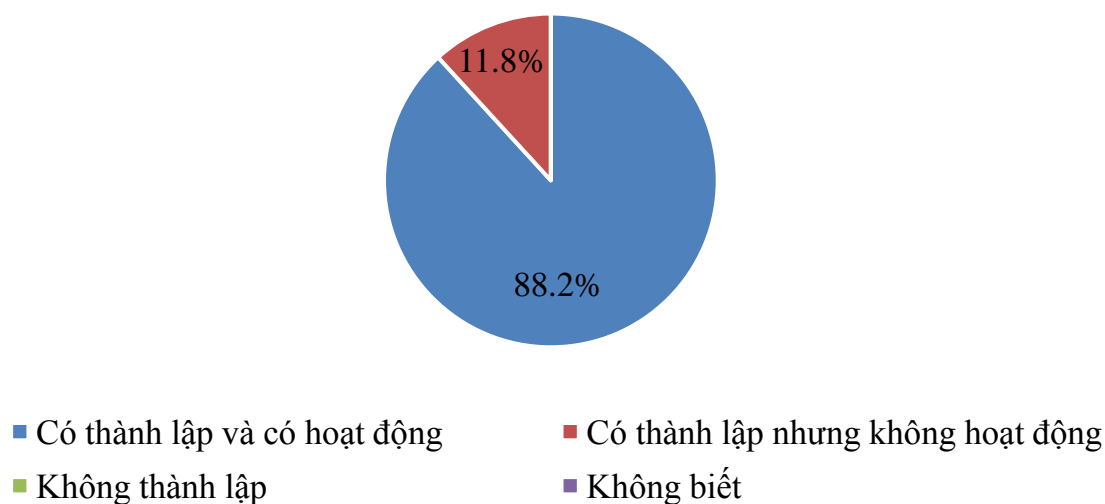
| STT | NỘI DUNG   | Tỉ lệ % |       |          |
|-----|--|---------|-------|----------|
|     |  | CBQL    | GV    | Học sinh |
| 1   | Thực hiện từng lớp độc lập   | 35.3%   | 57.1% | 34.4%    |
| 2   | Thực hiện theo nhóm từng khối lớp                                  | 82.4%   | 100%  | 61.2%    |
| 3   | Thực hiện toàn trường nhưng tổ chức HĐGDHN một cách độc lập        | 58.8%   | 57.1% | 32.6%    |
| 4   | Thực hiện lồng ghép vào các bộ môn văn hoá                         | 47.1%   | 57.1% | 26.3%    |
| 5   | Thực hiện lồng ghép trong giờ sinh hoạt dưới cờ, tư vấn tuyển sinh | 82.4%   | 100%  | 79.9%    |
| 6   | HN thông qua học tập lao động kỹ thuật và lao động sản xuất        | 35.3%   | 14.3% | 75%      |
| 7   | HN thông qua các buổi giáo dục HN                                  | 64.7%   | 100%  | 54%      |
| 8   | HN thông qua các hoạt động ngoại khóa                              | 76.5%   | 100%  | 26.3%    |

**Bảng 16: Đánh giá của CBQL và GV về lực lượng tham gia giáo dục hướng nghiệp tại trường THPT đang công tác**

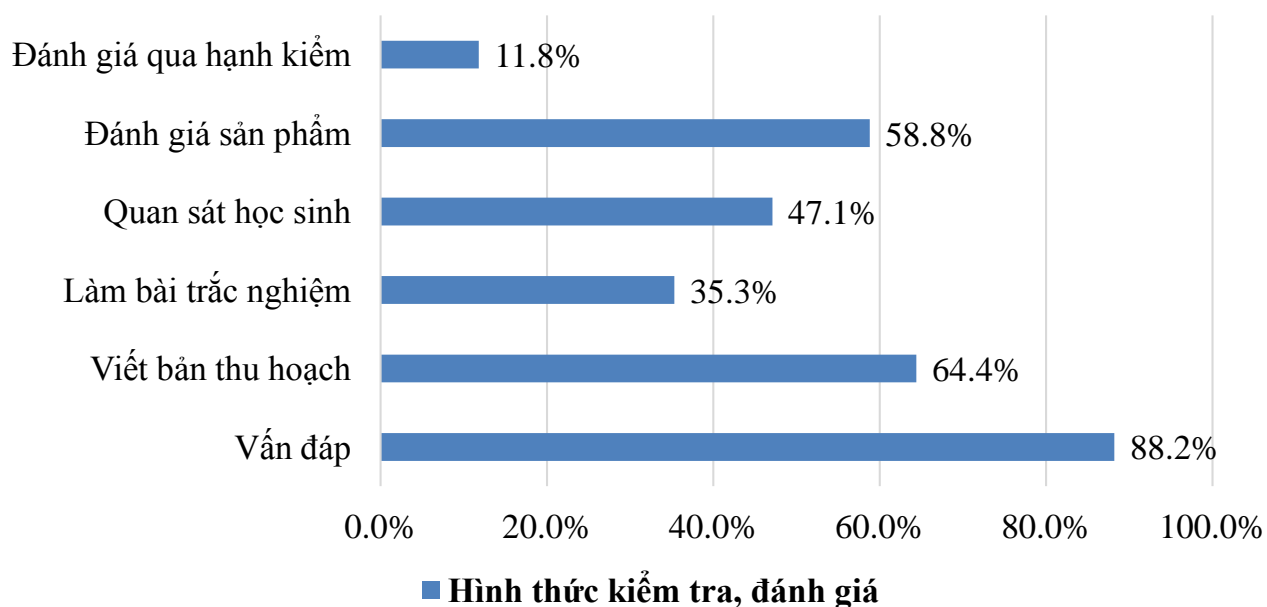
| STT | NỘI DUNG  | Tỉ lệ % |       |          |
|-----|---|---------|-------|----------|
|     |   | CBQL    | GV    | Học sinh |
| 1   | Thầy/ cô trong Ban giám hiệu                                    | 52.9%   | 85.7% | 64.7%    |
| 2   | Giáo viên chủ nhiệm   | 82.4%   | 100%  | 62.1%    |
| 3   | Giáo viên chuyên trách công tác tư vấn, hướng nghiệp tại trường | 76.5%   | 85.7% | 66.1%    |
| 4   | Giáo viên của các trung tâm KTHN – DN                           | 52.9%   | 57.1% | 54%      |
| 5   | Giáo viên tại trường có kinh nghiệm, GV phụ trách Đoàn TNCS HCM | 41.2%   | 71.4% | 43.3%    |



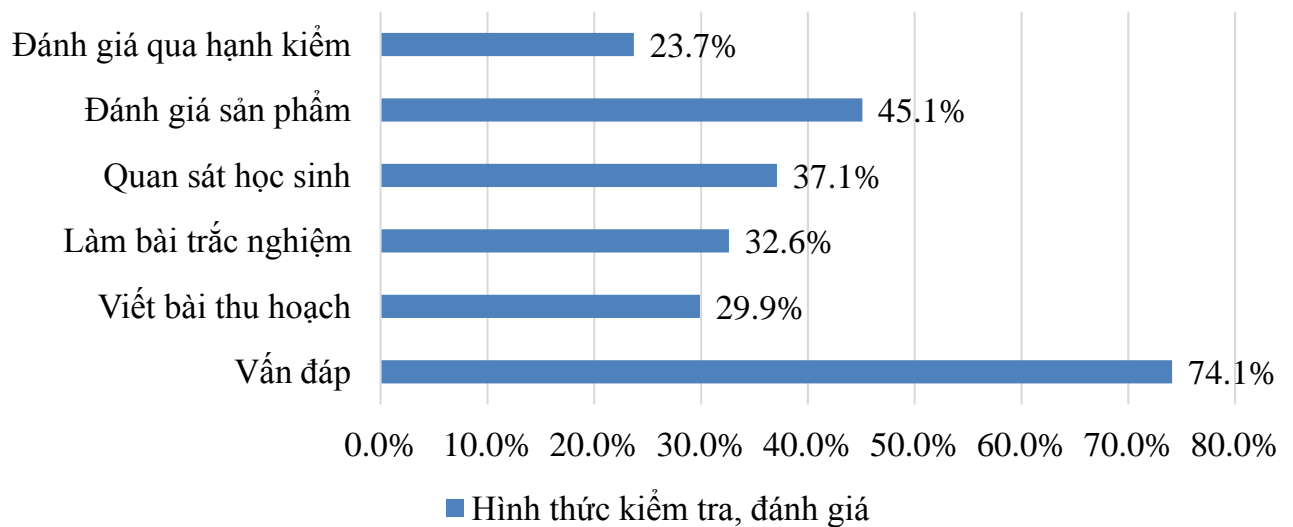
**Biểu đồ 4: Đánh giá của GV về việc thành lập Ban hướng nghiệp tại trường THPT đang công tác**



**Biểu đồ 5: Đánh giá của giáo viên về hình thức kiểm tra, đánh giá HĐ GDHN**



**Biểu đồ 6: Đánh giá của học sinh về hình thức kiểm tra, đánh giá HĐ GDHN**

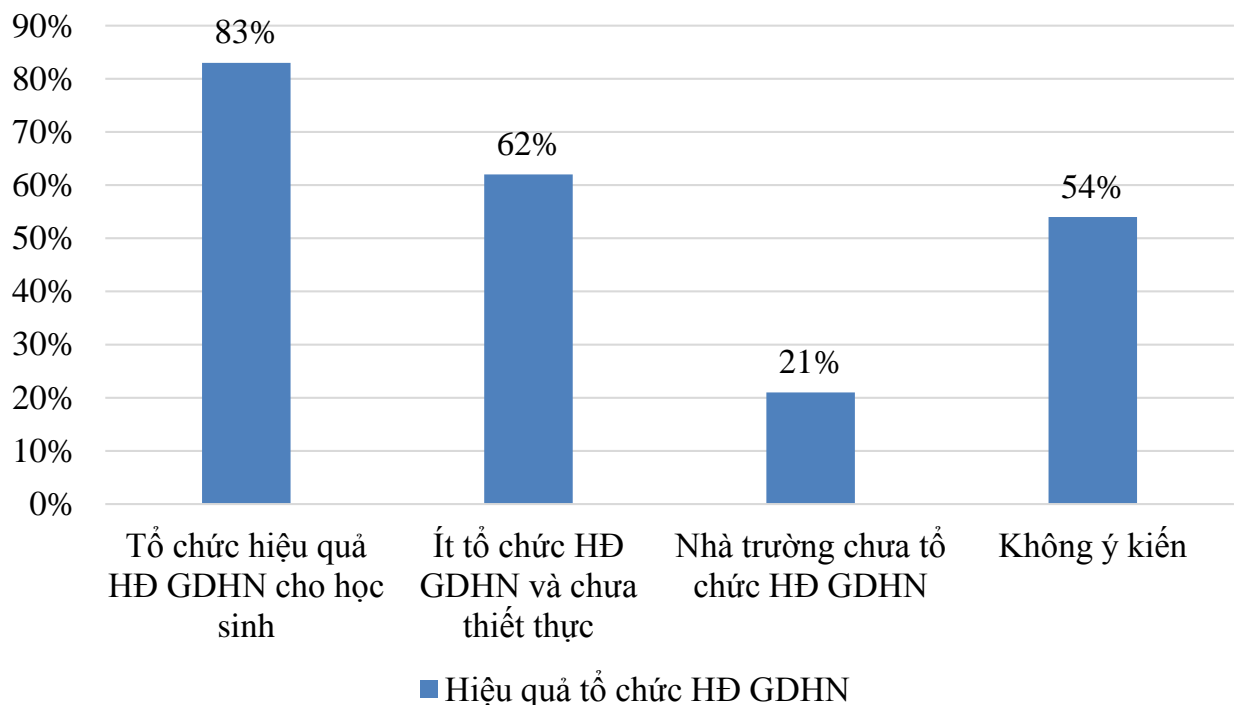


**Bảng 17: Đánh giá của học sinh về mức độ và hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp tổ chức HĐ GDHN**

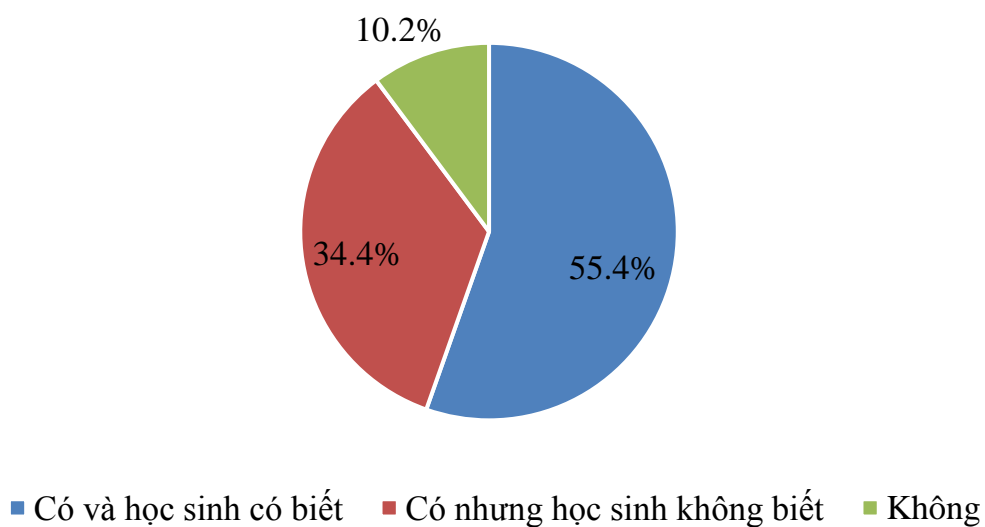
| STT | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ THỰC HIỆN |          | KẾT QUẢ THỰC HIỆN |          |
|-----|--|------------------|----------|-------------------|----------|
|     |  | ĐTB              | Thứ hạng | ĐTB               | Thứ hạng |
| 1   | Giáo viên biện pháp thích giúp cho học sinh tìm hiểu nội dung giáo dục                 | 2.2              | 2        | <u>2</u>          | 1        |
| 2   | Giáo viên dùng hình ảnh minh họa, đồ dung trực quan                                    | 2                | 3        | 1.8               | 3        |
| 3   | Giáo viên trò chuyện, trao đổi với học sinh về các chủ đề giáo dục                     | <u>2.3</u>       | <u>1</u> | 1.9               | 2        |
| 4   | Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành các nội dung có liên quan đến chủ đề giáo dục | 1.9              | 6        | 1.6               | 6        |
| 5   | Giáo viên phân chia thành từng nhóm nhỏ, các thành viên trong nhóm cùng thảo luận      | 2                | 3        | 1.6               | 6        |

|            |   |                   |                 |                   |                 |
|------------|---|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|            | và trao đổi để giải quyết các vấn đề được đặt ra  |                   |                 |                   |                 |
| <b>6</b>   | Giáo viên tổ chức cho học sinh xử lý các tình huống bằng cách phân vai                                      | <u><b>1.7</b></u> | <u><b>8</b></u> | <u><b>1.5</b></u> | <u><b>9</b></u> |
| <b>7</b>   | Giáo viên tổ chức cho học sinh xử lý các tình huống có liên quan đến chủ đề giáo dục                        | <u><b>1.7</b></u> | <u><b>8</b></u> | 1.6               | 6               |
| <b>8</b>   | Giáo viên tổ chức cho học sinh nắm nội dung giáo dục thông qua các trò chơi                                 | 1.9               | 6               | 1.7               | 4               |
| <b>9</b>   | Giáo viên tổ chức cho học sinh xây dựng bài học theo một kế hoạch gắn với việc thực hành và tạo ra sản phẩm | 2                 | 3               | 1.7               | 4               |
| <b>ĐTB</b> |   | <b>1.97</b>       |                 | <b>1.71</b>       |                 |

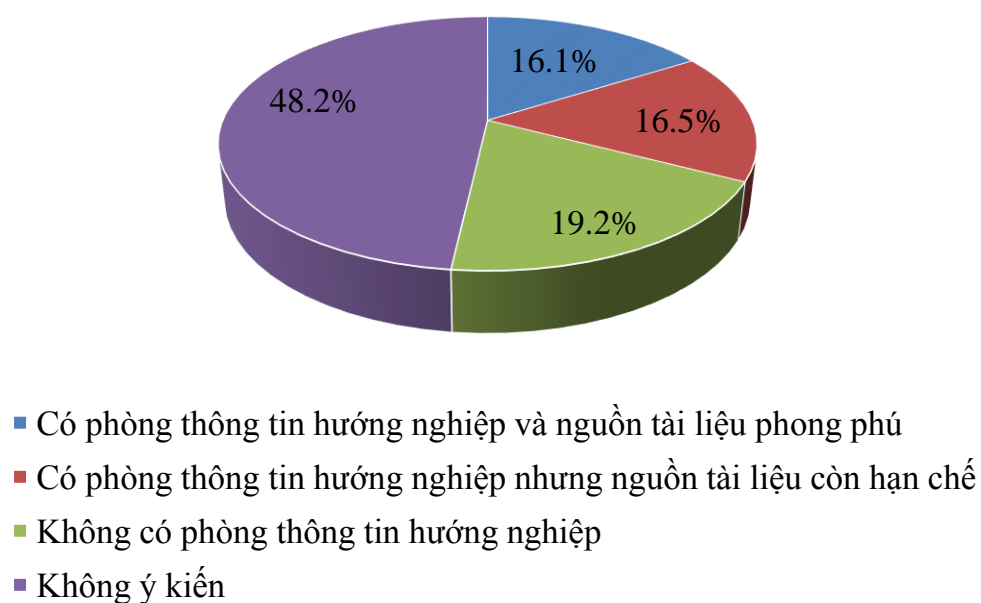
**Biểu đồ 7: Đánh giá của học sinh hiệu quả tổ chức HĐ GDHN**



**Biểu đồ 8: Đánh giá của học sinh về nguồn tài liệu HD GDHN ở thư viện trường**



**Biểu đồ 9: Đánh giá của học sinh về phòng thông tin hướng nghiệp và nguồn tài liệu phục vụ cho công tác hướng nghiệp**



**Bảng 18: Đánh giá của học sinh về vấn đề cung cấp thông tin tuyển sinh Đại học,  
Cao đẳng năm 2020 của Bộ GD&ĐT**

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí</b><br><b>Nội dung</b>                            | <b>Tần<br/>số</b> | <b>Tỉ lệ<br/>%</b>  | <b>Thứ<br/>bậc</b> |
|-----------|---|-------------------|---------------------|--------------------|
| <b>1</b>  | Em đã có đủ các thông tin này                                 | 64                | 28.6 %              | 2                  |
| <b>2</b>  | Em có nghe nói nhưng chưa thấy đầy đủ các thông tin cần thiết | <b><u>72</u></b>  | <b><u>32.1%</u></b> | <b><u>1</u></b>    |
| <b>3</b>  | Em chưa nghe nói đến thông tin nào cả                         | 40                | 17.9%               | 4                  |
| <b>4</b>  | Không có ý kiến   | 48                | 21.4%               | 3                  |